

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 19 /TTr-UBND

Thanh Hoá, ngày 03 tháng 4 năm 2020

TỜ TRÌNH
Về phương án phân bổ kế hoạch vốn Chương trình MTQG
xây dựng nông thôn mới năm 2020 tỉnh Thanh Hóa.

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019;

Căn cứ Nghị quyết số 100/2015/QH13 ngày 12/11/2015 của Quốc hội về phê duyệt chủ trương đầu tư các Chương trình MTQG giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 786/NQ-UBNDQH14 ngày 16/10/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 phê duyệt Chương trình MTQG xây dựng NTM giai đoạn 2016 - 2020; số 1760/QĐ-TTg ngày 10/11/2017 về việc điều chỉnh bổ sung Chương trình MTQG xây dựng NTM giai đoạn 2016 - 2020; số 1865/QĐ-TTg ngày 23/11/2017 về giao kế hoạch thực hiện các chương trình MTQG giai đoạn 2016 - 2020; số 12/2017/QĐ-TTg ngày 22/4/2017 về việc ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM giai đoạn 2016-2020; số 1706/QĐ-TTg ngày 29/11/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch vốn ngân sách nhà nước năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 1882/QĐ-BKHĐT ngày 29/11/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc giao mục tiêu, nhiệm vụ và chỉ tiết dự toán chi ngân sách Trung ương thực hiện các Chương trình MTQG năm 2020;

Căn cứ các Nghị quyết của HĐND tỉnh: Số 126/2015/NQ-HĐND ngày 17/7/2015 về cơ chế, chính sách khuyến khích xây dựng nông thôn mới tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2016 - 2020; số 225/NQ-HĐND ngày 12/12/2019 về kế hoạch đầu tư công năm 2020 tỉnh Thanh Hóa; số 226/NQ-HĐND ngày 12/12/2019 về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương năm 2020 tỉnh Thanh Hóa; số 227/NQ-HĐND ngày 12/12/2019 về việc phân bổ ngân sách địa phương năm 2020 tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh: Số 1935/QĐ-UBND ngày 25/5/2018 phê duyệt phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển Trung ương và vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ thực hiện Chương trình MTQG về xây dựng NTM năm 2018; số 1311/QĐ-UBND ngày 12/4/2019 về việc phê duyệt giao kế hoạch vốn chi tiết cho các chương trình mục tiêu, các dự án sử dụng vốn nước ngoài, các chương trình MTQG và các dự án công sở năm 2019; số 2902/QĐ-

UBND ngày 22/7/2019 về việc giao chi tiết vốn hỗ trợ đầu tư các dự án khởi công mới năm 2019 (đợt 1); số 4370/QĐ-UBND ngày 25/10/2019 phê duyệt kế hoạch chi tiết vốn đầu tư các dự án khởi công mới năm 2019 (đợt 2); số 3456/QĐ-UBND ngày 29/8/2019 về việc phê duyệt chủ trương đầu tư danh mục dự án khởi công mới hỗ trợ từ nguồn dự phòng thuộc Chương trình MTQG xây dựng NTM năm 2019; số 5318/QĐ-UBND ngày 16/12/2019 về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ các công văn hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương: Công văn số 659/BKHĐT-KTNN ngày 06/02/2020 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn các dự án thuộc các Chương trình MTQG; Công văn số 412/BNN-VPĐP ngày 14/01/2020 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc hướng dẫn triển khai kế hoạch thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM năm 2020;

Trên cơ sở đề xuất của Văn phòng Điều phối NTM tỉnh tại Công văn số 147/VPĐP-KHTH ngày 25/3/2020 về việc đề xuất phương án phân bổ chi tiết kế hoạch vốn Chương trình MTQG xây dựng NTM năm 2020 và báo cáo của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 1537/SKHĐT-KTNN ngày 26/3/2020; UBND tỉnh báo cáo trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định phương án phân bổ kế hoạch vốn Chương trình MTQG xây dựng NTM năm 2020, với những nội dung sau:

I. Tổng nguồn vốn và số vốn đề nghị phân bổ

1. Tổng nguồn vốn Chương trình MTQG xây dựng NTM năm 2020 của tỉnh: **1.610.500 triệu đồng**, trong đó:

- Vốn ngân sách Trung ương: 1.504.000 triệu đồng, gồm: Vốn đầu tư phát triển ngân sách Trung ương: 1.258.860 triệu đồng, vốn dự phòng ngân sách Trung ương: 245.140 triệu đồng (*bao gồm 33.500 triệu đồng ngân sách tỉnh hoàn trả*).

- Vốn sự nghiệp kinh tế ngân sách tỉnh: 106.500 triệu đồng (*đã giảm trừ 33.500 triệu đồng hoàn trả vốn dự phòng ngân sách Trung ương*).

(Chi tiết có Phụ lục số 01 kèm theo).

2. Số vốn đề nghị phân bổ chi tiết: **1.610.500 triệu đồng**, trong đó:

- Nguồn vốn ngân sách Trung ương: 1.504.000 triệu đồng, gồm: Vốn đầu tư phát triển ngân sách Trung ương là 1.258.860 triệu đồng, vốn dự phòng ngân sách Trung ương: 245.140 triệu đồng.

- Vốn sự nghiệp kinh tế ngân sách tỉnh: 106.500 triệu đồng.

II. Nguyên tắc phân bổ

1. Thực hiện đúng các quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương và UBND tỉnh về Chương trình MTQG về xây dựng NTM giai đoạn 2016 - 2020.

2. Thực hiện hỗ trợ đủ định mức cho các xã theo hệ số đã phân bổ từ đầu kỳ giai đoạn 2016-2020 tại Quyết định số 12/2017/QĐ-TTg ngày 22/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ; kể cả các xã nếu trong giai đoạn 2016-2020 đã thoát

khỏi danh sách xã ĐBK, vẫn thực hiện hỗ trợ đủ theo định mức đã được xác định từ đầu giai đoạn 2016-2020.

3. Đối với các xã bổ sung vào danh sách xã ĐBK trong giai đoạn 2016 - 2020 thì định mức hỗ trợ bằng định mức hỗ trợ của các xã ĐBK; Đối với các xã sát nhập với nhau thành xã mới thì mức hỗ trợ năm 2020 bằng định mức còn lại của các xã trước sát nhập cộng dồn; Đối với các xã sáp nhập vào phường, thị trấn không hỗ trợ công trình khởi công mới năm 2020.

4. Đối với nguồn vốn đầu tư phát triển ngân sách Trung ương

- Bố trí đủ 100% định mức hỗ trợ đối với các công trình được hỗ trợ đầu tư năm 2018, 2019; trường hợp các công trình có quyết toán được duyệt nhưng giá trị quyết toán thấp hơn định mức hỗ trợ thì hỗ trợ bằng giá trị quyết toán được duyệt.

- Tiếp tục thực hiện hỗ trợ đủ định mức cho các công trình chuyển tiếp năm 2018 và năm 2019 đã được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư thuộc các xã nay đã sáp nhập về phường, thị trấn đảm bảo theo chính sách đặc thù của Nghị quyết số 32/NQ-CP ngày 14/5/2019 của Chính phủ về ban hành kế hoạch thực hiện sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trong giai đoạn 2019-2021.

- Đối với các dự án khởi công mới năm 2020, thực hiện phân bổ hết định mức còn lại của các xã được hỗ trợ theo quy định; trường hợp các xã định mức vốn còn lại quá ít, thực hiện hỗ trợ kinh phí mua xi măng để duy tu, bảo dưỡng các công trình hạ tầng.

- Số vốn đầu tư phát triển Trung ương năm 2020 còn lại (sau khi đã hỗ trợ đủ định mức của các xã trong giai đoạn 2016-2020), đề xuất hỗ trợ cho các đối tượng sau:

+ Hỗ trợ bản Sa Ná, xã Na Mèo theo chỉ đạo tại Báo cáo số 490-BC/TU ngày 09/3/2020 của Tỉnh ủy Thanh Hóa.

+ Hỗ trợ xã Mường Chanh xây dựng đường giao thông theo đề nghị của UBND huyện Mường Lát tại văn bản số 331/UBND-KH&HT ngày 12/3/2020, để tạo điều kiện xây dựng xã Mường Chanh thành điểm thoát nghèo gắn với xây dựng NTM theo chỉ đạo của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng.

+ Hỗ trợ xã Trung Sơn, huyện Quan Hóa xây dựng công trình hạ tầng khu tái định cư tại bản Pao, theo đề nghị của UBND huyện Quan Hóa tại văn bản số 1316/UBND-QLDA ngày 22/11/2019.

+ Hỗ trợ thanh toán khối lượng hoàn thành cho các công trình chuyển tiếp năm 2018, năm 2019 đủ định mức hỗ trợ công trình theo chính sách của tỉnh.

5. Đối với nguồn dự phòng ngân sách Trung ương

Thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 1809/BKHĐT-KTNN ngày 22/3/2019 về sử dụng vốn dự phòng trung hạn 2016-2020 của Chương trình MTQG xây dựng NTM, trong đó:

- Bố trí đủ 100% định mức hỗ trợ đối với các công trình chuyển tiếp và công trình được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư, dự án năm 2019 từ nguồn vốn dự phòng đầu tư phát triển Trung ương.

- Hỗ trợ các công trình khởi công mới năm 2020

+ Hỗ trợ các công trình trên địa bàn thôn, bản biên giới ĐBKK theo Đề án số 1385/QĐ-TTg ngày 21/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ về hỗ trợ thôn, bản, ấp của các xã ĐBKK khu vực biên giới, vùng núi, bãi ngang ven biển và hải đảo xây dựng NTM và giảm nghèo bền vững giai đoạn 2018 - 2020 (Không thực hiện hỗ trợ công trình khởi công mới cho xã Tén Tàn, huyện Mường Lát vì đã sáp nhập về thị trấn Mường Lát, theo quy định tại Quyết định 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ, thị trấn không thuộc phạm vi điều chỉnh của Chương trình MTQG xây dựng NTM).

+ Hỗ trợ phát triển hợp tác xã theo Đề án 461/QĐ-TTg ngày 27/4/2018 của Thủ tướng Chính phủ về phát triển hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nông nghiệp; trong đó, xem xét hỗ trợ các hợp tác xã đảm bảo đủ điều kiện theo quy định của Thông tư số 15/2016/TT-BNNPTNT ngày 10/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT; đồng thời, ưu tiên hỗ trợ hợp tác xã của các xã chưa đạt chuẩn NTM.

6. Đối với nguồn sự nghiệp kinh tế ngân sách tỉnh

- Ưu tiên hỗ trợ thanh toán khối lượng hoàn thành cho các công trình theo chính sách của tỉnh, giao đủ 100% định mức hỗ trợ.

- Hỗ trợ các thôn (bản), xã đạt chuẩn NTM theo cơ chế, chính sách NTM của tỉnh. Đối với các xã, thôn, bản đạt chuẩn NTM nay thực hiện sáp nhập thì hỗ trợ cho xã, thôn, bản mới sau khi sáp nhập.

III. Phương án phân bổ

Căn cứ các quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương và HĐND tỉnh về Chương trình MTQG xây dựng NTM giai đoạn 2016 - 2020, UBND tỉnh trình HĐND tỉnh phương án phân bổ kế hoạch vốn Chương trình MTQG xây dựng NTM năm 2020, như sau:

1. Bố trí vốn để thu hồi và hoàn trả vốn ứng nguồn dự phòng ngân sách Trung ương năm 2019

Bố trí **33.500 triệu đồng** từ vốn sự nghiệp kinh tế ngân sách tỉnh năm 2020 để thưởng cho 5 huyện đạt chuẩn NTM (Yên Định, Thọ Xuân, Vĩnh Lộc, Quảng Xương và Đông Sơn) và thưởng cho 43 xã đạt chuẩn NTM năm 2018; đồng thời, thu hồi số vốn này để hoàn trả vốn đã tạm ứng từ nguồn dự phòng ngân sách Trung ương của Chương trình MTQG xây dựng NTM năm 2019 theo Nghị quyết số 203/NQ-HĐND ngày 16/10/2019 của HĐND tỉnh về giao kế hoạch chi tiết vốn đầu tư các dự án khởi công mới năm 2019 (đợt 2) và thưởng huyện, xã đạt chuẩn NTM.

(Chi tiết có Phụ lục số 2 kèm theo)

2. Tổng số vốn đề nghị phân bổ kế hoạch là: **1.610.500** triệu đồng, bằng 100% kế hoạch vốn năm 2020; trong đó:

2.1. Bố trí vốn thanh toán khối lượng hoàn thành và hỗ trợ các công trình đã được phê duyệt chủ trương đầu tư năm 2019

- Bố trí vốn đảm bảo đủ 100% định mức hỗ trợ cho 346 công trình chuyển tiếp, với số vốn là 651.237 triệu đồng, trong đó, nguồn vốn đầu tư phát

triển Trung ương: 635.612 triệu đồng, nguồn vốn sự nghiệp kinh tế ngân sách tỉnh là: 15.625 triệu đồng.

(Chi tiết có Phụ lục số 3 kèm theo)

- Bố trí vốn đảm bảo đủ 100% định mức hỗ trợ cho 20 công trình (7 công trình theo Đề án 1385/QĐ-TTg và 13 công trình hỗ trợ phát triển HTX) được hỗ trợ năm 2019, với số tiền là: 19.728 triệu đồng, từ nguồn vốn dự phòng ngân sách Trung ương.

(Chi tiết có Phụ lục số 4 kèm theo)

- Bố trí vốn đảm bảo đủ 100% định mức hỗ trợ cho 01 dự án xây dựng mô hình cấp nước cho trường học, trạm y tế ở xã đảo được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt dự án tại Quyết định số 5060/QĐ-UBND ngày 29/11/2019, với số vốn là: 2.588 triệu đồng, từ nguồn dự phòng ngân sách Trung ương.

(Chi tiết có Phụ lục số 5 kèm theo)

- Bố trí vốn đảm bảo đủ 100% định mức hỗ trợ cho 29 hợp tác xã nông nghiệp đã được phê duyệt chủ trương đầu tư năm 2019, với số tiền là 90.250 triệu đồng, từ nguồn vốn dự phòng ngân sách Trung ương.

(Chi tiết có Phụ lục số 6 kèm theo)

2.2. Phê duyệt danh mục và mức vốn bố trí cho các công trình khởi công mới năm 2020

- Quyết định danh mục và mức vốn bố trí cho 246 công trình khởi công mới năm 2020, với số vốn là: 592.586 triệu đồng từ nguồn vốn đầu tư phát triển ngân sách Trung ương.

(Chi tiết có Phụ lục số 7 kèm theo)

- Quyết định danh mục và mức vốn bố trí cho 03 dự án: Đường giao thông từ bản Bống đi khu kinh tế Suối Pù Đưa xã Mường Chanh, huyện Mường Lát; Hệ thống nước sinh hoạt tập trung cho 27 hộ đang sinh sống ở khu cũ bản Sa Ná, xã Na Mèo, huyện Quan Sơn; Xây dựng đường giao thông bản Pao, xã Trung Sơn, huyện Quan Hóa; với tổng số vốn: 21.080 triệu đồng từ nguồn đầu tư phát triển ngân sách Trung ương.

(Chi tiết có Phụ lục số 8 kèm theo)

- Quyết định danh mục và mức vốn bố trí cho 32 công trình/32 hợp tác xã, với số vốn: 64.000 triệu đồng, từ nguồn dự phòng ngân sách Trung ương.

(Chi tiết có Phụ lục số 9 kèm theo)

- Quyết định danh mục và mức vốn bố trí cho 16 dự án khởi công mới năm 2020 theo Đề án hỗ trợ thôn, bản đặc biệt khó khăn vùng biên giới, với số vốn là: 68.574 triệu đồng, từ nguồn dự phòng ngân sách Trung ương.

(Chi tiết có Phụ lục số 10 kèm theo)

2.3. Bố trí vốn cho 77 xã mua xi măng, với số vốn là: 9.582 triệu đồng, từ nguồn vốn đầu tư phát triển ngân sách Trung ương.

(Chi tiết có Phụ lục số 11 kèm theo)

2.4. Hỗ trợ (thưởng) cho 83 xã đạt chuẩn NTM năm 2018 và năm 2019, với tổng số tiền là: 70.375 triệu đồng (bình quân 850 triệu đồng/xã) từ nguồn sự nghiệp kinh tế ngân sách tỉnh.

(Chi tiết có Phụ lục số 12 kèm theo)

2.5. Hỗ trợ (thưởng) cho 205 thôn, bản miền núi đạt chuẩn NTM năm 2018, 2019, với tổng số tiền là: 20.500 triệu đồng (100 triệu đồng/thôn, bản) từ nguồn sự nghiệp kinh tế ngân sách tỉnh.

(Chi tiết có Phụ lục số 13 kèm theo)

III. Tổ chức thực hiện

1. Sau khi HĐND tỉnh thông qua, UBND tỉnh sẽ có quyết định giao kế hoạch cho các đơn vị để triển khai thực hiện theo quy định.

2. Trên cơ sở mục tiêu, nhiệm vụ của kế hoạch, UBND tỉnh sẽ chỉ đạo Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước tỉnh thực hiện thủ tục hoàn ứng số vốn tạm ứng từ nguồn dự phòng NSTW của Chương trình MTQG xây dựng NTM năm 2019; chỉ đạo Văn phòng Điều phối NTM tỉnh đôn đốc, hướng dẫn UBND các huyện, thị xã, thành phố khẩn trương tổ chức thực hiện, phê duyệt dự án để triển khai đầu tư; chỉ đạo UBND các huyện, thị xã, thành phố xác định rõ nguồn vốn đối ứng từ ngân sách huyện, ngân sách xã trong bước phê duyệt dự án đầu tư, đảm bảo hoàn thành, quyết toán công trình theo đúng quy định, không để phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản; thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, đảm bảo tiến độ dự án và quản lý sử dụng vốn tiết kiệm, hiệu quả, định kỳ báo cáo HĐND tỉnh theo quy định.

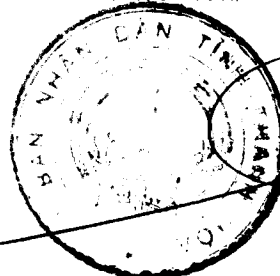
IV. Đề xuất, kiến nghị

Đề nghị HĐND tỉnh xem xét, quyết định phương án phân bổ kế hoạch vốn Chương trình MTQG xây dựng NTM năm 2020 để UBND tỉnh có cơ sở triển khai thực hiện./.

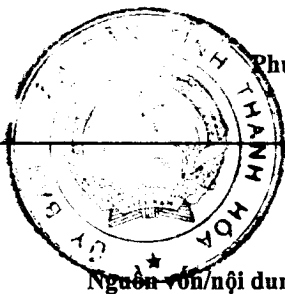
Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- VPĐP NTM tỉnh;
- Lưu: VT, THKH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Quyền



Phụ lục số 1: TỔNG HỢP NGUỒN VỐN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NTM NĂM 2020

(Kèm theo Tờ trình số : 19 /TTr-UBND ngày 03 tháng 4 năm 2020 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	Nguồn vốn/nội dung	Kế hoạch năm 2020 tại Quyết định số 1882/QĐ-BKHĐT ngày 29/11/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Nghị quyết số 227/NQ-HĐND ngày 12/12/2019 của HĐND tỉnh	Kế hoạch vốn năm 2020 sau khi rà soát, điều chỉnh	Ghi chú
	TỔNG SỐ	1.610.500	1.610.500	
I	Vốn Ngân sách Trung ương	1.470.500	1.504.000	
1	Vốn dự phòng NSTW	211.640	245.140	Điều chỉnh tăng 33.500 triệu đồng từ nguồn sự nghiệp kinh tế ngân sách tỉnh hoàn trả vốn dự phòng NSTW theo Nghị quyết số 203/NQ-HĐND ngày 16/10/2019 của HĐND tỉnh và theo ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại văn bản số 8138/BKHĐT-KTNN ngày 01/11/2019, Bộ Tài chính tại văn bản số 13319/BTC-ĐT ngày 05/11/2019.
2	Vốn đầu tư phát triển NSTW hỗ trợ theo định mức cho xã xây dựng NTM	1.258.860	1.258.860	
II	Vốn sự nghiệp kinh tế ngân sách tỉnh	140.000	106.500	Điều chỉnh giảm 33.500 triệu đồng để hoàn trả số vốn đã tạm ứng từ nguồn dự phòng NSTW theo Nghị quyết số 203/NQ-HĐND ngày 16/10/2019 của HĐND (chi tiết có Phụ lục 2 kèm theo).

**Phụ lục số 2: BỐ TRÍ VỐN ĐỀ THƯỜNG CHO CÁC HUYỆN, XÃ ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN MỚI VÀ THU HỒI, HOÀN TRẢ SỔ VỐN ĐÃ TẠM ỨNG
TỪ NGUỒN DỰ PHÒNG NSTW NĂM 2019**

(Kèm theo Tờ trình số : 19 /TTr-UBND ngày 03 tháng 4 năm 2020 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	Danh sách huyện, xã	Mức vốn thường	Ghi chú
	TỔNG SỐ	33.500	- Bố trí vốn đề thường cho huyện, xã đạt chuẩn NTM đã được HĐND tỉnh tạm ứng tại Nghị quyết số 203/NQ-HĐND ngày 16/10/2019. - Giao Sở Tài chính phối hợp với Kho bạc Nhà nước thực hiện các thủ tục thu hồi, hoàn trả vốn dự phòng NSTW theo quy định để phân bổ cho các dự án.
A	Huyện đạt chuẩn NTM	12.000	
1	Yên Định	5.000	
2	Thọ Xuân	3.000	
3	Vĩnh Lộc	3.000	
4	Đông Sơn	500	
5	Quảng Xương	500	
B	Xã đạt chuẩn NTM	21.500	
I	TP. Thanh Hóa		
1	Hoàng Long	500	Cấp phát về xã Long Anh (do sáp nhập xã) để thực hiện hoàn trả theo quy định
2	Hoàng Đại	500	
3	Quảng Phú	500	
4	Đông Hưng	500	
II	Huyện Hà Trung		
1	Hà Ninh	500	Cấp phát về xã Yên Sơn (do sáp nhập xã) để thực hiện hoàn trả theo quy định
III	Huyện Nga Sơn		
1	Ba Đình	500	
2	Nga Điền	500	
IV	Huyện Hậu Lộc		
1	Liên Lộc	500	
V	Huyện Hoàng Hóa		
1	Hoàng Tân	500	
2	Hoàng Sơn	500	
3	Hoàng Trạch	500	
4	Hoàng Minh	500	Cấp phát về xã Hoàng Đức (do sáp nhập xã) để thực hiện hoàn trả theo quy định
5	Hoàng Giang	500	
VI	Huyện Vĩnh Lộc		
1	Vĩnh Ninh	500	Cấp phát về xã Ninh Khang (do sáp nhập xã) để thực hiện hoàn trả theo quy định
2	Vĩnh Thịnh	500	
3	Vĩnh Hùng	500	
4	Vĩnh Quang	500	
5	Vĩnh Phúc	500	
6	Vĩnh Hòa	500	

Số TT	Danh sách huyện, xã	Mức vốn thưởng	Ghi chú
VII	Huyện Đông Sơn		
1	Đông Thanh	500	
2	Đông Hòa	500	
VIII	Huyện Thiệu Hóa		
1	Thiệu Chính	500	
2	Thiệu Minh	500	Cấp phát về xã Minh Tâm (do sáp nhập xã) để thực hiện hoàn trả theo quy định
3	Thiệu Vũ	500	
4	Thiệu Duy	500	
5	Thiệu Tân	500	Cấp phát về xã Tân Châu (do sáp nhập xã) để thực hiện hoàn trả theo quy định
IX	Huyện Quảng Xương		
1	Quảng Khê	500	
2	Quảng Phúc	500	
X	Huyện Triệu Sơn		
1	Tân Ninh	500	Cấp phát về thị trấn Nưa (do thành lập thị trấn) để thực hiện hoàn trả theo quy định
XI	Huyện Tĩnh Gia		
1	Các Sơn	500	
XII	Huyện Nông Cống		
1	Trường Trung	500	
2	Trường Minh	500	
XIII	Huyện Thọ Xuân		
1	Thọ Lập	500	
2	Thọ Lâm	500	
3	Thọ Diên	500	
4	Xuân Sơn	500	Cấp phát về xã Xuân Sinh (do sáp nhập xã) để thực hiện hoàn trả theo quy định
XIV	Huyện Ngọc Lặc		
1	Phúc Thịnh	500	
2	Đồng Thịnh	500	
XV	Huyện Như Thanh		
1	Mậu Lâm	500	
XVI	Huyện Cẩm Thủy		
1	Cẩm Phong	500	Cấp phát về thị trấn Phong Sơn (do sáp nhập xã) để thực hiện hoàn trả theo quy định
2	Phúc Do	500	Cấp phát về xã Cẩm Tân (do sáp nhập xã) để thực hiện hoàn trả theo quy định
XVII	Thường Xuân		
1	Lương Sơn	500	
XVIII	Quan Sơn		
1	Tam Lư	500	

TỔNG HỢP PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ CHI TIẾT KẾ HOẠCH VỐN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NTM NĂM 2020 SAU KHI THỰC HIỆN VIỆC THU HỒI, HOÀN TRẢ SỔ VỐN ĐÃ TẠM ỨNG TỪ NGUỒN DỰ PHÒNG NSTW NĂM 2019

(Kèm theo Tờ trình số : 19 /TTr-UBND ngày 03 tháng 4 năm 2020 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Kế hoạch vốn năm 2020				Ghi chú
		Tổng số	Trong đó			
			Vốn NSTW	Vốn dự phòng NSTW	Vốn ngân sách tỉnh	
	TỔNG SỐ	1.610.500	1.258.860	245.140	106.500	
I	Thanh toán khối lượng công trình hoàn thành và hỗ trợ các công trình được phê duyệt chủ trương đầu tư năm 2019	763.803	635.612	112.566	15.625	Bố trí vốn cho 396 công trình.
1	Thanh toán khối lượng hoàn thành cho 346 công trình được hỗ trợ đầu tư năm 2018 và năm 2019 từ nguồn đầu tư phát triển vốn NSTW và vốn NST.	651.237	635.612		15.625	Chi tiết có Phụ lục số 3 kèm theo.
2	Thanh toán khối lượng hoàn thành cho 20 công trình được hỗ trợ đầu tư năm 2019 từ nguồn dự phòng NSTW.	19.728		19.728		Chi tiết có Phụ lục số 4 kèm theo.
3	Hỗ trợ xây dựng mô hình cấp nước ở trường học, trạm y tế thuộc xã đảo được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định 5060/QĐ-UBND ngày 29/11/2019 từ nguồn dự phòng NSTW.	2.588		2.588		Chi tiết có Phụ lục số 5 kèm theo.
4	Hỗ trợ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng cho 29 HTX được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư tại Quyết định số 3456/QĐ-UBND ngày 29/8/2019 từ nguồn dự phòng NSTW.	90.250		90.250		Chi tiết có Phụ lục số 6 kèm theo.
II	Bố trí vốn cho các công trình khởi công mới	746.240	613.666	132.574		Bố trí vốn cho 297 công trình khởi công mới.
1	Danh mục và mức vốn bố trí cho 246 công trình khởi công mới năm 2020 từ nguồn đầu tư phát triển NSTW.	592.586	592.586			Chi tiết có Phụ lục số 7 kèm theo.
2	Danh mục và mức vốn hỗ trợ 3 công trình khởi công mới năm 2020 tại bản Pao, xã Trung Sơn, huyện Quan Hóa; bản Sa Na, xã Na Mèo, huyện Quan Sơn; xã Mường Chanh, huyện Mường Lát.	21.080	21.080			Chi tiết có Phụ lục số 8 kèm theo.
3	Danh mục và mức vốn bố trí cho 32 HTX khởi công mới năm 2020 từ nguồn dự phòng NSTW.	64.000		64.000		Chi tiết có Phụ lục số 9 kèm theo.
4	Danh mục và mức vốn bố trí cho 16 công trình khởi công mới năm 2020 theo đề án hỗ trợ thôn, bản đặc biệt khó khăn vùng biên giới từ nguồn dự phòng NSTW.	68.574		68.574		Chi tiết có Phụ lục số 10 kèm theo.
III	Hỗ trợ kinh phí mua xi măng cho 77 xã	9.582	9.582			Chi tiết có Phụ lục số 11 kèm theo.
IV	Khen thưởng cho các xã, thôn, bản đạt chuẩn NTM	90.875			90.875	Bố trí khen thưởng cho 83 xã và 205 thôn, bản đạt chuẩn NTM.
1	Bố trí vốn thưởng cho 83 xã đạt chuẩn NTM năm 2018 và năm 2019 từ nguồn vốn NST.	70.375			70.375	Chi tiết có Phụ lục số 12 kèm theo.
2	Bố trí vốn thưởng cho 205 thôn, bản miền núi đạt chuẩn NTM năm 2018 và năm 2019 từ nguồn vốn NST.	20.500			20.500	Chi tiết có Phụ lục số 13 kèm theo.

**Phụ lục số 3: CHI TIẾT KẾ HOẠCH VỐN THANH TOÁN KHỐI LƯỢNG HOÀN THÀNH CHO CÁC CÔNG TRÌNH ĐƯỢC HỖ TRỢ ĐẦU TƯ NĂM 2018 VÀ NĂM 2019
TỪ NGUỒN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN VỐN NSTW VÀ VỐN NST**

(Kèm theo Tờ trình số : 19 /TTr-UBND ngày 03 tháng 4 năm 2020 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	Danh mục công trình	Chủ đầu tư	Mã số dự án đầu tư	Tổng mức đầu tư (hoặc giá trị quyết toán)	Định mức hỗ trợ	Vốn đã hỗ trợ	Số vốn còn lại được hỗ trợ	Kế hoạch vốn năm 2020			Ghi chú
								Tổng số	Trong đó:		
									Vốn NSTW	Vốn NS tỉnh	
	TỔNG SỐ			1.608.403	1.185.799	534.562	651.237	651.237	635.612	15.625	
I	Mường Lát										
1	Trung tâm văn hóa - thể thao xã	BQL chương trình MTQG xây dựng NTM xã Quang Chiểu	7405071	4.500	4.500	2.700	1.800	1.800	1.800		
2	Nhà văn hóa bản Pù Ngừa, bản Hạ Sơn	BQL chương trình MTQG xây dựng NTM xã Pù Nhi	7405072	2.657	2.500	1.500	1.000	1.000	1.000		
3	Xây dựng Trung tâm văn hóa - thể thao xã	BQL chương trình MTQG xây dựng NTM xã Tam Chung	7405063	4.500	4.500	2.700	1.800	1.800	1.800		
4	Trường Trung học cơ sở	BQL chương trình MTQG xây dựng NTM xã Mường Chanh	7405075	2.994	2.800	1.800	1.000	1.000	1.000		
5	Đường giao thông nông thôn từ ngã 3 cầu tràn bản Co Cãi đi bản Ca Giáng	UBND xã Trung Lý	7789195	5.007	4.900	1.000	3.900	3.900	3.900		
6	Công trình Khu tái định cư bản Pọng, xã Tam Chung (Hỗ trợ đầu tư các hạng mục đường giao thông, nước sinh hoạt)	UBND huyện Mường Lát	7750668	12.963	5.100	2.000	3.100	3.100	3.100		
7	Công trình Khu tái định cư bản Qua, xã Quang Chiểu (Hỗ trợ đầu tư các hạng mục đường giao thông, nước sinh hoạt)	UBND huyện Mường Lát	7750424	14.130	7.500	2.000	5.500	5.500	5.500		
8	Trung tâm văn hóa - thể thao xã	UBND Thị trấn Mường Lát	7405066	4.279	4.279	2.700	1.579	1.579	1.579		Văn phòng điều phối NTM đề nghị tiếp tục bố trí vốn theo chính sách đặc thù của Nghị quyết số 32/NQ-CP ngày 14/5/2019 của Chính phủ.
9	Nhà Văn Hóa 02 bản: Chiên, Na Khả	UBND Thị trấn Mường Lát	7777874	2.166	2.166	1.000	1.166	1.166	1.166		- nt -
II	Quan Sơn										
1	Sân vận động xã thuộc Trung tâm Văn hóa - thể thao xã	BQL chương trình MTQG xây dựng NTM xã Tam Lư	7295301	4.100	4.000	2.400	1.600	1.600	1.600		
2	Nâng cấp đường giao thông nông thôn	BQL chương trình MTQG xây dựng NTM xã Trung Xuân	7580497	4.020	4.000	2.400	1.600	1.600	1.600		

Số TT	Danh mục công trình	Chủ đầu tư	Mã số dự án đầu tư	Tổng mức đầu tư (hoặc giá trị quyết toán)	Định mức hỗ trợ	Vốn đã hỗ trợ	Số vốn còn lại được hỗ trợ	Kế hoạch vốn năm 2020			Ghi chú
								Tổng số	Trong đó:		
									Vốn NSTW	Vốn NS tỉnh	
3	Đường nước sinh hoạt tập trung	BQL chương trình MTQG xây dựng NTM xã Trung Hạ	7281453	2.529	2.500	1.500	1.000	1.000	1.000		
4	Đường giao thông từ bản Lang đi bản Xanh	UBND xã Trung Hạ	7790246	3.966	3.500	1.000	2.500	2.500	2.500		
5	Nâng cấp đường giao thông nông thôn	BQL chương trình MTQG xây dựng NTM xã Sơn Điện	7580501	4.087	4.000	2.400	1.600	1.600	1.600		
6	Xây dựng Trạm y tế xã	BQL chương trình MTQG xây dựng NTM xã Sơn Hà	7293963	3.088	2.200	1.300	900	900	900		
7	Đường nước sinh hoạt bản Hạ	UBND xã Sơn Hà	7786385	4.988	4.900	1.000	3.900	3.900	3.900		
8	Công trình nước sinh hoạt bản Na Mèo	BQL chương trình MTQG xây dựng NTM xã Na Mèo	7293162	3.588	3.500	2.100	1.400	1.400	1.400		
9	Công trình nước sinh hoạt	BQL chương trình MTQG xây dựng NTM xã Trung Tiến	7237073	3.082	3.000	1.800	1.200	1.200	1.200		
10	Xây dựng Mương Dò bản Chanh	BQL chương trình MTQG xây dựng NTM xã Sơn Thủy	7295204	4.052	4.000	2.400	1.600	1.600	1.600		
11	Đường giao thông bản Muồng đi bản Khả	UBND xã Sơn Thủy	7795494	2.412	2.100	1.000	1.100	1.100	1.100		
12	Đường giao thông bản Mây	BQL chương trình MTQG xây dựng NTM xã Trung Thượng	7403603	2.023	2.000	1.200	800	800	800		
13	Đường giao thông nông thôn	BQL chương trình MTQG xây dựng NTM xã Mường Mìn	7297086	2.060	2.000	1.200	800	800	800		
14	Sân vận động xã	UBND xã Mường Mìn	7795819	3.096	2.700	1.000	1.700	1.700	1.700		
15	Đường nước sinh hoạt bản Phe	UBND xã Tam Thanh	7781808	5.990	5.900	1.000	4.900	4.900	4.900		
16	Kênh mương bản Hẹ	UBND Thị trấn Sơn Lư	7790247	5.856	5.500	1.000	4.500	4.500	4.500		Văn phòng điều phối NTM đề nghị tiếp tục bố trí vốn theo chính sách đặc thù của Nghị quyết số 32/NQ-CP ngày 14/5/2019 của Chính phủ.
III	Quan Hóa										
1	Đường giao thông bản Yên	BQL chương trình MTQG xây dựng NTM xã Hiền Chung	7465571	4.424	4.424	2.700	1.724	1.724	1.724		
2	Kênh mương bản Pheo	UBND xã Hiền Chung	7793347	5.884	5.000	1.000	4.000	4.000	4.000		
3	Nhà văn hóa bản Dôi, bản Háng	BQL chương trình MTQG xây dựng NTM xã Thiên Phú	7336436	2.000	2.000	1.200	800	800	800		
4	Xây mới trường Tiểu học khu Hàm	UBND xã Thiên phủ	7784107	4.000	3.900	1.000	2.900	2.900	2.900		

Số TT	Danh mục công trình	Chủ đầu tư	Mã số dự án đầu tư	Tổng mức đầu tư (hoặc giá trị quyết toán)	Định mức hỗ trợ	Vốn đã hỗ trợ	Số vốn còn lại được hỗ trợ	Kế hoạch vốn năm 2020			Ghi chú
								Tổng số	Trong đó:		
									Vốn NSTW	Vốn NS tỉnh	
5	Xây dựng mới Trung tâm văn hóa - thể thao xã	BQL chương trình MTQG xây dựng NTM xã Phú Lệ	7476836	4.500	4.500	2.700	1.800	1.800	1.800		
6	Sửa chữa nâng cấp đường xã từ bản Sại vào bản Hang	UBND xã Phú Lệ	7785409	5.500	5.100	1.000	4.100	4.100	4.100		
7	Nhà văn hóa bản Chiềng Hìn, bản Ho	BQL chương trình MTQG xây dựng NTM xã Hiền Kiệt	7305810	2.044	2.000	1.200	800	800	800		
8	Xây dựng đường Cháo đi bản Ho	UBND xã Hiền Kiệt	7795451	9.825	7.600	1.000	6.600	6.600	6.600		
9	Đường giao thông bản Chiềng đi bản Tang	BQL chương trình MTQG xây dựng NTM xã Trung Thành	7343756	4.800	4.800	2.900	1.900	1.900	1.900		
10	Xây dựng đường giao thông nông thôn	BQL chương trình MTQG xây dựng NTM xã Trung Sơn	7467080	4.139	4.000	2.400	1.600	1.600	1.600		
11	Xây dựng đường giao thông nông thôn	BQL chương trình MTQG xây dựng NTM xã Phú Sơn	7351513	4.454	4.454	2.700	1.754	1.754	1.754		
12	Công trình nước sạch bản Bức, bản Bai	BQL chương trình MTQG xây dựng NTM xã Thành Sơn	7348730	3.012	3.000	1.800	1.200	1.200	1.200		
13	Nâng cấp đường giao thông từ bản Sơn Thành đi bản Bai	UBND xã Thành Sơn	7792079	4.996	4.400	1.000	3.400	3.400	3.400		
14	Đường nước sạch bản Trung Tân	BQL chương trình MTQG xây dựng NTM xã Phú Thanh	7311454	1.542	1.500	1.100	400	400	400		
15	Đường nước sạch bản Nốt	BQL chương trình MTQG xây dựng NTM xã Nam Động	7311453	2.012	2.000	1.200	800	800	800		
16	Đường giao thông bản Mí	BQL chương trình MTQG xây dựng NTM xã Phú Xuân	7348463	4.500	4.500	2.700	1.800	1.800	1.800		
17	Hệ thống nước sinh hoạt bản Mỏ	UBND xã Phú Xuân	7793346	2.846	2.600	1.000	1.600	1.600	1.600		
18	Xây mới trường tiểu học Thanh Xuân	UBND xã Phú Xuân	7785408	5.982	5.000	1.000	4.000	4.000	4.000		
19	Đường giao thông liên thôn nối bản Cua tới bản Cùm	UBND xã Nam Tiến	7795450	5.596	5.500	1.000	4.500	4.500	4.500		
20	Xây mới Trung tâm văn hóa xã	UBND xã Nam Xuân	7793350	4.471	3.600	1.000	2.600	2.600	2.600		
21	Trường Tiểu học xã Phú Nghiêm	UBND xã Phú Nghiêm	7469765	5.369	3.069	1.477	1.592	1.592	1.592		
22	Công trình Khu tái định cư bản Co Me, bản Chiềng, bản Pạo và bản Bó xã Trung Sơn (Hỗ trợ đầu tư các hạng mục đường giao thông, nước sinh hoạt)	BQL đầu tư XD huyện Quan Hóa	7750119	44.576	3.400	2.000	1.400	1.400	1.400		

Số TT	Danh mục công trình	Chủ đầu tư	Mã số dự án đầu tư	Tổng mức đầu tư (hoặc giá trị quyết toán)	Định mức hỗ trợ	Vốn đã hỗ trợ	Số vốn còn lại được hỗ trợ	Kế hoạch vốn năm 2020			Ghi chú
								Tổng số	Trong đó:		
									Vốn NSTW	Vốn NS tỉnh	
23	Công trình Khu tái định cư bản Chiềng, xã Trung Thành (Hỗ trợ đầu tư các hạng mục đường giao thông, nước sinh hoạt)	BQL đầu tư XD huyện Quan Hóa	7749711	8.388	4.488	2.000	2.488	2.488	2.488		
24	Xây dựng kênh mương	UBND Thị trấn Hồi Xuân	7348010	2.300	2.300	1.400	900	900	900		Văn phòng điều phối NTM đề nghị tiếp tục bố trí vốn theo chính sách đạo thù của Nghị quyết số 32/NQ-CP ngày 14/5/2019 của Chính phủ.
IV	Bá Thước										
1	Xây dựng Trung tâm văn hóa - thể thao xã	BQL chương trình MTQG xây dựng NTM xã Điền Hạ	7707482	4.497	4.497	2.700	1.797	1.797	1.797		
2	Đường giao thông thôn Xăm	UBND xã Điền Hạ	7779781	4.563	4.563	1.000	3.563	3.563	3.563		
3	Xây dựng đường giao thông nông thôn	BQL chương trình MTQG xây dựng NTM xã Lương Nội	7709275	4.494	4.494	2.700	1.794	1.794	1.794		
4	Đường GT thôn Ben+cầu Mỏ Làn	UBND xã Lương Nội	7779927	4.190	4.190	1.000	3.190	3.190	3.190		
5	Xây dựng Trung tâm văn hóa - thể thao xã	BQL chương trình MTQG xây dựng NTM xã Thành Sơn	7704829	4.497	4.497	2.700	1.797	1.797	1.797		
6	Đường giao thông thôn Pà Pan, thôn Eo Kén	UBND xã Thành Sơn	7778180	3.999	3.999	1.000	2.999	2.999	2.999		
7	Xây dựng Trung tâm văn hóa - thể thao xã	BQL chương trình MTQG xây dựng NTM xã Ái Thượng	7709851	4.499	4.499	2.700	1.799	1.799	1.799		
8	Xây dựng Trung tâm văn hóa - thể thao xã	BQL chương trình MTQG xây dựng NTM xã Cổ Lũng	7705633	4.499	4.499	2.700	1.799	1.799	1.799		
9	Đường giao thông nông thôn thôn Tền Mới đi Eo Điều (từ km 00+600 đến km 03)	UBND xã Cổ Lũng	7780984	3.820	3.820	1.000	2.820	2.820	2.820		
10	Xây dựng đường giao thông nông thôn	BQL chương trình MTQG xây dựng NTM xã Điền Trung	7716318	4.303	4.303	2.700	1.603	1.603	1.603		
11	Xây dựng đường giao thông nông thôn	BQL chương trình MTQG xây dựng NTM xã Lương Trung	7704830	4.498	4.498	2.700	1.798	1.798	1.798		
12	Xây dựng đường giao thông nông thôn	BQL chương trình MTQG xây dựng NTM xã Lũng Niêm	7716319	4.498	4.498	2.700	1.798	1.798	1.798		

Số TT	Danh mục công trình	Chủ đầu tư	Mã số dự án đầu tư	Tổng mức đầu tư (hoặc giá trị quyết toán)	Định mức hỗ trợ	Vốn đã hỗ trợ	Số vốn còn lại được hỗ trợ	Kế hoạch vốn năm 2020			Ghi chú
								Tổng số	Trong đó:		
									Vốn NSTW	Vốn NS tỉnh	
13	Xây dựng Trung tâm văn hóa - thể thao xã	BQL chương trình MTQG xây dựng NTM xã Hạ Trung	7704831	4.443	4.443	2.700	1.743	1.743	1.743		
14	Xây dựng đường giao thông nông thôn	BQL chương trình MTQG xây dựng NTM xã Diên Quang	7708444	4.492	4.492	2.700	1.792	1.792	1.792		
15	Đường GT thôn Xê đi thôn Khò, thôn Cộ	UBND xã Diên Quang	7778060	3.900	3.900	1.000	2.900	2.900	2.900		
16	Xây dựng Trung tâm văn hóa - thể thao xã	BQL chương trình MTQG xây dựng NTM xã Lũng Cao	7705858	4.468	4.468	2.700	1.768	1.768	1.768		
17	Đường GT thôn Nứa đi thôn Thành Công	UBND xã Lũng Cao	7779778	3.911	3.911	1.000	2.911	2.911	2.911		
18	Xây dựng Kênh mương Chiềng Lau	BQL chương trình MTQG xây dựng NTM xã Ban Công	7709277	4.499	4.499	2.700	1.799	1.799	1.799		
19	Đường GT thôn La Hán đi thôn Chiềng Lau	UBND xã Ban Công	7780470	2.942	2.942	1.000	1.942	1.942	1.942		
20	Xây dựng Sân vận động thuộc Trung tâm Văn hóa - thể thao xã	BQL chương trình MTQG xây dựng NTM xã Văn Nho	7709281	4.499	4.499	2.700	1.799	1.799	1.799		
21	Đường GT thôn Măng đi thôn Dân Long	UBND xã Lương Ngoại	7779926	4.226	4.226	1.000	3.226	3.226	3.226		
22	Đường GT thôn Lau đi thôn Chiềng Mung, Xay Luồi	UBND xã Diên Thượng	7780985	2.811	2.811	1.000	1.811	1.811	1.811		
23	Đường giao thôn thôn Đồng Tâm 3 đi thôn Chun, thôn Liên Thành	UBND xã Thiết Ống	7777876	4.408	4.408	1.000	3.408	3.408	3.408		
24	Xây dựng Trung tâm văn hóa - thể thao xã	UBND thị trấn Cảnh Nằng	7708447	4.490	4.490	2.700	1.790	1.790	1.790		Văn phòng điều phối NTM đề nghị tiếp tục bố trí vốn theo chính sách đặc thù của Nghị quyết số 32/NQ-CP ngày 14/5/2019 của Chính phủ.
25	Trường mầm non	UBND thị trấn Cảnh Nằng	7782108	4.575	4.575	1.000	3.575	3.575	3.575		- nt -
V	Thường Xuân										
1	Xây dựng đường giao thông nông thôn	BQL chương trình MTQG xây dựng NTM xã Xuân Thắng	7703476	3.915	3.915	2.400	1.515	1.515	1.515		
2	Xây dựng Trung tâm văn hóa - thể thao xã	BQL chương trình MTQG xây dựng NTM xã Xuân Lệ	7703468	3.338	3.338	2.100	1.238	1.238	1.238		
3	Kênh nội đồng thôn Đường Bai, kênh mương thôn Bọng Nằng, kênh mương thôn Mù	UBND xã Xuân Lệ	7757513	6.974	6.100	1.000	5.100	5.100	5.100		

Số TT	Danh mục công trình	Chủ đầu tư	Mã số dự án đầu tư	Tổng mức đầu tư (hoặc giá trị quyết toán)	Định mức hỗ trợ	Vốn đã hỗ trợ	Số vốn còn lại được hỗ trợ	Kế hoạch vốn năm 2020			Ghi chú
								Tổng số	Trong đó:		
									Vốn NSTW	Vốn NS tỉnh	
4	Xây dựng đường giao thông nông thôn (thôn Mỹ đi thôn Khong)	BQL chương trình MTQG xây dựng NTM xã Yên Nhân	7703465	3.958	3.958	2.400	1.558	1.558	1.558		
5	Đường Giao thông từ thôn Lửa đi thôn Khong, thôn Mỹ đi thôn Khong	UBND xã Yên Nhân	7757511	7.807	5.600	1.000	4.600	4.600	4.600		
6	Xây dựng Trung tâm văn hóa - thể thao xã	BQL chương trình MTQG xây dựng NTM xã Bát Mọt	7703472	3.506	3.500	2.100	1.400	1.400	1.400		
7	Kênh nội đồng Na Luốc, Na Nơ, Lò Cao thôn Vịn; kênh mương Na Chục, Na Luốc, Na Mơ thôn Đục; kênh Na Bán, Na Nơ, Na Phong thôn Phổng	UBND xã Bát Mọt	7757512	6.956	6.100	1.000	5.100	5.100	5.100		
8	Xây dựng đường giao thông nông thôn	BQL chương trình MTQG xây dựng NTM xã Xuân Lộc	7703471	2.957	2.957	1.800	1.157	1.157	1.157		
9	Đường giao thông thôn Quế, từ thôn Lũy đi Pà Cầu	UBND xã Xuân Lộc	7757514	3.092	3.000	1.000	2.000	2.000	2.000		
10	Xây dựng đường giao thông nông thôn	BQL chương trình MTQG xây dựng NTM xã Tân Thành	7703474	3.917	3.917	2.400	1.517	1.517	1.517		
11	Xây dựng đường giao thông nông thôn	BQL chương trình MTQG xây dựng NTM xã Luận Khê	7703466	4.013	4.000	2.400	1.600	1.600	1.600		
12	Xây dựng đường giao thông nông thôn	BQL chương trình MTQG xây dựng NTM xã Xuân Cao	7703470	3.945	3.945	2.400	1.545	1.545	1.545		
13	Trạm Y tế xã Luận Thành	UBND xã Luận Thành	7757515	3.894	2.200	1.000	1.200	1.200	1.200		
14	Kênh nội đồng xã Thọ Thanh	UBND xã Thọ Thanh	7757510	5.984	5.600	1.000	4.600	4.600	4.600		
15	Đường giao thông từ thôn Ná Cọng đi thôn Quạn	UBND xã Vạn Xuân	7757517	7.386	6.100	1.000	5.100	5.100	5.100		
16	Đường giao thông đi thôn Minh Quang đi thôn Minh Ngọc, từ làng Cây đi thôn Trung Thành	UBND xã Lương Sơn	7757516	7.248	6.100	1.000	5.100	5.100	5.100		
17	Xây dựng đường giao thông nông thôn	UBND Thị trấn Thường Xuân	7703467	3.996	3.996	2.400	1.596	1.596	1.596		Văn phòng điều phối NTM đề nghị tiếp tục bố trí vốn theo chính sách đặc thù của Nghị quyết số 32/NQ-CP ngày 14/5/2019 của Chính phủ.

Số TT	Danh mục công trình	Chủ đầu tư	Mã số dự án đầu tư	Tổng mức đầu tư (hoặc giá trị quyết toán)	Định mức hỗ trợ	Vốn đã hỗ trợ	Số vốn còn lại được hỗ trợ	Kế hoạch vốn năm 2020			Ghi chú
								Tổng số	Trong đó:		
									Vốn NSTW	Vốn NS tỉnh	
18	Kênh nội đồng từ thôn Tân Lập, thôn Xuân Thịnh đi thôn Vụ Bản, tuyến kênh từ Công Nổ đá đi Phốc Cột, tuyến kênh từ nhà vàn kênh TX17 đi đồng Un, Tân Lập	UBND xã Xuân Dương	7757518	4.797	4.700	1.000	3.700	3.700	3.700		
VI	Như Thanh										
1	Xây mới Trung tâm văn hóa - thể thao xã	BQL chương trình MTQG xây dựng NTM xã Yên Lạc	7221817	4.798	4.500	2.700	1.800	1.800	1.800		
2	Đường giao thôn NT thôn Ao Mè – Đồng Yên	UBND xã Yên Lạc	7778370	4.477	4.400	1.000	3.400	3.400	3.400		
3	Xây mới Trung tâm văn hóa - thể thao xã	BQL chương trình MTQG xây dựng NTM xã Xuân Khang	7242292	5.711	4.500	2.700	1.800	1.800	1.800		
4	Kênh mương nội đồng thôn Phương Xuân - thôn Xuân Hòa	UBND xã Xuân Khang	7778369	4.000	3.900	1.000	2.900	2.900	2.900		
5	Kênh mương nội đồng thôn 5-thôn 8	UBND xã Xuân Phúc	7792078	4.000	3.900	1.000	2.900	2.900	2.900		
6	Xây dựng Sân vận động thuộc Trung tâm Văn hóa - thể thao xã	BQL chương trình MTQG xây dựng NTM xã Xuân Thái	7227557	4.567	4.500	2.700	1.800	1.800	1.800		
7	Đường giao thông nông thôn	BQL chương trình MTQG xây dựng NTM xã Thanh Kỳ	7218563	4.076	4.000	2.400	1.600	1.600	1.600		
8	Đường giao thông nông thôn	BQL chương trình MTQG xây dựng NTM xã Phương Nghi	7221825	4.148	4.000	2.400	1.600	1.600	1.600		
9	Đường giao thông nông thôn bản Chanh - bản 6	UBND xã Cán Khê	7791190	4.492	4.400	1.000	3.400	3.400	3.400		
10	Đường giao thông thôn Mố 1 và thôn bản 5	UBND xã Cán Khê	7219212	4.611	4.600	2.215	2.385	2.385	2.385		
11	Đường giao thông nông thôn thôn Tiễn Tiến – Vườn Dâu	UBND xã Thanh Tân	7791295	4.481	4.400	1.000	3.400	3.400	3.400		
12	Trường mầm non xã Mậu Lâm	UBND xã Mậu Lâm	7778371	3.982	3.900	1.000	2.900	2.900	2.900		
13	Xây mới Trung tâm văn hóa - thể thao xã	BQL chương trình MTQG xây dựng NTM xã Xuân	7229670	5.067	4.500	2.700	1.800	1.800	1.800		
14	Xây dựng Sân vận động thuộc Trung tâm Văn hóa - thể thao xã	BQL chương trình MTQG xây dựng NTM xã Xuân Phúc	7296922	4.490	4.490	2.700	1.790	1.790	1.790		
VII	Như Xuân										
1	Đường giao thông nông thôn	BQL chương trình MTQG xây dựng NTM xã Xuân Bình	7702576	4.900	4.900	2.900	2.000	2.000	2.000		

Số TT	Danh mục công trình	Chủ đầu tư	Mã số dự án đầu tư	Tổng mức đầu tư (hoặc giá trị quyết toán)	Định mức hỗ trợ	Vốn đã hỗ trợ	Số vốn còn lại được hỗ trợ	Kế hoạch vốn năm 2020			Ghi chú
								Tổng số	Trong đó:		
									Vốn NSTW	Vốn NS tỉnh	
2	Sân vận động thuộc Trung tâm văn hóa - thể thao xã	BQL chương trình MTQG xây dựng NTM xã Hóa Quý	7709847	4.500	4.500	2.700	1.800	1.800	1.800		
3	Trung tâm văn hóa - thể thao xã	BQL chương trình MTQG xây dựng NTM xã Thanh Sơn	7707043	4.500	4.500	2.700	1.800	1.800	1.800		
4	Đường Giao thông nông thôn	UBND xã Thanh Sơn	7773417	4.900	4.800	1.000	3.800	3.800	3.800		
5	Đường giao thông nông thôn	BQL chương trình MTQG xây dựng NTM xã Thanh Hòa	7703994	4.900	4.900	2.900	2.000	2.000	2.000		
6	Đường giao thông nông thôn	UBND xã Thanh Hoà	7792253	5.500	4.500	1.000	3.500	3.500	3.500		
7	Đường giao thông nông thôn	BQL chương trình MTQG xây dựng NTM xã Xuân Hòa	7706066	4.900	4.900	2.900	2.000	2.000	2.000		
8	Trường Trung học cơ sở	UBND xã Xuân Hòa	7778058	5.435	4.700	1.000	3.700	3.700	3.700		
9	Đường giao thông nông thôn	BQL chương trình MTQG xây dựng NTM xã Thanh Phong	7355291	4.897	4.897	2.900	1.997	1.997	1.997		
10	Đường giao thông nông thôn	BQL chương trình MTQG xây dựng NTM xã Tân Bình	7703999	4.889	4.889	2.900	1.989	1.989	1.989		
11	Xây dựng Trạm y tế xã	BQL chương trình MTQG xây dựng NTM xã Thanh Lâm	7709028	2.200	2.200	1.300	900	900	900		
12	Nhà hội trường văn hóa	UBND xã Thanh Lâm	7778179	4.400	4.400	1.000	3.400	3.400	3.400		
13	Đường giao thông nông thôn	BQL chương trình MTQG xây dựng NTM xã Thanh Xuân	7710169	4.900	4.707	2.900	1.807	1.807	1.807		
14	Đường giao thông nông thôn	UBND xã Thanh Xuân	7792254	5.500	4.500	1.000	3.500	3.500	3.500		
15	Xây mới Nhà hội trường thuộc Trung tâm văn hóa - thể thao xã	BQL chương trình MTQG xây dựng NTM xã Thanh Quán	720280	4.000	4.000	2.400	1.600	1.600	1.600		
16	Đường giao thông Nông thôn	UBND xã Thanh Quán	7791335	5.485	4.500	1.000	3.500	3.500	3.500		
17	Đường giao thông nông thôn	BQL chương trình MTQG xây dựng NTM xã Thượng Ninh	770045	5.500	5.500	3.100	2.400	2.400	2.400		
18	Đường giao thông nông thôn	UBND xã Cát Tân	7792255	5.500	4.500	1.000	3.500	3.500	3.500		
VIII	Lang Chánh										
1	Đường giao thông Bán Đôn đi bán Cháo	BQL chương trình MTQG xây dựng NTM xã Lâm Phú	7366865	3.902	3.902	2.400	1.502	1.502	1.502		
2	Đường giao thông nông thôn bán Poọng	UBND xã Lâm Phú	7792585	4.000	3.900	1.000	2.900	2.900	2.900		

Số TT	Danh mục công trình	Chủ đầu tư	Mã số dự án đầu tư	Tổng mức đầu tư (hoặc giá trị quyết toán)	Định mức hỗ trợ	Vốn đã hỗ trợ	Số vốn còn lại được hỗ trợ	Kế hoạch vốn năm 2020			Ghi chú
								Tổng số	Trong đó:		
									Vốn NSTW	Vốn NS tỉnh	
3	Đường giao thông thôn Vìn đi thôn Cây	BQL chương trình MTQG xây dựng NTM xã Trí Nang	7366859	4.500	3.500	2.100	1.400	1.400	1.400		
4	Đường giao thông bản Vìn	UBND xã Trí Nang	7792321	4.500	4.400	1.000	3.400	3.400	3.400		
5	Công trình cấp nước sinh hoạt Trung tâm xã Yên Khương	Trung tâm nước sinh hoạt và VSMTNT tỉnh	7434249	4.919	3.973	3.000	973	973	973		
6	Đường giao thông thôn Chóng đi thôn Xuôm	BQL chương trình MTQG xây dựng NTM xã Đồng Lương	7366848	4.038	4.000	2.400	1.600	1.600	1.600		
7	Đường giao thông thôn Sơn Thủy đi thôn Tân Bình	BQL chương trình MTQG xây dựng NTM xã Tân Phúc	7366851	4.501	4.500	2.700	1.800	1.800	1.800		
8	Đường giao thông thôn bản Phá	BQL chương trình MTQG xây dựng NTM xã Tam Văn	7366868	4.501	4.500	2.700	1.800	1.800	1.800		
9	Đường giao thông nông thôn Khu 1 đi thôn Pọng	UBND xã Giao Thiện	7659370	5.000	4.500	1.000	3.500	3.500	3.500		
10	Đường giao thông nông thôn	UBND xã Giao An	7778373	4.000	3.900	1.000	2.900	2.900	2.900		
11	Đường giao thông nông thôn bản Vắn	UBND Xã Yên Thắng	7777044	6.000	5.100	1.000	4.100	4.100	4.100		
12	Đường giao thông nông thôn Chiềng Ban đi Huyện đội	UBND Thị trấn Lang Chánh	7777800	5.856	3.600	1.000	2.600	2.600	2.600		Văn phòng điều phối NTM đề nghị tiếp tục bố trí vốn theo chính sách đặc thù của Nghị quyết số 32/NQ-CP ngày 14/5/2019 của Chính phủ.
IX	Ngọc Lặc										
1	Xây mới Trung tâm văn hóa - thể thao xã	BQL chương trình MTQG xây dựng NTM xã Quang Trung	20180012	4.164	4.000	2.400	1.600	1.600	1.600		Định mức NSTW hỗ trợ cho xã Quang Trung còn 700 triệu đồng. Vốn tăng thêm (900 triệu đồng), Văn phòng điều phối NTM đề xuất bố trí từ nguồn NSTW
2	Xây mới Trụ sở xã	BQL chương trình MTQG xây dựng NTM xã Phúc Thịnh	4180175	5.365	4.000	2.550	1.450	1.450		1.450	

Số TT	Danh mục công trình	Chủ đầu tư	Mã số dự án đầu tư	Tổng mức đầu tư (hoặc giá trị quyết toán)	Định mức hỗ trợ	Vốn đã hỗ trợ	Số vốn còn lại được hỗ trợ	Kế hoạch vốn năm 2020			Ghi chú
								Tổng số	Trong đó:		
									Vốn NSTW	Vốn NS tỉnh	
3	Xây mới Trạm y tế	BQL chương trình MTQG xây dựng NTM xã Thạch Lập	7286308	3.314	2.200	1.300	900	900	900		
4	Nhà văn hóa xã	UBND xã Thạch Lập	7782106	4.403	4.400	1.000	3.400	3.400	3.400		
5	Xây dựng đường giao thông (Cầu Nam Liều - Giỏi)	BQL chương trình MTQG xây dựng NTM xã Văn Am	7297281	5.146	4.900	2.900	2.000	2.000	2.000		
6	Đường giao thông từ Giỏi thượng đến Giỏi hạ	UBND xã Văn Am	7297281	3.500	3.500	1.000	2.500	2.500	2.500		
7	Xây dựng đường giao thông nông thôn	BQL chương trình MTQG xây dựng NTM xã Mỹ Tân	7282839	4.201	4.000	2.400	1.600	1.600	1.600		
8	Trạm y tế xã	UBND xã Mỹ Tân	7788389	2.410	2.200	1.000	1.200	1.200	1.200		
9	Đường giao thông nông thôn (Thanh Sơn - Tiên Phong)	BQL chương trình MTQG xây dựng NTM xã Ngọc Sơn	7365512	2.503	2.200	1.300	900	900	900		
10	Đường giao thông nông thôn (Lương Sơn - Hồng Sơn)	BQL chương trình MTQG xây dựng NTM xã Thủy Sơn	41801102	2.502	2.200	1.300	900	900	900		
11	Xây mới Trung tâm văn hóa - thể thao xã	BQL chương trình MTQG xây dựng NTM xã Đồng Thịnh	00 393	3.124	2.200	1.300	900	900	900		
12	Công trình thoát nước 2 bên đường giao thông khu vực trung tâm xã	UBND xã Ngọc Liên	7797541	2.201	2.200	780	1.420	1.420	1.420		
13	Đường giao thông làng Thau đi làng Phùng Sơn	UBND xã Phùng Giáo	7067153	2.577	2.200	780	1.420	1.420	1.420		
14	Đường giao thông thôn Minh Nguyên đi thôn Minh Lương	UBND xã Minh Sơn	7792080	2.201	2.200	750	1.450	1.450	1.450		
X	Cầm Thủy										
1	Xây mới Trung tâm văn hóa - thể thao xã	BQL chương trình MTQG xây dựng NTM xã Cầm Yên	7208014	4.452	4.000	2.400	1.600	1.600	1.600		Định mức NSTW hỗ trợ cho xã Cầm Yên còn 700 triệu đồng. Vốn tăng thêm (900 triệu đồng), Văn phòng điều phối NTM đề xuất bố trí từ nguồn NSTW.

Số TT	Danh mục công trình	Chủ đầu tư	Mã số dự án đầu tư	Tổng mức đầu tư (hoặc giá trị quyết toán)	Định mức hỗ trợ	Vốn đã hỗ trợ	Số vốn còn lại được hỗ trợ	Kế hoạch vốn năm 2020			Ghi chú
								Tổng số	Trong đó:		
									Vốn NSTW	Vốn NS tỉnh	
2	Xây mới Trung tâm văn hóa - thể thao xã	BQL chương trình MTQG xây dựng NTM xã Cẩm Long	7285788	4.867	4.500	2.700	1.800	1.800	1.800		
3	Trường Mầm non	UBND xã Cẩm Long	7777322	6.000	4.900	1.000	3.900	3.900	3.900		
4	Đường giao thông nông thôn	BQL chương trình MTQG xây dựng NTM xã Cẩm Phú	7285967	5.145	4.900	2.900	2.000	2.000	2.000		
5	Đường giao thông nông thôn	UBND xã Cẩm Phú	7791293	4.998	4.000	1.000	3.000	3.000	3.000		
6	Xây mới Trung tâm văn hóa - thể thao xã	BQL chương trình MTQG xây dựng NTM xã Cẩm Thạch	7207981	3.875	2.200	1.300	900	900	900		
7	Xây mới Trung tâm văn hóa - thể thao xã	BQL chương trình MTQG xây dựng NTM xã Cẩm Tâm	7740675	3.023	2.200	1.300	900	900	900		
8	Xây mới Trung tâm văn hóa - thể thao xã	BQL chương trình MTQG xây dựng NTM xã Cẩm Lương	7211507	3.815	2.200	1.300	900	900	900		
9	Đường giao thông nông thôn	BQL chương trình MTQG xây dựng NTM xã Cẩm Thành	7285353	2.946	2.200	1.300	900	900	900		
10	Đường giao thông nông thôn	UBND xã Cẩm Liên	7791294	6.000	5.100	1.000	4.100	4.100	4.100		
11	Trường Mầm non	UBND xã Cẩm Vân	7777323	4.499	3.100	1.000	2.100	2.100	2.100		
XI	Thạch Thành										
1	Đường giao thông nông thôn (thôn Liên sơn đi Bái Đằng)	BQL chương trình MTQG xây dựng NTM xã Thạch Sơn	7703477	4.046	3.100	1.900	1.200	1.200	1.200		
2	Xây dựng đường giao thông nông thôn	BQL chương trình MTQG xây dựng NTM xã Thành Yên	7717820	9.050	9.000	5.100	3.900	3.900	3.900		
3	Xây dựng đường giao thông nông thôn	BQL chương trình MTQG xây dựng NTM xã Thành Minh	7723289	4.618	3.600	2.200	1.400	1.400	1.400		
4	Đường giao thông nông thôn	UBND xã Thành Minh	7793625	2.489	2.000	1.000	1.000	1.000	1.000		
5	Xây dựng đường giao thông nông thôn	BQL chương trình MTQG xây dựng NTM xã Thạch Tượng	7735754	4.566	4.500	2.700	1.800	1.800	1.800		
6	Xây mới Trung tâm văn hóa - thể thao xã	BQL chương trình MTQG xây dựng NTM xã Thành Thọ	7723680	5.056	2.200	1.300	900	900	900		
7	Đường giao thông nông thôn	BQL chương trình MTQG xây dựng NTM xã Thành Tiến	7716309	2.785	2.200	1.300	900	900	900		

Số TT	Danh mục công trình	Chủ đầu tư	Mã số dự án đầu tư	Tổng mức đầu tư (hoặc giá trị quyết toán)	Định mức hỗ trợ	Vốn đã hỗ trợ	Số vốn còn lại được hỗ trợ	Kế hoạch vốn năm 2020			Ghi chú
								Tổng số	Trong đó:		
									Vốn NSTW	Vốn NS tính	
8	Xây mới Trung tâm văn hóa - thể thao xã	BQL chương trình MTQG xây dựng NTM xã Thạch Cẩm	7726765	3.874	2.200	1.300	900	900	900		
9	Đường giao thông nông thôn	BQL chương trình MTQG xây dựng NTM xã Thạch Long	7723287	3.942	2.200	1.300	900	900	900		
10	Trường mầm non xã Thạch Bình	UBND huyện Thạch Thành	7782943	4.984	3.100	1.000	2.100	2.100	2.100		
11	Đường giao thông nông thôn	UBND xã Thành An	7786384	3.987	3.100	1.000	2.100	2.100	2.100		
12	Kênh mương nội đồng	UBND xã Thạch Lâm	7784819	4.492	4.400	1.000	3.400	3.400	3.400		
13	Kênh mương nội đồng	UBND xã Thành Tân	7781741	3.977	3.900	1.000	2.900	2.900	2.900		
14	Trung tâm văn hóa thể thao xã	UBND xã Thành Mỹ	7783719	4.762	4.500	1.000	3.500	3.500	3.500		
15	Đường Giao thông nông thôn	UBND xã Thành Công	7781742	5.946	5.600	1.000	4.600	4.600	4.600		
16	Hệ thống mương thoát nước đường giao thông nông thôn xã Thạch Tân	UBND huyện Thạch Thành	7782942	2.507	2.200	750	1.450	1.450	1.450		
XII	Nông Công										
1	Xây mới Trụ sở xã	BQL chương trình MTQG xây dựng NTM xã Trường Minh	7366222	6.015	3.500	2.200	1.300	1.300		1.300	
2	Đường Giao thông	UBND xã Trường Minh	7795016	3.947	3.100	1.000	2.100	2.100	2.100		
3	Xây mới Trung tâm văn hóa - thể thao xã	BQL chương trình MTQG xây dựng NTM xã Trường Giang	7367178	5.093	3.500	2.100	1.400	1.400	1.400		Định mức NSTW hỗ trợ cho xã Trường Giang còn 1.000 triệu đồng. Vốn tăng thêm (400 triệu đồng), Văn phòng điều phối NTM đề xuất bố trí từ nguồn NSTW.
4	Xây mới Trung tâm văn hóa - thể thao xã	BQL chương trình MTQG xây dựng NTM xã Tượng Lĩnh	7366211	8.916	3.500	2.100	1.400	1.400	1.400		Định mức NSTW hỗ trợ cho xã Tượng Lĩnh còn 1.000 triệu đồng. Vốn tăng thêm (400 triệu đồng), Văn phòng điều phối NTM đề xuất bố trí từ nguồn NSTW.
5	Xây dựng Kênh mương nội đồng	BQL chương trình MTQG xây dựng NTM xã Tế Nông	7366205	2.363	2.200	1.300	900	900	900		

Số TT	Danh mục công trình	Chủ đầu tư	Mã số dự án đầu tư	Tổng mức đầu tư (hoặc giá trị quyết toán)	Định mức hỗ trợ	Vốn đã hỗ trợ	Số vốn còn lại được hỗ trợ	Kế hoạch vốn năm 2020			Ghi chú
								Tổng số	Trong đó:		
									Vốn NSTW	Vốn NS tỉnh	
6	Xây mới Trung tâm văn hóa - thể thao xã	BQL chương trình MTQG xây dựng NTM xã Thăng	7280083	6.975	2.200	1.300	900	900	900		
7	Xây mới Trung tâm văn hóa - thể thao xã	BQL chương trình MTQG xây dựng NTM xã Tân	7213022	2.539	2.200	1.300	900	900	900		
8	Xây mới Trung tâm văn hóa - thể thao xã	BQL chương trình MTQG xây dựng NTM xã Tân Phúc	7365339	5.708	2.200	1.300	900	900	900		
9	Xây mới Trung tâm văn hóa - thể thao xã	BQL chương trình MTQG xây dựng NTM xã Công	7217542	7.680	2.200	1.300	900	900	900		
10	Xây dựng Sân vận động xã thuộc Trung tâm văn hóa - thể thao xã	BQL chương trình MTQG xây dựng NTM xã Hoàng Sơn	7268998	2.579	2.200	1.300	900	900	900		
11	Xây dựng Kênh mương nội đồng	BQL chương trình MTQG xây dựng NTM xã Thăng	1075359	2.560	2.200	1.300	900	900	900		
12	Đường giao thông nông thôn	BQL chương trình MTQG xây dựng NTM xã Trung	7366209	2.270	2.200	1.300	900	900	900		
13	Xây mới Trung tâm văn hóa - thể thao xã	BQL chương trình MTQG xây dựng NTM xã Tân Thọ	7326910	3.336	2.200	1.300	900	900	900		
14	Nâng cấp đường giao thông và tuyến mương thôn Thống Nhất	UBND xã Minh Khôi	7794832	3.922	3.100	1.000	2.100	2.100	2.100		
15	Trường Tiểu học 1	UBND xã Thăng Long	7795531	4.230	1.700	1.000	700	700	700		
16	Kênh mương nội đồng	UBND xã Tế Lợi	7795533	4.072	2.200	780	1.420	1.420	1.420		
17	Sân vận động xã	UBND xã Yên Mỹ	7795530	3.488	3.100	1.000	2.100	2.100	2.100		
18	Nâng cấp Sân vận động xã	UBND xã Tượng Văn	7783078	2.454	2.200	750	1.450	1.450	1.450		
19	Nâng cấp, cải tạo Trường Mầm non	UBND xã Trường Sơn	7795547	4.168	2.000	750	1.250	1.250	1.250		
20	Cải tạo, nâng cấp sân vận động	UBND xã Minh Nghĩa	7795532	2.486	2.200	750	1.450	1.450	1.450		
XIII	Vĩnh Lộc										
1	Xây mới Trung tâm văn hóa - thể thao xã	BQL chương trình MTQG xây dựng NTM xã Vĩnh Hùng	7200420	7.188	4.000	2.400	1.600	1.600	1.600		Định mức NSTW hỗ trợ cho xã Vĩnh Hùng còn 700 triệu đồng. Vốn tăng thêm (900 triệu đồng), Văn phòng điều phối NTM đề xuất bố trí từ nguồn NSTW.

Số TT	Danh mục công trình	Chủ đầu tư	Mã số dự án đầu tư	Tổng mức đầu tư (hoặc giá trị quyết toán)	Định mức hỗ trợ	Vốn đã hỗ trợ	Số vốn còn lại được hỗ trợ	Kế hoạch vốn năm 2020			Ghi chú
								Tổng số	Trong đó:		
									Vốn NSTW	Vốn NS tỉnh	
2	Xây mới Trung tâm văn hóa - thể thao xã	BQL chương trình MTQG xây dựng NTM xã Vĩnh Hưng	7200402	5.114	2.200	1.300	900	900	900		
3	Đường giao thông nông thôn	UBND xã Vĩnh Tiến	7794242	3.980	2.200	780	1.420	1.420	1.420		
4	Đường giao thông nông thôn	UBND Thị trấn Vĩnh Lộc	7793587	2.976	2.200	780	1.420	1.420	1.420		Văn phòng điều phối NTM đề nghị tiếp tục bố trí vốn theo chính sách đặc thù của Nghị quyết số 32/NQ-CP ngày 14/5/2019 của Chính phủ.
5	Xây mới Trung tâm văn hóa - thể thao xã	BQL chương trình MTQG xây dựng NTM xã Ninh Khang	7200415	9.393	2.200	1.300	900	900	900		
6	Xây mới Trung tâm văn hóa - thể thao xã	BQL chương trình MTQG xây dựng NTM xã Ninh Khang	7200409	7.164	3.500	2.100	1.400	1.400	1.400		Định mức NSTW hỗ trợ cho xã Ninh Khang còn 1.000 triệu đồng. Vốn tăng thêm (400 triệu đồng), Văn phòng điều phối NTM đề xuất bố trí từ nguồn NSTW.
XIV	Hà Trung										
1	Xây mới Trụ sở xã	BQL chương trình MTQG xây dựng NTM xã Hà Đông	7209640	6.046	4.000	2.500	1.500	1.500		1.500	
2	Xây mới Trung tâm văn hóa - thể thao xã	BQL chương trình MTQG xây dựng NTM xã Hà Tiến	7236726	3.006	2.200	1.300	900	900	900		
3	Xây mới Trung tâm văn hóa - thể thao xã	BQL chương trình MTQG xây dựng NTM xã Lĩnh Toại	7240422	4.873	3.500	2.100	1.400	1.400	1.400		Định mức NSTW hỗ trợ cho xã Lĩnh Toại còn 1.000 triệu đồng. Vốn tăng thêm (400 triệu đồng), Văn phòng điều phối NTM đề xuất bố trí từ nguồn NSTW.

Số TT	Danh mục công trình	Chủ đầu tư	Mã số dự án đầu tư	Tổng mức đầu tư (hoặc giá trị quyết toán)	Định mức hỗ trợ	Vốn đã hỗ trợ	Số vốn còn lại được hỗ trợ	Kế hoạch vốn năm 2020			Ghi chú
								Tổng số	Trong đó:		
									Vốn NSTW	Vốn NS tính	
4	Xây mới Trung tâm văn hóa - thể thao xã	BQL chương trình MTQG xây dựng NTM xã Yên Dương	7323643	5.156	3.500	2.100	1.400	1.400	1.400		Định mức NSTW hỗ trợ cho xã Lĩnh Toàn còn 1.000 triệu đồng. Vốn tăng thêm (400 triệu đồng), Văn phòng điều phối NTM đã bố trí từ nguồn
5	Đường giao thông nông thôn	BQL chương trình MTQG xây dựng NTM xã Hoạt Giang	7227561	2.290	2.200	1.300	900	900	900		
6	Đường giao thông nội đồng	UBND xã Hoạt Giang	7791972	3.004	2.200	750	1.450	1.450	1.450		
7	Xây mới Trung tâm văn hóa - thể thao xã	BQL chương trình MTQG xây dựng NTM xã Hà Bắc	7205324	4.502	2.200	1.300	900	900	900		
8	Đường giao thông nông thôn	BQL chương trình MTQG xây dựng NTM xã Hà Hải	7257389	2.254	2.200	1.300	900	900	900		
9	Xây mới Nhà hội trường thuộc Trung tâm văn hóa - Thể thao xã	BQL chương trình MTQG xây dựng NTM xã Hà Ngọc	7207270	4.050	2.200	1.300	900	900	900		
10	Xây mới Trung tâm văn hóa - thể thao xã	BQL chương trình MTQG xây dựng NTM xã Hà Vinh	7466870	3.840	2.200	1.300	900	900	900		
11	Đường giao thông nội đồng	UBND Thị trấn Hà Trung	7799061	2.828	2.200	780	1.420	1.420	1.420		Văn phòng điều phối NTM đề nghị tiếp tục bố trí vốn theo chính sách đặc thù của Nghị quyết số 32/NQ-CP ngày 14/5/2019 của Chính phủ.
12	Xây mới Trung tâm văn hóa - thể thao xã	BQL chương trình MTQG xây dựng NTM xã Hà Thái	7228178	3.538	2.200	1.300	900	900	900		
13	Xây mới Trung tâm văn hóa - thể thao xã	BQL chương trình MTQG xây dựng NTM xã Yên Sơn	7218219	3.950	2.200	1.300	900	900	900		
14	Trung tâm Văn hóa thể thao	UBND xã Hà Giang	7798348	4.475	2.200	750	1.450	1.450	1.450		
15	Đường giao thông nội đồng	UBND xã Hà Lĩnh	7792584	2.745	2.200	750	1.450	1.450	1.450		
XVI	Huyện Yên Định										
1	Mương tiêu thoát nước thôn Lựu Khê	UBND xã Yên Trường	7790729	3.174	2.200	780	1.420	1.420	1.420		
2	Đường giao thông nông thôn	UBND xã Định Liên	7791360	2.728	2.200	780	1.420	1.420	1.420		
3	Đường giao thông nông thôn	UBND xã Yên Phong	7796409	2.713	2.200	780	1.420	1.420	1.420		
4	Đường giao thông nông thôn	UBND xã Định Tân	7792121	5.500	5.000	780	4.220	4.220	4.220		
5	Đường giao thông nông thôn	UBND xã Định Long	7791640	2.960	2.200	780	1.420	1.420	1.420		

Số TT	Danh mục công trình	Chủ đầu tư	Mã số dự án đầu tư	Tổng mức đầu tư (hoặc giá trị quyết toán)	Định mức hỗ trợ	Vốn đã hỗ trợ	Số vốn còn lại được hỗ trợ	Kế hoạch vốn năm 2020			Ghi chú
								Tổng số	Trong đó:		
									Vốn NSTW	Vốn NS tỉnh	
XVII	Thọ Xuân										
1	Xây mới Trụ sở xã	BQL chương trình MTQG xây dựng NTM xã Xuân Sinh	7199609	4.987	3.500	2.200	1.300	1.300		1.300	
2	Xây mới Trung tâm văn hóa - thể thao xã	BQL chương trình MTQG xây dựng NTM xã Xuân Lập	7199592	3.420	3.420	2.100	1.320	1.320	1.000	320	
3	Xây mới Trung tâm văn hóa - thể thao xã	BQL chương trình MTQG xây dựng NTM xã Xuân Thiên	7199579	3.826	3.500	2.100	1.400	1.400	1.400		Định mức NSTW hỗ trợ cho xã Xuân Thiên còn 1.000 triệu đồng. Vốn tăng thêm (400 triệu đồng), Văn phòng điều phối NTM đã bố trí từ nguồn
4	Xây mới Trường Trung học cơ sở	BQL chương trình MTQG xây dựng NTM xã Thọ Lâm	7199571	3.681	3.100	1.900	1.200	1.200	1.200		
5	Xây mới Trường Trung học cơ sở	BQL chương trình MTQG xây dựng NTM xã Thọ Lập	7199588	3.700	3.100	1.900	1.200	1.200	1.200		
6	Xây dựng Trường Trung học cơ sở	BQL chương trình MTQG xây dựng NTM xã Quảng Phú	7199586	4.029	2.500	1.500	1.000	1.000	1.000		
7	Xây dựng Trường Trung học cơ sở	BQL chương trình MTQG xây dựng NTM xã Xuân Phú	7199575	3.978	2.500	1.500	1.000	1.000	1.000		
8	Đường Giao thông nông thôn (Thọ Nguyên)	UBND xã Xuân Hồng	7199544	3.795	1.400	1.000	400	400	400		
9	Đường giao thông nông thôn	UBND xã Xuân Hồng	7199611	3.587	2.200	780	1.420	1.420	1.420		
10	Trường học Tiểu học	UBND xã Thọ Hải	7199558	4.955	3.100	1.000	2.100	2.100	2.100		
11	Trung tâm văn hóa	UBND xã Nam Giang	7199551	4.679	2.500	1.000	1.500	1.500	1.500		
12	Hội trường Trung tâm văn hóa - thể thao	UBND xã Xuân Giang	7199567	3.490	2.200	750	1.450	1.450	1.450		
XVIII	Triệu Sơn										
1	Xây mới Trụ sở xã	BQL chương trình MTQG xây dựng NTM xã Xuân Thịnh	7703891	6.062	3.500	2.200	1.300	1.300		1.300	
2	Nhà hội trường thuộc Trung tâm văn hóa - thể thao xã	BQL chương trình MTQG xây dựng NTM xã Triệu Thành	7706221	4.275	4.275	2.700	1.575	1.575	1.575		
3	Đường giao thông nông thôn xã Triệu Thành	UBND xã Triệu Thành	7754321	4.941	4.400	1.000	3.400	3.400	3.400		

Số TT	Danh mục công trình	Chủ đầu tư	Mã số dự án đầu tư	Tổng mức đầu tư (hoặc giá trị quyết toán)	Định mức hỗ trợ	Vốn đã hỗ trợ	Số vốn còn lại được hỗ trợ	Kế hoạch vốn năm 2020			Ghi chú
								Tổng số	Trong đó:		
									Vốn NSTW	Vốn NS tỉnh	
4	Đường giao thông nông thôn	BQL chương trình MTQG xây dựng NTM xã Bình Sơn	7700462	4.183	4.000	2.400	1.600	1.600	1.600		
5	Đường giao thông nông thôn	UBND xã Bình Sơn	7795449	5.498	5.400	1.000	4.400	4.400	4.400		
6	Đường giao thông nông thôn	BQL chương trình MTQG xây dựng NTM xã Thọ Bình	7704686	3.657	3.500	2.100	1.400	1.400	1.400		
7	Đường giao thông nông thôn	UBND xã Thọ Bình	7791388	4.497	3.900	1.000	2.900	2.900	2.900		
8	Nhà hội trường thuộc Trung tâm văn hóa - thể thao xã	BQL chương trình MTQG xây dựng NTM xã Hợp Thắng	7708494	4.114	2.200	1.300	900	900	900		
9	Nhà hội trường thuộc Trung tâm văn hóa - thể thao xã	BQL chương trình MTQG xây dựng NTM xã Dân	7706316	4.490	2.200	1.300	900	900	900		
10	Nhà hội trường thuộc Trung tâm văn hóa - thể thao xã	BQL chương trình MTQG xây dựng NTM xã Nông Trường	7707611	5.402	2.200	1.300	900	900	900		
11	Xây mới Trung tâm văn hóa - thể thao xã	BQL chương trình MTQG xây dựng NTM xã Tiến	7712084	4.583	2.200	1.300	900	900	900		
12	Xây mới Trung tâm văn hóa - thể thao xã	BQL chương trình MTQG xây dựng NTM xã Xuân Lộc	7705862	6.174	2.200	1.300	900	900	900		
13	Đường giao thông nông thôn từ trung tâm xã đi thôn Thái Minh	UBND xã Thái Hòa	7792251	3.999	3.100	1.000	2.100	2.100	2.100		
14	Nhà hội trường thuộc trung tâm văn hoá xã	UBND xã Hợp Thành	7743127	4.754	2.200	750	1.450	1.450	1.450		
15	Nhà hội trường thuộc trung tâm văn hoá	UBND xã Hợp Tiến	7781502	4.376	2.200	750	1.450	1.450	1.450		
16	Nhà hội trường thuộc trung tâm văn hoá xã	UBND xã Thọ Tiến	7782625	4.421	2.200	750	1.450	1.450	1.450		
17	Nhà hội trường thuộc trung tâm văn hóa xã	UBND xã Thọ Dân	7772065	4.257	2.200	750	1.450	1.450	1.450		
18	Nhà hội trường thuộc trung tâm văn hoá	UBND xã Thọ Tân	7778057	4.406	2.200	750	1.450	1.450	1.450		
19	Nhà hội trường thuộc Trung tâm văn hóa - thể thao xã	UBND thị trấn Triệu Sơn	7699786	4.176	2.200	1.300	900	900	900		Văn phòng điều phối NTM đề nghị tiếp tục bố trí vốn theo chính sách đặc thù của Nghị quyết số 32/NQ-CP ngày 14/5/2019 của Chính phủ.
XIX	Thịệu Hóa										
1	Đường Giao thông nông thôn	UBND xã Minh Tâm	7789968	2.584	2.400	1.000	1.400	1.400	1.400		
2	Xây mới Trung tâm văn hóa - thể thao xã	BQL chương trình MTQG xây dựng NTM xã Thiệu Duy	7700037	4.196	2.200	1.300	900	900	900		

Số TT	Danh mục công trình	Chủ đầu tư	Mã số dự án đầu tư	Tổng mức đầu tư (hoặc giá trị quyết toán)	Định mức hỗ trợ	Vốn đã hỗ trợ	Số vốn còn lại được hỗ trợ	Kế hoạch vốn năm 2020			Ghi chú
								Tổng số	Trong đó:		
									Vốn NSTW	Vốn NS tỉnh	
3	Xây mới Trung tâm văn hóa - thể thao xã	BQL chương trình MTQG xây dựng NTM xã Minh Tâm	7222670	3.489	3.489	2.100	1.389	1.389	1.034	355	Định mức NSTW hỗ trợ cho xã Minh Tâm còn 1.000 triệu đồng. Vốn tăng thêm (34 triệu đồng), Văn phòng điều phối NTM đã bố trí từ nguồn NSTW.
4	Xây mới Trung tâm văn hóa - thể thao xã	BQL chương trình MTQG xây dựng NTM xã Thiệu Phúc	7222772	4.608	3.500	2.100	1.400	1.400	1.400		Định mức NSTW hỗ trợ cho xã Thiệu Phúc còn 1.000 triệu đồng. Vốn tăng thêm (34 triệu đồng), Văn phòng điều phối NTM đã bố trí từ nguồn NSTW.
5	Xây mới Trung tâm văn hóa - thể thao xã	BQL chương trình MTQG xây dựng NTM xã Thiệu Ngọc	7222770	3.460	2.200	1.300	900	900	900		
6	Xây mới Trung tâm văn hóa - thể thao xã	BQL chương trình MTQG xây dựng NTM xã Thiệu Quang	7222794	2.575	2.200	1.300	900	900	900		
7	Xây mới Trung tâm văn hóa - thể thao xã	BQL chương trình MTQG xây dựng NTM xã Thiệu Thành	7222776	3.885	2.200	1.300	900	900	900		
8	Xây mới Trung tâm văn hóa - thể thao xã	BQL chương trình MTQG xây dựng NTM xã Thiệu Thịnh	7222791	3.811	2.200	1.300	900	900	900		
9	Xây mới Trung tâm văn hóa - thể thao xã	BQL chương trình MTQG xây dựng NTM xã Thiệu Giang	7721378	9.405	2.200	1.300	900	900	900		
10	Đường giao thông thôn Tra thôn	UBND xã Thiệu Phú	7778182	2.818	2.200	780	1.420	1.420	1.420		
11	Kênh mương nội đồng	UBND xã Thiệu Trung	7791332	2.530	2.200	780	1.420	1.420	1.420		
12	Mở rộng đường giao thông và kênh tưới tiêu thôn Hợp Thắng	UBND xã Thiệu Hợp	7789969	2.958	2.200	780	1.420	1.420	1.420		
13	Trường tiểu học	UBND xã Thiệu Chính	7778182	5.183	3.100	1.000	2.100	2.100	2.100		
14	Trường Trung học cơ sở	UBND xã Thiệu Toán	7222680	4.625	2.200	750	1.450	1.450	1.450		

Số TT	Danh mục công trình	Chủ đầu tư	Mã số dự án đầu tư	Tổng mức đầu tư (hoặc giá trị quyết toán)	Định mức hỗ trợ	Vốn đã hỗ trợ	Số vốn còn lại được hỗ trợ	Kế hoạch vốn năm 2020			Ghi chú
								Tổng số	Trong đó:		
									Vốn NSTW	Vốn NS tính	
15	Đường giao thông Thôn 3 từ kênh B9 đi đê hữu sông Chu	UBND Thị trấn Thiệu Hóa	7792319	2.340	2.200	780	1.420	1.420	1.420		Văn phòng điều phối NTM đề nghị tiếp tục bố trí vốn theo chính sách đặc thù của Nghị quyết số 32/NQ-CP ngày 14/5/2019 của Chính phủ.
XX	Huyện Đông Sơn										
1	Đường giao thông liên thôn	UBND xã Đông Thanh	7793357	3.999	3.100	1.000	2.100	2.100	2.100		
2	Hệ thống đường và rãnh thoát nước liên thôn Văn Châu	UBND xã Đông Văn	7788625	2.500	2.200	780	1.420	1.420	1.420		
3	Kênh Đồng Trắc thôn 2 xã Đông Khê	UBND xã Đông Khê	7777370	2.795	2.200	750	1.450	1.450	1.450		
XXI	Thành phố Thanh Hóa										
1	Xây mới Trụ sở xã	BQL chương trình MTQG xây dựng NTM xã Hoằng Quang	7358094	14.635	3.500	2.200	1.300	1.300		1.300	
2	Xây mới Trung tâm văn hóa - thể thao xã	BQL chương trình MTQG xây dựng NTM xã Hoằng Đại	7358100	8.717	3.500	2.100	1.400	1.400	1.000	400	
3	Xây mới Trung tâm văn hóa - thể thao xã	UBND Phường An Hưng	7358120	7.195	2.200	1.300	900	900	900		Văn phòng điều phối NTM đề nghị tiếp tục bố trí vốn theo chính sách đặc thù của Nghị quyết số 32/NQ-CP ngày 14/5/2019 của Chính phủ.
4	Xây mới Trung tâm văn hóa - thể thao xã	UBND Xã Quảng Cát	7358135	4.496	2.200	1.300	900	900	900		
5	Đường giao thông xã Quảng Tâm	UBND xã Quảng Tâm	7797540	3.229	2.100	780	1.320	1.320	1.320		
6	Kênh mương xã Quảng Thịnh	UBND xã Quảng Thịnh	7791292	2.972	2.100	780	1.320	1.320	1.320		
7	Đường GT nông thôn từ thôn 9 đi thôn 10	UBND xã Thiệu Dương	7358104	2.074	1.080	780	300	300	300		
XXII	Sầm Sơn										
1	Trạm y tế	UBND xã Quảng Hùng	7787129	3.183	2.200	1.000	1.200	1.200	1.200		
2	Xây mới Trung tâm văn hóa - thể thao xã	BQL chương trình MTQG xây dựng NTM xã Quảng Hùng	7290539	6.043	4.500	2.700	1.800	1.800	1.800		
3	Xây mới Phòng học Trường Mầm non	BQL chương trình MTQG xây dựng NTM xã Quảng Minh	7785877	6.356	2.200	1.300	900	900	900		

Số TT	Danh mục công trình	Chủ đầu tư	Mã số dự án đầu tư	Tổng mức đầu tư (hoặc giá trị quyết toán)	Định mức hỗ trợ	Vốn đã hỗ trợ	Số vốn còn lại được hỗ trợ	Kế hoạch vốn năm 2020			Ghi chú
								Tổng số	Trong đó:		
									Vốn NSTW	Vốn NS tỉnh	
XXIII	Nga Sơn										
1	Xây mới Trung tâm văn hóa - thể thao xã	BQL chương trình MTQG xây dựng NTM xã Nga	7202589	4.941	3.500	2.100	1.400	1.400	1.000	400	
2	Xây dựng Sân vận động thuộc Trung tâm văn hóa - thể thao xã	BQL chương trình MTQG xây dựng NTM xã Nga Phượng	7212983	7.370	3.500	2.100	1.400	1.400	1.000	400	
3	Xây mới Trung tâm văn hóa - thể thao xã	BQL chương trình MTQG xây dựng NTM xã Nga Thắng	7219441	7.709	3.500	2.100	1.400	1.400	1.000	400	
4	Xây mới Trạm y tế xã	BQL chương trình MTQG xây dựng NTM xã Nga Thủy	7235223	4.914	2.200	1.300	900	900	900		
5	Sân vận động xã	UBND xã Nga Thủy	7791192	3.402	3.400	1.000	2.400	2.400	2.400		
6	Sân vận động xã thuộc Trung tâm Văn hóa - thể thao xã	BQL chương trình MTQG xây dựng NTM xã Nga Tiến	7199322	4.868	3.200	2.100	1.100	1.100	1.100		
7	Xây mới Trạm y tế xã	BQL chương trình MTQG xây dựng NTM xã Nga Tân	7248977	5.249	2.200	1.300	900	900	900		
8	Đường giao thông Tân Hải đi Tân Phát	UBND xã Nga Phú	7791290	4.001	1.700	1.000	700	700	700		
9	Kênh mương thủy lợi	UBND xã Nga Bạch	7786822	3.893	1.700	1.000	700	700	700		
10	Đường giao thông từ Hậu Trạch đi kênh N8	UBND xã Nga Thạch	7791191	3.987	2.200	780	1.420	1.420	1.420		
11	Kênh mương thủy lợi	UBND xã Nga Thành	7778475	3.135	2.200	750	1.450	1.450	1.450		
XXIV	Hải Lộc										
1	Xây dựng Trường mầm non	BQL chương trình MTQG xây dựng NTM xã Liên Lộc	1077789	8.506	3.100	1.900	1.200	1.200	1.200		
2	Xây dựng đường giao thông nông thôn	BQL chương trình MTQG xây dựng NTM xã Hưng Lộc	7240363	4.728	4.500	2.700	1.800	1.800	1.800		
3	Sân vận động thuộc Trung tâm văn hóa - thể thao xã	BQL chương trình MTQG xây dựng NTM xã Hải Lộc	7245354	6.491	4.000	2.400	1.600	1.600	1.600		
4	Đường GINTT thôn Tân Lộc đi thôn Y	UBND xã Hải Lộc	7788861	2.422	2.100	1.000	1.100	1.100	1.100		
5	Trường mầm non	BQL chương trình MTQG xây dựng NTM xã Đa Lộc	725537	6.751	4.900	2.900	2.000	2.000	2.000		
6	Trạm Y tế	BQL chương trình MTQG xây dựng NTM xã Đồng Lộc	7420947	4.260	2.200	1.300	900	900	900		
7	Xây mới Trung tâm văn hóa - thể thao xã	BQL chương trình MTQG xây dựng NTM xã Thuần	7252533	5.786	2.200	1.300	900	900	900		
8	Xây mới Trung tâm văn hóa - thể thao xã	BQL chương trình MTQG xây dựng NTM xã Phong Lộc	7387334	3.927	2.200	1.300	900	900	900		

Số TT	Danh mục công trình	Chủ đầu tư	Mã số dự án đầu tư	Tổng mức đầu tư (hoặc giá trị quyết toán)	Định mức hỗ trợ	Vốn đã hỗ trợ	Số vốn còn lại được hỗ trợ	Kế hoạch vốn năm 2020			Ghi chú
								Tổng số	Trong đó:		
									Vốn NSTW	Vốn NS tỉnh	
9	Xây mới Nhà hội trường thuộc Trung tâm văn hóa - Thể thao xã	BQL chương trình MTQG xây dựng NTM xã Triệu Lộc	7261094	7.105	2.200	1.300	900	900	900		
10	Sân vận động xã thuộc Trung tâm văn hóa - thể thao xã	BQL chương trình MTQG xây dựng NTM xã Triệu Lộc	7.252.531	5.534	2.200	1.300	900	900	900		
11	Đường giao thông Khoan Hồng đi Đại Lý	UBND xã Mỹ Lộc	7793749	4.194	1.400	1.000	400	400	400		
12	Kênh mương thôn Hậu-B15	UBND xã Hoa Lộc	7793750	2.189	1.400	1.000	400	400	400		
13	Trường mầm non	UBND xã Minh Lộc	7793751	8.647	2.200	780	1.420	1.420	1.420		
XXV	Hoàng Hóa										
1	Xây mới Trụ sở xã	BQL chương trình MTQG xây dựng NTM xã Hoàng Trường	7.294.596	8.919	4.500	2.750	1.750	1.750		1.750	
2	Kiên cố hóa kênh tiêu Phúc Ngư và đường bờ kênh kết hợp quản lý vận hành kênh	UBND xã Hoàng Trường	7788860	12.000	9.600	1.200	8.400	8.400	8.400		
3	Xây mới Trụ sở xã	BQL chương trình MTQG xây dựng NTM xã Hoàng Thanh	7468463	6.646	4.500	2.750	1.750	1.750		1.750	
4	Trường Mầm non (hạng mục: Nhà lớp học 2 tầng 10 phòng)	UBND xã Hoàng Thanh	7792081	7.281	5.500	1.000	4.500	4.500	4.500		
5	Nhà thi đấu thể thao, sân vận động thuộc Trung tâm văn hóa - thể thao xã	BQL chương trình MTQG xây dựng NTM xã Hoàng Châu	7338572	4.844	4.500	2.700	1.800	1.800	1.800		
6	Nhà thi đấu thể thao, sân vận động thuộc Trung tâm văn hóa - thể thao xã	BQL chương trình MTQG xây dựng NTM xã Hoàng Xuyên	7226105	4.544	3.500	2.100	1.400	1.400	1.000	400	
7	Sân vận động thuộc Trung tâm văn hóa - thể thao xã	BQL chương trình MTQG xây dựng NTM xã Hoàng Yên	7261363	7.081	4.000	2.400	1.600	1.600	1.600		
8	Xây mới nhà dinh dưỡng mầm non 01 tầng, san lấp phần khu đất xây dựng còn lại, công hàng rào, sân nền bê tông và rãnh thoát nước thuộc Trường mầm non xã Hoàng Hải	UBND xã Hoàng Hải	7790837	5.500	4.900	1.000	3.900	3.900	3.900		
9	Đường Giao thông nông thôn	UBND xã Hoàng Thắng	7794241	5.500	5.000	780	4.220	4.220	4.220		
10	Cải tạo, nâng cấp Đường GTNT	UBND xã Hoàng Xuân	7792343	4.500	2.200	780	1.420	1.420	1.420		
11	Trường tiểu học	UBND xã Hoàng Phụ	7784006	5.985	5.000	1.000	4.000	4.000	4.000		
12	Nâng cấp trường THCS	UBND xã Hoàng Phượng	7783284	3.520	1.600	1.000	600	600	600		
XXVI	Huyện Quảng Xương										
1	Kiên cố hóa kênh mương nội đồng	UBND xã Quảng Trung	7792084	2.271	1.700	1.000	700	700	700		

Số TT	Danh mục công trình	Chủ đầu tư	Mã số dự án đầu tư	Tổng mức đầu tư (hoặc giá trị quyết toán)	Định mức hỗ trợ	Vốn đã hỗ trợ	Số vốn còn lại được hỗ trợ	Kế hoạch vốn năm 2020			Ghi chú
								Tổng số	Trong đó:		
									Vốn NSTW	Vốn NS tỉnh	
2	Đường giao thông nông thôn	UBND xã Quảng Thái	7790534	3.465	2.200	780	1.420	1.420	1.420		
3	Kênh mương nội đồng	UBND xã Quảng Bình	7228474	3.427	2.200	780	1.420	1.420	1.420		
4	Đường giao thông nông thôn	UBND xã Quảng Yên	7794450	5.000	2.200	780	1.420	1.420	1.420		
5	Sân vận động	UBND xã Quảng Văn	7784818	2.559	2.200	750	1.450	1.450	1.450		
6	Trường THCS Lưu Vệ	UBND thị trấn Tân Phong	7787324	5.429	2.200	750	1.450	1.450	1.450		Văn phòng điều phối NTM đề nghị tiếp tục bố trí vốn theo chính sách đặc thù của Nghị quyết số 32/NQ-CP ngày 14/5/2019 của Chính phủ.
7	Đường giao thông nông thôn	UBND thị trấn Tân Phong	7783464	3.226	2.200	750	1.450	1.450	1.450		- nt -
XXVII	Tỉnh Gia										
1	Xây mới Trụ sở xã	BQL chương trình MTQG xây dựng NTM xã Hải Ninh	7216812	5.918	3.500	2.200	1.300	1.300		1.300	
2	Đường giao thông nông thôn	BQL chương trình MTQG xây dựng NTM xã Hải Ninh	7247879	3.879	3.500	2.100	1.400	1.400	1.400		
3	Kênh mương nội đồng	UBND xã Hải Ninh	7792342	3.219	3.000	1.000	2.000	2.000	2.000		
4	Xây mới Nhà hội trường thuộc Trung tâm văn hóa - thể thao xã	BQL chương trình MTQG xây dựng NTM xã Nghi Sơn	7269692	13.231	4.500	2.700	1.800	1.800	1.800		
5	Trường mầm non	UBND xã Nghi Sơn	7791639	4.969	4.969	1.000	3.969	3.969	3.969		
6	Đường giao thông nông thôn	BQL chương trình MTQG xây dựng NTM xã Hải An	7249378	3.137	2.500	1.500	1.000	1.000	1.000		
7	Đường giao thông nông thôn	BQL chương trình MTQG xây dựng NTM xã Tân Trường	7253412	4.387	3.500	2.100	1.400	1.400	1.400		
8	Xây mới Trung tâm văn hóa xã	UBND xã Tân Trường	7790249	5.745	4.500	1.000	3.500	3.500	3.500		
9	Xây dựng Trung tâm văn hóa - thể thao xã	BQL chương trình MTQG xây dựng NTM xã Ninh Hải	7282323	5.571	4.500	2.700	1.800	1.800	1.800		
10	Đường giao thông nông thôn	BQL chương trình MTQG xây dựng NTM xã Hải	7212967	3.381	3.381	2.100	1.281	1.281	1.281		
11	Trung tâm văn hóa xã	UBND xã Hải Thanh	7792083	5.257	3.500	1.000	2.500	2.500	2.500		
12	Trường Tiểu học	BQL chương trình MTQG xây dựng NTM xã Phú Sơn	7245092	5.697	4.900	2.900	2.000	2.000	2.000		
13	Kênh mương nội đồng	BQL chương trình MTQG xây dựng NTM xã Mai Lâm	7255709	2.312	2.200	1.300	900	900	900		

Số TT	Danh mục công trình	Chủ đầu tư	Mã số dự án đầu tư	Tổng mức đầu tư (hoặc giá trị quyết toán)	Định mức hỗ trợ	Vốn đã hỗ trợ	Số vốn còn lại được hỗ trợ	Kế hoạch vốn năm 2020			Ghi chú
								Tổng số	Trong đó:		
									Vốn NSTW	Vốn NS tỉnh	
14	Kênh mương tưới từ N1 đi Thôn 1	BQL chương trình MTQG xây dựng NTM xã Định Hải	7278854	2.415	2.200	1.300	900	900	900		
15	Đường giao thông nông thôn	BQL chương trình MTQG xây dựng NTM xã Nguyên Bình	7237913	3.087	2.200	1.300	900	900	900		
16	Nhà văn hóa đa năng	UBND xã Tân Dân	7796446	7.040	4.400	1.000	3.400	3.400	3.400		
17	Đường giao thông nông thôn	UBND thị trấn Tĩnh Gia	7216030	3.875	3.200	1.900	1.300	1.300	1.300		Văn phòng điều phối NTM đề nghị tiếp tục bố trí vốn theo chính sách đặc thù của Nghị quyết số 32/NQ-CP ngày 14/5/2019 của Chính phủ.
18	Tuyến đường giao thông liên xã	UBND xã Tùng Lâm	7794833	2.500	2.200	780	1.420	1.420	1.420		
19	Đường giao thông nông thôn	UBND xã Trúc Lâm	7793741	3.800	2.200	780	1.420	1.420	1.420		
20	Kênh mương nội đồng	UBND xã Thanh Sơn	7777369	4.056	3.100	1.000	2.100	2.100	2.100		
21	Trung tâm văn hóa xã	UBND xã Hải Lĩnh	7783937	5.188	4.500	1.000	3.500	3.500	3.500		

**Phụ lục số 4: CHI TIẾT KẾ HOẠCH VỐN THANH TOÁN KHỎI LƯỢNG HOÀN THÀNH CHO CÁC CÔNG TRÌNH ĐƯỢC HỖ TRỢ ĐẦU TƯ NĂM 2019
TỪ NGUỒN DỰ PHÒNG NSTW**

(Kèm theo Tờ trình số 19 /TTr-UBND ngày 03 tháng 4 năm 2020 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	Danh mục công trình	Chủ đầu tư	Mã số dự án đầu tư	Tổng mức đầu tư		Vốn dự phòng NSTW đã hỗ trợ	Vốn dự phòng NSTW còn lại chưa hỗ trợ	Kế hoạch vốn năm 2020	Ghi chú
				Tổng số	Trong đó: Vốn dự phòng NSTW				
	TỔNG SỐ			86.314	72.228	52.500	19.728	19.728	
1	Hỗ trợ phát triển Hợp tác xã nông nghiệp			58.248	45.300	27.180	18.120	18.120	
1	Huyện Thiệu Hóa								
	Kiên cố hóa đường giao thông và kênh mương nội đồng	UBND xã Thiệu Phúc	7790728	4.478	3.500	2.100	1.400	1.400	
2	Huyện Hậu Lộc								
	Bê tông hóa đường trục chính nội đồng từ Ông Cẩn Lâm - Ông Hong	UBND xã Đa Lộc	7792261	5.055	4.000	2.400	1.600	1.600	
3	Huyện Nông Cống								
	Hệ thống kênh mương và giao thông nội đồng phục vụ sản xuất nông nghiệp	UBND xã Yên Mỹ	7795529	6.548	4.500	2.700	1.800	1.800	
4	Huyện Nga Sơn								
	Xây dựng kênh mương nội đồng	UBND xã Nga Bạch	7786820	4.536	3.600	2.200	1.400	1.400	
5	Huyện Tĩnh Gia								
	Kiên cố hóa kênh tưới nội đồng	UBND xã Ninh Hải	7794447	4.508	3.500	2.100	1.400	1.400	
	Kiên cố hóa kênh tưới nội đồng	UBND xã Hải Lĩnh	7796788	4.501	3.500	2.100	1.400	1.400	
6	Huyện Hà Trung								
	Đường giao thông nội đồng	UBND xã Hà Hải	7798347	4.744	3.800	2.280	1.520	1.520	
7	Huyện Ngọc Lặc								
	Xây dựng kho lạnh, kho chứa, sân phơi	UBND xã Thúy Sơn	7803070	2.591	2.000	1.200	800	800	
8	Huyện Thạch Thành								
	Đường giao thông nội đồng	UBND xã Thành Long	7791637	4.495	3.500	2.100	1.400	1.400	
	Đường giao thông nội đồng	UBND xã Thạch Cẩm	7792082	3.995	3.200	1.900	1.300	1.300	
9	Huyện Như Xuân								
	Xây dựng xưởng sơ chế, bảo quản, chế biến sản phẩm nông nghiệp	UBND xã Xuân Hòa	7794448	4.000	3.200	1.900	1.300	1.300	
10	Huyện Bá Thước								
	Nâng cấp đường lâm nghiệp	UBND xã Điền Trung	7792145	4.397	3.500	2.100	1.400	1.400	
11	Huyện Lang Chánh								
	Kênh mương nội đồng	UBND xã Tân Phúc	7786823	4.400	3.500	2.100	1.400	1.400	

Số TT	Danh mục công trình	Chủ đầu tư	Mã số dự án đầu tư	Tổng mức đầu tư		Vốn dự phòng NSTW đã hỗ trợ	Vốn dự phòng NSTW còn lại chưa hỗ trợ	Kế hoạch vốn năm 2020	Ghi chú
				Tổng số	Trong đó: Vốn dự phòng NSTW				
II	Hỗ trợ theo Đề án 1385/QĐ-TTg			28.066	26.928	25.320	1.608	1.608	
1	Huyện Mường Lát								
	Đường giao thông từ quốc lộ 15c đi bản Phá Hộc	UBND xã Nhi Sơn	7795015	4.491	4.491	4.300	191	191	
	Đường giao thông từ bản Lách đi Suối Hào	UBND xã Mường Chanh	7795014	4.494	4.494	4.220	274	274	
2	Huyện Quan Sơn								
	Nước Sinh hoạt bản Hiết	UBND xã Sơn Thủy	7796590	3.050	3.000	2.800	200	200	
	Đường GTNT liên bản Cha Lung - Pa	UBND xã Tam Thanh	7796408	3.999	3.950	3.700	250	250	
3	Huyện Thường Xuân								
	Đường giao thông thôn Khẹo đi thôn Vịn	UBND xã Bát Mọt	7791079	3.993	3.993	3.700	293	293	
4	Huyện Lang Chánh								
	Công trình nước sinh hoạt tập trung bản Yên Bình	UBND xã Yên Khương	7792582	4.550	4.000	3.800	200	200	
5	Quan Hóa								
	Hệ thống thủy lợi suối Ôn bản Chiềng Hin	UBND xã Hiền Kiệt	7799062	3.489	3.000	2.800	200	200	

**Phụ lục số 5: CHI TIẾT KẾ HOẠCH VỐN HỖ TRỢ XÂY DỰNG MÔ HÌNH CẤP NƯỚC Ở TRƯỜNG HỌC, TRẠM Y TẾ THUỘC XÃ ĐẢO ĐƯỢC CHỦ TỊCH UBND TỈNH
PHÊ DUYỆT TẠI QUYẾT ĐỊNH SỐ 5060/QĐ-UBND NGÀY 29/11/2019 TỪ NGUỒN DỰ PHÒNG NSTW**
(Kèm theo Tờ trình số : 19 /TTr-UBND ngày 03 tháng 4 năm 2020 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	Danh mục công trình	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyet BCKTKT	Tổng mức đầu tư		Kế hoạch vốn năm 2020	Ghi chú
				Tổng số	Trong đó: NSTW hỗ trợ		
	TỔNG SỐ			2.588	2.588	2.588	
-	Xây dựng mô hình cấp nước cho trường học, trạm y tế tại các xã đảo thuộc đề án thí điểm hoàn thiện và nhân rộng mô hình bảo vệ môi trường xây dựng nông thôn mới tại các xã khó khăn, biên giới, hải đảo theo hướng xã hội hóa, giai đoạn 2017 - 2020	Sở Nông nghiệp và PTNT	5060/QĐ-UBND ngày 29/11/2019	2.588	2.588	2.588	

Phụ lục số 6: CHI TIẾT KẾ HOẠCH VỐN HỖ TRỢ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KẾT CẤU HẠ TẦNG CHO 29 HTX ĐƯỢC CHỦ TỊCH UBND TỈNH PHÊ DUYỆT CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ TẠI QUYẾT ĐỊNH SỐ 3456/QĐ-UBND NGÀY 29/8/2019 TỪ NGUỒN DỰ PHÒNG NSTW

(Kèm theo Tờ trình số : 19 /TTr-UBND ngày 03 tháng 4 năm 2020 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	Danh mục công trình	Tên Hợp tác xã	Chủ đầu tư	Tổng mức đầu tư		Vốn dự phòng NSTW đã hỗ trợ	Vốn còn lại được hỗ trợ	Kế hoạch vốn năm 2020	Ghi chú
				Tổng số	Trong đó: Vốn dự phòng NSTW				
	TỔNG SỐ			116.073	90.250		90.250	90.250	
1	Huyện Hậu Lộc								
-	Kênh mương tưới tiêu nội đồng	HTX Nông nghiệp Phú Lộc	UBND xã Phú Lộc	5.890	4.700		4.700	4.700	
-	Đường giao thông nội đồng	HTX Nông nghiệp Hưng Lộc	UBND xã Hưng Lộc	5.378	4.000		4.000	4.000	
2	Huyện Nông Cống								
-	Xây dựng nhà kho, khu bảo quản và mua thiết bị phục vụ sơ chế bảo quản nông sản	HTX Dịch vụ Nông nghiệp Thăng Long	UBND xã Thăng Long	6.644	5.000		5.000	5.000	
3	Huyện Như Thanh								
-	Xây dựng khu sơ chế, phối trộn, bảo quản, sản phẩm nguyên liệu sản xuất nuôi trồng nấm công nghệ cao theo chuỗi giá trị	HTX Nông sản hữu cơ Trúc Phương	UBND xã Yên Thọ	4.602	3.500		3.500	3.500	
-	Xây dựng kênh mương tưới tiêu nội đồng, phục vụ sản xuất	HTX Dịch vụ nông nghiệp Xuân Du	UBND xã Xuân Du	4.465	3.500		3.500	3.500	
4	Huyện Thiệu Hóa								
-	Kiến cố hóa đường giao thông và kênh mương nội đồng	HTX Nông nghiệp Thiệu Duy	UBND xã Thiệu Duy	4.768	3.800		3.800	3.800	
5	Huyện Triệu Sơn								
-	Đường giao thông nội đồng	HTX Dịch vụ nông nghiệp Đồng Tiến	UBND xã Đồng Tiến	4.788	3.700		3.700	3.700	
-	Đường giao thông nội đồng	HTX Dịch vụ nông nghiệp Thọ Phú	UBND xã Thọ Phú	3.398	2.700		2.700	2.700	
6	Huyện Cẩm Thủy								
-	Kênh mương nội đồng	HTX DV kinh doanh Tổng hợp NN Cẩm Vân	UBND xã Cẩm Vân	3.511	2.800		2.800	2.800	
7	Huyện Thường Xuân								
-	Đường giao thông nội đồng	HTX Nông nghiệp Hưng Thịnh - Lương Sơn	UBND xã Lương Sơn	4.497	3.500		3.500	3.500	
8	Huyện Nga Sơn								
-	Xây dựng kênh mương nội đồng	HTX NN Nga Trung	UBND xã Nga Trung	4.620	3.600		3.600	3.600	

Số TT	Danh mục công trình	Tên Hợp tác xã	Chủ đầu tư	Tổng mức đầu tư		Vốn dự phòng NSTW đã hỗ trợ	Vốn còn lại được hỗ trợ	Kế hoạch vốn năm 2020	Ghi chú
				Tổng số	Trong đó: Vốn dự phòng NSTW				
-	Xây dựng đường giao thông nội đồng	HTX NN Nga Trường	UBND xã Nga Trường	4.643	3.600		3.600	3.600	
9	Huyện Hà Trung								
-	Đường giao thông nội đồng	HTX Dịch vụ nông nghiệp Hà Toại	UBND xã Hà Toại	3.789	3.000		3.000	3.000	
10	Huyện Yên Định								
-	Kênh mương nội đồng	HTX DV sản xuất NN Yên Lạc	UBND xã Yên Lạc	2.500	2.000		2.000	2.000	
-	Đường giao thông nội đồng	HTX DVNN Yên Phong	UBND xã Yên Phong	4.053	3.000		3.000	3.000	
-	Đường giao thông và kênh mương nội đồng	HTX DVNN Định Bình	UBND xã Định Bình	3.812	3.000		3.000	3.000	
11	Huyện Quảng Xương								
-	Đường giao thông nội đồng	HTX Dịch vụ NN Quảng Hòa	UBND xã Quảng Hòa	1.227	950		950	950	
-	Kênh mương nội đồng	HTX DVNN Quảng Long	UBND xã Quảng Long	4.488	3.000		3.000	3.000	
12	Huyện Hoằng Hóa								
-	Nâng cấp mương kèp đường giao thông	HTX DV NN Hoằng Xuân	UBND xã Hoằng Xuân	4.500	3.500		3.500	3.500	
-	Kiên cố hóa kênh Dọc Xoang	HTX DVNN Hoằng Phong	UBND xã Hoằng Phong	4.500	3.500		3.500	3.500	
-	Kiên cố hóa kênh Bàn Trúc - Trinh Hà	HTX DVNN Hoằng Trung	UBND xã Hoằng Trung	4.500	3.500		3.500	3.500	
13	Huyện Vĩnh Lộc								
-	Bê tông hóa đường giao thông nội đồng	HTX DVNN Vĩnh Quang	UBND xã Vĩnh Quang	2.498	2.000		2.000	2.000	
-	Bê tông hóa đường giao thông nội đồng	HTX DVNN Vĩnh Long	UBND xã Vĩnh Long	2.497	2.000		2.000	2.000	
-	Bê tông hóa đường giao thông nội đồng	HTX DVNN Vĩnh Hùng	UBND xã Vĩnh Hùng	3.498	2.800		2.800	2.800	
14	Huyện Thọ Xuân								
-	Bê tông hóa đường giao thông nội đồng	HTX Dịch vụ NN và phát triển nông thôn Xuân Minh	UBND xã Xuân Minh	1.998	1.600		1.600	1.600	
-	Bê tông hóa đường giao thông nội đồng	HTX Dịch vụ nông nghiệp Toàn Năng	UBND xã Xuân Vinh	2.998	2.400		2.400	2.400	
-	Bê tông hóa kênh mương nội đồng	HTX Dịch vụ Nông nghiệp Xuân Tân	UBND xã Xuân Tân	2.999	2.400		2.400	2.400	

Số TT	Danh mục công trình	Tên Hợp tác xã	Chủ đầu tư	Tổng mức đầu tư		Vốn dự phòng NSTW đã hỗ trợ	Vốn còn lại được hỗ trợ	Kế hoạch vốn năm 2020	Ghi chú
				Tổng số	Trong đó: Vốn dự phòng NSTW				
15	Huyện Đông Sơn								
-	Nhà kho chứa vật tư nông nghiệp và bảo quản nông sản sau thu hoạch	HTX cơ giới hóa nông nghiệp Đông Tiến	UBND xã Đông Tiến	3.999	3.200		3.200	3.200	
16	Thành phố Thanh Hóa								
-	Kênh tiêu từ Trạm Y tế xã di động Sót	HTX DVNN Hoằng Quang	UBND xã Hoằng Quang	5.013	4.000		4.000	4.000	

Phụ lục số 7: DANH MỤC VÀ MỨC VỐN BỐ TRÍ CHO CÁC CÔNG TRÌNH KHỞI CÔNG MỚI NĂM 2020 TỪ NGUỒN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NSTW
(Kèm theo Tờ trình số 19 /TTr-UBND ngày 03 tháng 4 năm 2020 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	Danh mục công trình	Địa điểm đầu tư	Chủ đầu tư	Mức vốn NSTW hỗ trợ	Kế hoạch vốn năm 2020	Ghi chú
	TỔNG SỐ			592.586	592.586	- Giao Sở Tài chính cấp vốn theo phương thức ngân sách tỉnh hỗ trợ có mục tiêu cho ngân sách huyện. - Giao Văn phòng điều phối NTM căn cứ các quy định của pháp luật, hướng dẫn, đơn đốc các huyện, thành phố tổ chức thực hiện đảm bảo theo quy định.
A	ĐỐI VỚI CÁC XÃ KHÔNG THỰC HIỆN SÁP NHẬP			505.541	505.541	
I	Thiệu Hóa					Giao UBND huyện phân bổ vốn chi tiết cho công trình sau khi đã đảm bảo đủ hồ sơ, thủ tục theo quy định.
1	Xây dựng đường giao thông liên thôn Nhân Mỹ đi thôn Thành Đồng	Xã Thiệu Công	UBND xã Thiệu Công	3.100	3.100	
2	Nâng cấp đường giao thông nông thôn	Xã Thiệu Tiến	UBND xã Thiệu Tiến	590	590	
3	Sân vận động xã	Xã Thiệu Hoà	UBND xã Thiệu Hoà	800	800	
II	Yên Định					Giao UBND huyện phân bổ vốn chi tiết cho công trình sau khi đã đảm bảo đủ hồ sơ, thủ tục theo quy định.
1	Đường giao thông nông thôn thôn Trung Thôn	Xã Định Hoà	UBND xã Định Hoà	2.200	2.200	
2	Đường giao thông và kênh mương nội đồng	Xã Định Bình	UBND xã Định Bình	2.200	2.200	
3	Đường giao thông nội đồng Kênh Đông, Kênh Tây	Xã Quý Lộc	UBND xã Quý Lộc	2.200	2.200	
4	Đường giao thông nông thôn đoạn từ Bái Lũ đi Mương Ngang	Xã Yên Ninh	UBND xã Yên Ninh	700	700	
5	Đường giao thông nội đồng	Xã Yên Trung	UBND xã Yên Trung	500	500	
6	Đường giao thông nông thôn	Xã Định Tăng	UBND xã Định Tăng	500	500	
7	Đường giao thông nông thôn (thôn 5)	Xã Yên Thịnh	UBND xã Yên Thịnh	1.100	1.100	
8	Đường giao thông nông thôn, thôn Mỹ Lộc đi Lang Thông	Xã Định Tiến	UBND xã Định Tiến	500	500	
9	Đường giao thông nông thôn nối đường 516d với đường 516	Xã Định Hưng	UBND xã Định Hưng	500	500	
10	Đường giao thông nông thôn thôn Thịnh Thôn đi Thôn Trại Điện	Xã Định Hải	UBND xã Định Hải	500	500	
11	Đường giao thông nông thôn nối đường 518	Xã Yên Tâm	UBND xã Yên Tâm	500	500	
12	Đường giao thông nông thôn	Xã Yên Hùng	UBND xã Yên Hùng	500	500	
III	Hậu Lộc					Giao UBND huyện phân bổ vốn chi tiết cho công trình sau khi đã đảm bảo đủ hồ sơ, thủ tục theo quy định.
1	Đường giao thông nông thôn tuyến ngõ ông Lài đi thôn Thuận Nhất	Xã Phú Lộc	UBND xã Phú Lộc	2.280	2.280	
2	Nâng cấp Trạm Y tế xã	Xã Đa Lộc	UBND xã Đa Lộc	850	850	Định mức NSTW hỗ trợ cho xã Đa Lộc còn 200 triệu đồng. Vốn tăng thêm (650 triệu đồng), Văn phòng điều phối NTM đề xuất bố trí từ nguồn NSTW.
3	Đường giao thông nông thôn kè mương thoát nước thôn Kiến Long	Xã Hưng Lộc	UBND xã Hưng Lộc	1.600	1.600	
4	Kênh Mương tưới, tiêu	Xã Đại Lộc	UBND xã Đại Lộc	500	500	

Số TT	Danh mục công trình	Địa điểm đầu tư	Chủ đầu tư	Mức vốn NSTW hỗ trợ	Kế hoạch vốn năm 2020	Ghi chú
IV	Thạch Thành					Giao UBND huyện phân bổ vốn chi tiết cho công trình sau khi đã đảm bảo đủ hồ sơ, thủ tục theo quy định.
1	Nhà văn hóa đa năng xã	Xã Thạch Lâm	UBND xã Thạch Lâm	3.000	3.000	
2	Đường giao thông nông thôn	Xã Thành Mỹ	UBND xã Thành Mỹ	2.900	2.900	
3	Nhà văn hóa đa năng và các công trình phụ trợ	Xã Thành Vinh	UBND xã Thành Vinh	2.400	2.400	
4	Đường giao thông nông thôn	Xã Thành Tân	UBND xã Thành Tân	1.700	1.700	
5	Đường giao thông nông thôn	Xã Thạch Tượng	UBND xã Thạch Tượng	1.100	1.100	
6	Đường giao thông thôn Thành Trung	Xã Thành Yên	UBND xã Thành Yên	600	600	
7	Công trình phụ trợ Trường Tiểu học và Trường Trung học cơ sở	Xã Thạch Định	UBND xã Thạch Định	600	600	
V	Thọ Xuân					Giao UBND huyện phân bổ vốn chi tiết cho công trình sau khi đã đảm bảo đủ hồ sơ, thủ tục theo quy định.
1	Trường Tiểu học	Xã Thọ Diên	UBND xã Thọ Diên	3.100	3.100	
2	Trung tâm văn hóa, thể thao xã	Xã Thọ Lộc	UBND xã Thọ Lộc	3.100	3.100	
3	Trung tâm văn hóa, thể thao xã	Xã Xuân Hưng	UBND xã Xuân Hưng	3.100	3.100	
4	Trường Trung học cơ sở	Xã Xuân Phong	UBND xã Xuân Phong	3.100	3.100	
5	Trường tiểu học	Xã Thọ Xương	UBND xã Thọ Xương	2.320	2.320	
6	Đường giao thông nông thôn	Xã Xuân Trường	UBND xã Xuân Trường	2.200	2.200	
7	Đường giao thông nông thôn	Xã Tây Hồ	UBND xã Tây Hồ	1.400	1.400	
8	Nhà văn hóa thôn Hoa Lộc	Xã Xuân Minh	UBND xã Xuân Minh	500	500	
VI	Ngọc Lặc					Giao UBND huyện phân bổ vốn chi tiết cho công trình sau khi đã đảm bảo đủ hồ sơ, thủ tục theo quy định.
1	Nâng cấp đường giao thông từ ngã ba làng Thi đi làng Chả	Xã Mỹ Tân	UBND xã Mỹ Tân	3.400	3.400	
2	Nhà lớp học trường Mầm Non	Xã Phúc Thịnh	UBND xã Phúc Thịnh	3.100	3.100	
3	Nhà lớp học trường Tiểu học	Xã Phúc Thịnh	UBND xã Phúc Thịnh	3.000	3.000	
4	Đường giao thông nông thôn làng Miêng, làng Bái	Xã Phúc Thịnh	UBND xã Phúc Thịnh	3.500	3.500	
5	Nâng cấp đường giao thông làng Lương Ngô, Tân Thành, Thuận Sơn, Đò Ung	Xã Thạch Lập	UBND xã Thạch Lập	3.000	3.000	
6	Nâng cấp đường giao thông làng Khén Nội	Xã Văn Am	UBND xã Văn Am	1.200	1.200	
7	Nhà hiệu bộ trường tiểu học Nguyệt Ấn 2	Xã Nguyệt Ấn	UBND xã Nguyệt Ấn	600	600	
8	Nhà hội trường thuộc Trung tâm văn hóa xã	Xã Ngọc Trung	UBND xã Ngọc Trung	700	700	
9	Đường giao thông nông thôn	Xã Cao Ngọc	UBND xã Cao Ngọc	400	400	
10	Đường giao thông nông thôn	Xã Kiên Thọ	UBND xã Kiên Thọ	400	400	
11	Nhà lớp học trường Mầm Non	Xã Ngọc Sơn	UBND xã Ngọc Sơn	4.400	4.400	
12	Nhà lớp học trường Trung học cơ sở	Xã Ngọc Sơn	UBND xã Ngọc Sơn	3.000	3.000	
13	Nhà hội trường thuộc Trung tâm văn hóa xã	Xã Thủy Sơn	UBND xã Thủy Sơn	3.500	3.500	
14	Nâng cấp cải tạo tuyến đường từ thôn Tam Đồng đi thôn Hoa Cao	Xã Thủy Sơn	UBND xã Thủy Sơn	3.900	3.900	

Số TT	Danh mục công trình	Địa điểm đầu tư	Chủ đầu tư	Mức vốn NSTW hỗ trợ	Kế hoạch vốn năm 2020	Ghi chú
15	Đường giao thông nông thôn	Xã Phùng Minh	UBND xã Phùng Minh	200	200	
16	Nhà hội trường thuộc Trung tâm văn hóa xã	Xã Phùng Giáo	UBND xã Phùng Giáo	3.500	3.500	
17	Nhà hiệu bộ Trường mầm non	Xã Phùng Giáo	UBND xã Phùng Giáo	1.500	1.500	
18	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường giao thông đi làng Môn	Xã Phùng Giáo	UBND xã Phùng Giáo	2.400	2.400	
19	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường từ xã Lộc Thịnh đi xã Đồng Thịnh	Xã Lộc Thịnh	UBND xã Lộc Thịnh	5.100	5.100	
20	Nâng cấp cải tạo tuyến đường giao thông đi thôn Thanh Sơn, thôn Tiến Sơn và thôn Thành Phòng	Xã Minh Tiến	UBND xã Minh Tiến	5.600	5.600	
VII	Như Xuân					Giao UBND huyện phân bổ vốn chi tiết cho công trình sau khi đã đảm bảo đủ hồ sơ, thủ tục theo quy định.
1	Đường giao thông nông thôn	Xã Bãi Trành	UBND xã Bãi Trành	2.200	2.200	
2	Đường giao thông nông thôn	Xã Cát Ván	UBND xã Cát Ván	7.400	7.400	
3	Đường giao thông nông thôn	Xã Bình Lương	UBND xã Bình Lương	5.100	5.100	
4	Đường giao thông nông thôn	Xã Xuân Bình	UBND xã Xuân Bình	3.700	3.700	
5	Đường giao thông nông thôn	Xã Thanh Lâm	UBND xã Thanh Lâm	3.000	3.000	
6	Đường giao thông nông thôn	Xã Tân Bình	UBND xã Tân Bình	1.211	1.211	
7	Đường giao thông nông thôn	Xã Thanh Phong	UBND xã Thanh Phong	1.203	1.203	
8	Đường giao thông nông thôn	Xã Thanh Quân	UBND xã Thanh Quân	1.100	1.100	
9	Đường giao thông nông thôn	Xã Cát Tân	UBND xã Cát Tân	600	600	
10	Xây dựng nhà văn hóa thôn Đức Thắng	Xã Thượng Ninh	UBND xã Thượng Ninh	600	600	
11	Nâng cấp, sửa chữa trường Tiểu học	Xã Thanh Sơn	UBND xã Thanh Sơn	300	300	
12	Nâng cấp, sửa chữa trường Tiểu học - Trung học cơ sở	Xã Thanh Hòa	UBND xã Thanh Hòa	200	200	
13	Nâng cấp, sửa chữa trường Mầm non	Xã Thanh Xuân	UBND xã Thanh Xuân	200	200	
VIII	Quan Hoá					Giao UBND huyện phân bổ vốn chi tiết cho công trình sau khi đã đảm bảo đủ hồ sơ, thủ tục theo quy định.
1	Xây dựng trường Trung học cơ sở	Xã Phú Thanh	UBND xã Phú Thanh	5.900	5.900	
2	Đường giao thông bản Sỏi	Xã Thiên Phú	UBND xã Thiên Phú	3.700	3.700	
3	Đường nước bản Khương Làng	Xã Nam Động	UBND xã Nam Động	3.600	3.600	
4	Đường giao thông bản suối Tôn	Xã Phú Sơn	UBND xã Phú Sơn	2.946	2.946	
5	Sân, tường rào và các hạng mục phụ trợ nhà trung tâm văn hóa	Xã Nam Tiến	UBND xã Nam Tiến	480	480	
IX	Cầm Thủy					Giao UBND huyện phân bổ vốn chi tiết cho công trình sau khi đã đảm bảo đủ hồ sơ, thủ tục theo quy định.
1	Đường giao thông nông thôn	Xã Cầm Ngọc	UBND xã Cầm Ngọc	3.100	3.100	
2	Đường giao thông nông thôn	Xã Cầm Tú	UBND xã Cầm Tú	2.200	2.200	
3	Trường Tiểu học	Xã Cầm Bình	UBND xã Cầm Bình	1.000	1.000	
4	Trường Mầm non	Xã Cầm Phú	UBND xã Cầm Phú	700	700	
5	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường giao thông từ cây đa đi xã Cầm Liên đến đường QL 217 mới xã Cầm Thành	Xã Cầm Thành	UBND xã Cầm Thành	7.400	7.400	

Số TT	Danh mục công trình	Địa điểm đầu tư	Chủ đầu tư	Mức vốn NSTW hỗ trợ	Kế hoạch vốn năm 2020	Ghi chú
6	Nâng cấp, cải tạo hệ thống đường giao thông	Xã Cẩm Châu	UBND xã Cẩm Châu	5.100	5.100	
X	Đông Sơn					Giao UBND huyện phân bổ vốn chi tiết cho công trình sau khi đã đảm bảo đủ hồ sơ, thủ tục theo quy định.
1	Đường giao thông nông thôn thôn 3 Thịnh Trị	Xã Đông Quang	UBND xã Đông Quang	3.100	3.100	
2	Cải tạo tuyến đường từ Trạm bơm số 2 đi trang trại ông Hanh thôn Chiêu Thượng	Xã Đông Phú	UBND xã Đông Phú	2.200	2.200	
3	Hệ thống kênh mương nội đồng từ Kênh B10 thôn 9 đi Đồng Bái bờ Mau	Xã Đông Ninh	UBND xã Đông Ninh	2.200	2.200	
XI	Như Thanh					Giao UBND huyện phân bổ vốn chi tiết cho công trình sau khi đã đảm bảo đủ hồ sơ, thủ tục theo quy định.
1	Kênh mương nội đồng thôn Đồng Nghiêm, Đồng Tiến và Tâm Tiến	Xã Mậu Lâm	UBND xã Mậu Lâm	5.700	5.700	
2	Đường giao thông nông thôn	Xã Xuân Du	UBND xã Xuân Du	2.200	2.200	
3	Đường giao thông thôn Xuân Hưng	Xã Xuân Khang	UBND xã Xuân Khang	1.200	1.200	
4	Xây mới nhà văn hóa thôn Bái Sim	Xã Thanh Kỳ	UBND xã Thanh Kỳ	550	550	
5	Xây mới nhà văn hóa thôn Thanh Xuân	Xã Thanh Kỳ	UBND xã Thanh Kỳ	550	550	
6	Kiên cố hóa kênh mương nội đồng khu Đồng Cao, thôn Đồng Thung	Xã Yên Lạc	UBND xã Yên Lạc	700	700	
7	Nhà văn hóa thôn Quảng Đại	Xã Xuân Thái	UBND xã Xuân Thái	600	600	
8	Đường giao thông từ tỉnh lộ 505 đi vào sân vận động xã	Xã Thanh Tân	UBND xã Thanh Tân	700	700	
XII	Thường Xuân					Giao UBND huyện phân bổ vốn chi tiết cho công trình sau khi đã đảm bảo đủ hồ sơ, thủ tục theo quy định.
1	Đường Giao thông suối Hén đi Ba Khe, đường từ nhà ông Kỳ đi trường tiểu học thôn Khem, đường thôn Tân Thắng đi thôn Tân Thọ	Xã Xuân Thắng	UBND xã Xuân Thắng	5.685	5.685	
2	Đường Giao thông thôn Buồng đi thôn Kha và Từ cầu cửa Dụ đi thôn Hợp Nhất	Xã Luận Khê	UBND xã Luận Khê	5.600	5.600	
3	Đường giao thông thôn Xuân Minh 1; Thôn Xuân thắng, thôn Vinh Quang	Xã Xuân Cao	UBND xã Xuân Cao	5.655	5.655	
4	Đường Giao thông thôn Giang đi thôn Chính, thôn Chính đi Tú Tạo Cụt Ấc	Xã Xuân Chính	UBND xã Xuân Chính	5.100	5.100	
5	Đường Giao thông từ thôn Thành Hạ; thôn Thành Lợi	Xã Tân Thành	UBND xã Tân Thành	2.183	2.183	
6	Đường giao thông từ thôn Thành Thắng đi xã Thọ Bình huyện Triệu Sơn	Xã Luận Thành	UBND xã Luận Thành	4.400	4.400	
7	Đường giao thông từ Thôn 1 đi xã Thọ Thanh; đường từ thôn Tân lập đi xã Ngọc Phụng	Xã Xuân Dương	UBND xã Xuân Dương	3.700	3.700	
XIII	Hà Trung					Giao UBND huyện phân bổ vốn chi tiết cho công trình sau khi đã đảm bảo đủ hồ sơ, thủ tục theo quy định.
1	Đường giao thông nội đồng	Xã Hà Đông	UBND xã Hà Đông	3.100	3.100	
2	Đường giao thông nội đồng	Xã Hà Châu	UBND xã Hà Châu	1.400	1.400	

Số TT	Danh mục công trình	Địa điểm đầu tư	Chủ đầu tư	Mức vốn NSTW hỗ trợ	Kế hoạch vốn năm 2020	Ghi chú
3	Đường giao thông nông thôn	Xã Hà Lai	UBND xã Hà Lai	500	500	
4	Đường giao thông nông thôn	Xã Hà Long	UBND xã Hà Long	500	500	
XIV	Triệu Sơn					Giao UBND huyện phân bổ vốn chi tiết cho công trình sau khi đã đảm bảo đủ hồ sơ, thủ tục theo quy định.
1	Đường giao thông nội đồng	Xã Xuân Thịnh	UBND xã Xuân Thịnh	3.100	3.100	
2	Trường Tiểu học	Xã Dân Lý	UBND xã Dân Lý	3.100	3.100	
3	Đường giao thông nông thôn và giao thông nội đồng	Xã Văn Sơn	UBND xã Văn Sơn	2.200	2.200	
4	Đường giao thông từ thôn 2 xã Thọ Phú đi xã Thọ Thề	Xã Thọ Phú	UBND xã Thọ Phú	1.800	1.800	
5	Kênh tiêu liên thôn từ Quốc lộ 47C đi qua khu dân cư các thôn 3, 4, 5, 6, 7 xã Thọ Vực	Xã Thọ Vực	UBND xã Thọ Vực	1.400	1.400	
6	Đường giao thông và rãnh thoát nước	Xã Đồng Lợi	UBND xã Đồng Lợi	1.400	1.400	
7	Đường giao thông nông thôn	Xã Thọ Ngọc	UBND xã Thọ Ngọc	1.100	1.100	
8	Đường giao thông thôn 4 đi thôn 3 qua đèo Mốc	Xã Minh Sơn	UBND xã Minh Sơn	500	500	
9	Nâng cấp, mở rộng đường giao thông, xây dựng mương thoát nước khu dân cư tuyến ngã 3 sông Hoàng đến trung tâm xã Đồng Thắng	Xã Đồng Thắng	UBND xã Đồng Thắng	500	500	
10	Đường giao thông nông thôn	Xã Triệu Thành	UBND xã Triệu Thành	725	725	
XV	Vĩnh Lộc					Giao UBND huyện phân bổ vốn chi tiết cho công trình sau khi đã đảm bảo đủ hồ sơ, thủ tục theo quy định.
1	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông nông thôn Mỹ Xuyên đi thôn Mỹ Sơn	Xã Vĩnh Yên	UBND xã Vĩnh Yên	1.400	1.400	
XVI	Mường Lát					Giao UBND huyện phân bổ vốn chi tiết cho công trình sau khi đã đảm bảo đủ hồ sơ, thủ tục theo quy định.
1	Công trình nước sinh hoạt tập trung bản Mau	Xã Mường Lý	UBND xã Mường Lý	3.800	3.800	
2	Đường giao thông nông thôn từ bản Năng 1 đi bản Năng 2 và vào khu sản xuất tái định canh bản Năng 1	Xã Mường Lý	UBND xã Mường Lý	4.940	4.940	
3	Đập, mương Na Đồn bản Na Tao	Xã Pù Nhi	UBND xã Pù Nhi	5.000	5.000	
4	Nâng cấp, cải tạo công trình thủy lợi Đông Ban - Hạ Sơn	Xã Pù Nhi	UBND xã Pù Nhi	4.500	4.500	
5	Công trình nước sinh hoạt tập trung bản Kéo Hượn	Xã Nhi Sơn	UBND xã Nhi Sơn	4.940	4.940	
6	Đường giao thông nội vùng kết hợp đường vào khu sản xuất bản Kéo Hượn	Xã Nhi Sơn	UBND xã Nhi Sơn	3.100	3.100	
7	Công trình nước sinh hoạt tập trung bản Tà Cóm	Xã Trung Lý	UBND xã Trung Lý	3.741	3.741	
XVII	Quan Sơn					Giao UBND huyện phân bổ vốn chi tiết cho công trình sau khi đã đảm bảo đủ hồ sơ, thủ tục theo quy định.
1	Hệ thống mương bản Lâm	Xã Trung Tiến	UBND xã Trung Tiến	5.100	5.100	
2	Nhà văn hóa bản Chè	Xã Trung Tiến	UBND xã Trung Tiến	1.500	1.500	
3	Hệ thống nước sinh hoạt tập trung	Xã Trung Xuân	UBND xã Trung Xuân	5.600	5.600	
4	Sân vận động xã	Xã Sơn Điện	UBND xã Sơn Điện	5.600	5.600	
5	Cải tạo, nâng cấp mặt đường và hệ thống thoát nước đường từ QL217 đi bản Xanh	Xã Trung Hạ	UBND xã Trung Hạ	3.600	3.600	
6	Nước sinh hoạt tập trung xã Na Mèo;	Xã Na Mèo	UBND xã Na Mèo	3.600	3.600	

Số TT	Danh mục công trình	Địa điểm đầu tư	Chủ đầu tư	Mức vốn NSTW hỗ trợ	Kế hoạch vốn năm 2020	Ghi chú
7	Nối tiếp đường giao thông bán Máy đi bán Bàng	Xã Trung Thượng	UBND xã Trung Thượng	3.100	3.100	
8	Hệ thống nước sinh hoạt tập trung xã Tam Lư	Xã Tam Lư	UBND xã Tam Lư	2.600	2.600	
9	Hạ tầng phụ trợ khu VHTT xã	Xã Sơn Hà	UBND xã Sơn Hà	1.020	1.020	
XVIII	Lang Chánh					Giao UBND huyện phân bổ vốn chi tiết cho công trình sau khi đã đảm bảo đủ hồ sơ, thủ tục theo quy định.
1	Đường giao thông nông thôn	Xã Giao An	UBND xã Giao An	5.700	5.700	
2	Đường giao thông bán Hắc	Xã Trí Nang	UBND xã Trí Nang	1.700	1.700	
3	Đường giao thông thôn Thôn Chiềng Khặt	Xã Đồng Lương	UBND xã Đồng Lương	1.600	1.600	
4	Đường giao thông thôn Tân Phong	Xã Tân Phúc	UBND xã Tân Phúc	2.930	2.930	
5	Đường giao thông bán thôn Khu 1	Xã Giao Thiện	UBND xã Giao Thiện	1.100	1.100	
6	Đường giao thông bán Ngày	Xã Lâm Phú	UBND xã Lâm Phú	1.798	1.798	
7	Đường giao thông thôn bán Phá	Xã Tam Văn	UBND xã Tam Văn	660	660	
8	Đường giao thông nông thôn bán Xã	Xã Yên Khương	UBND xã Yên Khương	1.247	1.247	
XIX	Nông Cống					Giao UBND huyện phân bổ vốn chi tiết cho công trình sau khi đã đảm bảo đủ hồ sơ, thủ tục theo quy định.
1	Kiên cố hóa kênh tưới, tiêu Cao Hậu, thôn Tháp Linh	Xã Hoàng Giang	UBND xã Hoàng Giang	500	500	
2	Kiên cố hóa kênh mương tưới N11 đi Cồn Lau và kênh Ông Thì đi cống Bồng Bồng	Xã Vạn Thiện	UBND xã Vạn Thiện	1.400	1.400	
3	Nâng cấp đường giao thông nông thôn	Xã Vạn Hòa	UBND xã Vạn Hòa	700	700	
4	Kiên cố hóa kênh mương B4	Xã Trường Trung	UBND xã Trường Trung	644	644	
5	Cải tạo trạm Y tế xã	Xã Trường Sơn	UBND xã Trường Sơn	280	280	
XX	Thành phố Sầm Sơn					Giao UBND thành phố Sầm Sơn phân bổ vốn chi tiết cho công trình sau khi đã đảm bảo đủ hồ sơ, thủ tục theo quy định.
1	Nâng cấp, đường giao thông nông thôn	Xã Quảng Đại	UBND xã Quảng Đại	1.200	1.200	
2	Đường giao thông nông thôn	Xã Quảng Hùng	UBND xã Quảng Hùng	2.900	2.900	
XXI	Nga Sơn					Giao UBND huyện phân bổ vốn chi tiết cho công trình sau khi đã đảm bảo đủ hồ sơ, thủ tục theo quy định.
1	Đường giao thông nội đồng B5	Xã Nga Giáp	UBND xã Nga Giáp	3.100	3.100	
2	Xây dựng kênh B8	Xã Nga An	UBND xã Nga An	2.200	2.200	
3	Sân vận động xã Nga Yên	Xã Nga Yên	UBND xã Nga Yên	2.200	2.200	
4	Đường giao thông nội đồng	Xã Nga Tân	UBND xã Nga Tân	1.000	1.000	
XXII	Hoàng Hóa					Giao UBND huyện phân bổ vốn chi tiết cho công trình sau khi đã đảm bảo đủ hồ sơ, thủ tục theo quy định.
1	Nâng cấp đường giao thông nông thôn, giao thông nội đồng kèp mương tưới tiêu	Xã Hoàng Tiến	UBND xã Hoàng Tiến	7.300	7.300	

Số TT	Danh mục công trình	Địa điểm đầu tư	Chủ đầu tư	Mức vốn NSTW hỗ trợ	Kế hoạch vốn năm 2020	Ghi chú
2	Nâng cấp đường giao thông và kênh từ Bọt Trung ra đê Trung Hòa	Xã Hoàng Tân	UBND Xã Hoàng Tân	3.100	3.100	
3	Nâng cấp đường giao thông nông thôn đoạn từ ĐH-HH26 đến thôn 1	Xã Hoàng Thái	UBND xã Hoàng Thái	3.100	3.100	
4	Nâng cấp đường giao thông nông thôn đoạn từ Chợ Rọc đến cầu Dừa	Xã Hoàng Châu	UBND xã Hoàng Châu	5.100	5.100	
5	Đường giao thông từ thôn Sao Vàng đi thôn Thảng Mười	Xã Hoàng Phụ	UBND xã Hoàng Phụ	4.600	4.600	
6	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông nông thôn	Xã Hoàng Thanh	UBND xã Hoàng Thanh	4.100	4.100	
7	Nâng cấp đường giao thông nội đồng thôn Kim Sơn	Xã Hoàng Kim	UBND xã Hoàng Kim	1.700	1.700	
8	Nâng cấp đường giao thông nội đồng từ thôn Xa Vệ đi thôn 4	Xã Hoàng Trung	UBND xã Hoàng Trung	2.200	2.200	
9	Đường giao thông thôn Quang Châu	Xã Hoàng Trinh	UBND xã Hoàng Trinh	2.250	2.250	
10	Nâng cấp đường giao thông nội đồng	Xã Hoàng Hợp	UBND xã Hoàng Hợp	2.200	2.200	
11	Đường giao thông thôn 1 - Hồng Thái	Xã Hoàng Đồng	UBND xã Hoàng Đồng	2.200	2.200	
12	Nâng cấp đường giao thông	Xã Hoàng Ngọc	UBND xã Hoàng Ngọc	2.200	2.200	
13	Nâng cấp đường giao thông từ thôn Chuế 1 đi Khang Đoài	Xã Hoàng Yên	UBND xã Hoàng Yên	1.100	1.100	
14	Kiên cố hóa kênh tiêu thôn Trung thượng	Xã Hoàng Hải	UBND xã Hoàng Hải	1.700	1.700	
15	Đường giao thông và mương tiêu thoát nước từ Bắc Nam đến tỉnh lộ 510 và khu đồng Bến	Xã Hoàng Lộc	UBND xã Hoàng Lộc	1.400	1.400	
16	Đường giao thông làng nghề và tuyến đường từ nhà ông Phế đến 3 cõn; nâng cấp tuyến kênh N22-6b	Xã Hoàng Thịnh	UBND xã Hoàng Thịnh	1.400	1.400	
17	Nâng cấp, mở rộng đường từ Quốc lộ 1A đi qua công sở xã, qua di tích lịch sử tướng quân Lê Phụng Hiểu đến trường Tiểu học và trường THCS	Xã Hoàng Quý	UBND xã Hoàng Quý	950	950	
18	Nâng cấp, mở rộng đường giao thông từ cánh đồng thôn Tự Đồng đến cánh đồng thôn Hào Bắc	Xã Hoàng Quý	UBND xã Hoàng Quý	940	940	
XXIII	Quảng Xương					Giao UBND huyện phân bổ vốn chi tiết cho công trình sau khi đã đảm bảo đủ hồ sơ, thủ tục theo quy định.
1	Đường giao thông nông thôn kết hợp rãnh thoát nước 2 bên đường	Xã Quảng Nham	UBND xã Quảng Nham	6.600	6.600	
2	Nâng cấp, sửa chữa đường giao thông nông thôn	Xã Quảng Hải	UBND xã Quảng Hải	3.100	3.100	
3	Đường giao thông nội đồng	Xã Quảng Hợp	UBND xã Quảng Hợp	2.200	2.200	
4	Đường giao thông nội đồng	Xã Quảng Trường	UBND xã Quảng Trường	2.750	2.750	
5	Làm mới mương thoát nước khu dân cư	Xã Quảng Long	UBND xã Quảng Long	1.400	1.400	
6	Đường giao thông nông thôn	Xã Quảng Lưu	UBND xã Quảng Lưu	2.400	2.400	

Số TT	Danh mục công trình	Địa điểm đầu tư	Chủ đầu tư	Mức vốn NSTW hỗ trợ	Kế hoạch vốn năm 2020	Ghi chú
7	Đường giao thông và hệ thống thoát nước	Xã Quảng Nhân	UBND xã Quảng Nhân	1.700	1.700	
8	Nhà Hội trường thuộc trung tâm văn hóa thể thao xã	Xã Quảng Đức	UBND xã Quảng Đức	1.850	1.850	
9	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường và mương từ QL45 đi sông Tân Trạch 2	Xã Quảng Trạch	UBND xã Quảng Trạch	500	500	
10	Làm mới kênh mương nội đồng	Xã Quảng Hòa	UBND xã Quảng Hòa	500	500	
11	Mở rộng đường giao thông nông thôn	Xã Quảng Ngọc	UBND xã Quảng Ngọc	500	500	
XXIV	Tỉnh Gia					Giao UBND huyện phân bổ vốn chi tiết cho công trình sau khi đã đảm bảo đủ hồ sơ, thủ tục theo quy định.
1	Xây dựng kênh mương tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp	Xã Hải An	UBND xã Hải An	7.100	7.100	
2	Xây dựng đường giao thông nông thôn	Xã Tĩnh Hải	UBND xã Tĩnh Hải	5.100	5.100	
3	Nhà văn hóa đa năng xã	Xã Phú Sơn	UBND xã Phú Sơn	4.700	4.700	
4	Đường giao thông nông thôn bản Đồng Lách; Đường và kênh mương nội đồng	Xã Tân Trường	UBND xã Tân Trường	1.600	1.600	
5	Xây dựng đường giao thông nông thôn, thôn Văn Sơn, Sơn Hải, Thống Nhất	Xã Ninh Hải	UBND xã Ninh Hải	3.100	3.100	
6	Xây dựng nhà lớp học chức năng trường Tiểu học	Xã Hải Linh	UBND xã Hải Linh	5.100	5.100	
7	Nâng cấp đường giao thông nông thôn	Xã Bình Minh	UBND xã Bình Minh	2.200	2.200	
8	Nâng cấp đường giao thông nông thôn	Xã Hải Châu	UBND xã Hải Châu	2.200	2.200	
9	Nâng cấp tuyến đường liên xã từ Nhà ông Lương đến khu công nghiệp	Xã Thanh Thủy	UBND xã Thanh Thủy	1.400	1.400	
10	Nâng cấp tuyến đường từ Chợ Đông đi xã Triều Dương cũ	Xã Ngọc Lĩnh	UBND xã Ngọc Lĩnh	1.400	1.400	
11	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nông thôn	Xã Anh Sơn	UBND xã Anh Sơn	2.110	2.110	
12	Kênh mương nội đồng	Xã Tân Dân	UBND xã Tân Dân	1.200	1.200	
13	Xây dựng đường giao thông nông thôn (đoạn từ cửa nhà ông Soạn đi qua rộc thổ nền xóm 21)	Xã Hải Nhân	UBND xã Hải Nhân	600	600	
14	Đường giao thông nông thôn	Xã Hải Thanh	UBND xã Hải Thanh	919	919	
15	Kênh mương nội đồng	Xã Trường Lâm	UBND xã Trường Lâm	600	600	
XXV	Bá Thước					Giao UBND huyện phân bổ vốn chi tiết cho công trình sau khi đã đảm bảo đủ hồ sơ, thủ tục theo quy định.
1	Đường giao thông từ phố Diên Lư đi thôn Võ	Xã Diên Lư	UBND xã Diên Lư	2.700	2.700	
2	Đường giao thông từ thôn Sông Mã đi thôn Võ	Xã Diên Lư	UBND xã Diên Lư	4.700	4.700	
3	Nhà hội trường thuộc Trung tâm văn hóa - thể thao xã	Xã Lương Ngoại	UBND xã Lương Ngoại	4.500	4.500	
4	Đường giao thông thôn Nợ Đạo đi thôn Đồi Công.	Xã Lương Ngoại	UBND xã Lương Ngoại	874	874	
5	Đường giao thông thôn Cha đi thôn Khung	Xã Thiết Kế	UBND xã Thiết Kế	5.100	5.100	
6	Sân vận động xã Kỳ Tân;	Xã Kỳ Tân	UBND xã Kỳ Tân	4.380	4.380	
7	Đường giao thông thôn Bo Thượng, xã Kỳ Tân	Xã Kỳ Tân	UBND xã Kỳ Tân	720	720	

Số TT	Danh mục công trình	Địa điểm đầu tư	Chủ đầu tư	Mức vốn NSTW hỗ trợ	Kế hoạch vốn năm 2020	Ghi chú
8	Đường giao thông thôn Leo	Xã Thành Lâm	UBND xã Thành Lâm	1.900	1.900	
9	Sân vận động thuộc Trung tâm văn hóa - thể thao xã	Xã Thành Lâm	UBND xã Thành Lâm	3.200	3.200	
10	Trường mầm non	Xã Ái Thượng	UBND xã Ái Thượng	5.100	5.100	
11	Nhà chức năng Trường tiểu học Diên Trung 1	Xã Diên Trung	UBND Xã Diên Trung	1.498	1.498	
12	Đường giao thông từ Chòm Mốt đi Cẩm Khánh	Xã Lương Trung	UBND xã Lương Trung	5.102	5.102	
13	Đường giao thông từ La Hán đi Chiềng Lau	Xã Ban Công	UBND xã Ban Công	2.158	2.158	
14	Nối tiếp đường giao thông từ Tén Mới đi Eo Điều	Xã Cổ Lũng	UBND xã Cổ Lũng	1.282	1.282	
15	Nhà văn hóa thôn Báng	Xã Thành Sơn	UBND xã Thành Sơn	1.104	1.104	
16	Nối tiếp đường giao thông từ làng Cao đi xóm Hương	Xã Lũng Cao	UBND xã Lũng Cao	1.221	1.221	
17	Đường giao thông từ thôn Đồn đi thôn Chông	Xã Lương Nội	UBND xã Lương Nội	916	916	
18	Đường giao thông thôn Tam Liên	Xã Diên Quang	UBND xã Diên Quang	1.208	1.208	
19	Nhà văn hóa thôn Đền	Xã Diên Hạ	UBND xã Diên Hạ	540	540	
20	Nối tiếp đường giao thông thôn Lau đi thôn Chiềng Mung, Xay Luồi.	Xã Diên Thượng	UBND xã Diên Thượng	2.289	2.289	
21	Đường giao thông thôn Chiềng Ai	Xã Hạ Trung	UBND xã Hạ Trung	1.157	1.157	
22	Đường giao thông thôn Thúy đi thôn Sặng	Xã Thiết Ống	UBND xã Thiết Ống	692	692	
23	Nhà văn hóa thôn Pọng	Xã Văn Nho	UBND xã Văn Nho	601	601	
24	Đường giao thông thôn Đồn	Xã Lũng Niêm	UBND xã Lũng Niêm	602	602	
XXVI	TP Thanh Hóa					Giao UBND thành phố Thanh Hóa phân bổ vốn chi tiết cho công trình sau khi đã đảm bảo đủ hồ sơ, thủ tục theo quy định.
1	Cải tạo Trường Tiểu học	Xã Hoàng Quang	UBND xã Hoàng Quang	3.100	3.100	
2	Rãnh thoát nước khu dân cư	Xã Đông Tân	UBND xã Đông Tân	1.100	1.100	
B	ĐỐI VỚI CÁC XÃ SÁP NHẬP THÀNH XÃ MỚI			87.045	87.045	
I	Thành phố Thanh Hóa					Giao UBND thành phố Thanh Hóa phân bổ vốn chi tiết cho công trình sau khi đã đảm bảo đủ hồ sơ, thủ tục theo quy định.
1	Sân vận động xã	Xã Long Anh	UBND xã Long Anh	3.300	3.300	
II	Huyện Nga Sơn					Giao UBND huyện phân bổ vốn chi tiết cho công trình sau khi đã đảm bảo đủ hồ sơ, thủ tục theo quy định.
1	Đường giao thông Đồng Đội đi Báo Văn	Xã Nga Phương	UBND xã Nga Phương	2.200	2.200	
III	Huyện Hà Trung					Giao UBND huyện phân bổ vốn chi tiết cho công trình sau khi đã đảm bảo đủ hồ sơ, thủ tục theo quy định.
1	Đường giao thông nội đồng	Xã Yên Dương	UBND xã Yên Dương	3.100	3.100	
2	Đường giao thông nội đồng	Xã Lĩnh Toại	UBND xã Lĩnh Toại	1.400	1.400	

Số TT	Danh mục công trình	Địa điểm đầu tư	Chủ đầu tư	Mức vốn NSTW hỗ trợ	Kế hoạch vốn năm 2020	Ghi chú
IV	Huyện Hoàng Hóa					Giao UBND huyện phân bổ vốn chi tiết cho công trình sau khi đã đảm bảo đủ hồ sơ, thủ tục theo quy định.
1	Cải tạo, nâng cấp mương tưới, tiêu và đường giao thông kênh N15, đường đồng Ninh	Xã Hoàng Đức	UBND xã Hoàng Đức	1.700	1.700	
2	Nâng cấp tuyến mương tưới, tiêu	Xã Hoàng Xuân	UBND xã Hoàng Xuân	780	780	
V	Huyện Quảng Xương					Giao UBND huyện phân bổ vốn chi tiết cho công trình sau khi đã đảm bảo đủ hồ sơ, thủ tục theo quy định.
1	Nâng cấp, mở rộng đường giao thông nông thôn	Xã Quảng Phúc	UBND xã Quảng Phúc	2.300	2.300	
2	Nâng cấp, mở rộng đường giao thông nông thôn	Xã Tiên Trang	UBND xã Tiên Trang	2.800	2.800	
VI	Huyện Nông Cống					Giao UBND huyện phân bổ vốn chi tiết cho công trình sau khi đã đảm bảo đủ hồ sơ, thủ tục theo quy định.
1	Xây dựng nhà lớp học trường Tiểu học và THCS	Xã Trung Chính	UBND xã Trung Chính	2.200	2.200	
VII	Huyện Tĩnh Gia					Giao UBND huyện phân bổ vốn chi tiết cho công trình sau khi đã đảm bảo đủ hồ sơ, thủ tục theo quy định.
1	Kiên cố hóa kênh mương nội đồng	Xã Hải Ninh	UBND Xã Hải Ninh	3.200	3.200	
2	Xây dựng đường giao thông nông thôn	Xã Hải Ninh	UBND Xã Hải Ninh	3.000	3.000	
VIII	Huyện Đông Sơn					Giao UBND huyện phân bổ vốn chi tiết cho công trình sau khi đã đảm bảo đủ hồ sơ, thủ tục theo quy định.
1	Xây mới Khu hiệu bộ Trường THCS	Xã Đông Khê	UBND xã Đông Khê	1.480	1.480	
IX	Huyện Thiệu Hóa					Giao UBND huyện phân bổ vốn chi tiết cho công trình sau khi đã đảm bảo đủ hồ sơ, thủ tục theo quy định.
1	Kênh mương nội đồng	Xã Minh Tâm	UBND xã Minh Tâm	700	700	
X	Huyện Yên Định					Giao UBND huyện phân bổ vốn chi tiết cho công trình sau khi đã đảm bảo đủ hồ sơ, thủ tục theo quy định.
1	Đường giao thông nông thôn thôn Bùi Thượng đi Bùi Hạ	Xã Yên Phú	UBND xã Yên Phú	1.000	1.000	
2	Đường giao thông nội đồng thôn 1 xã Yên Bái cũ	Xã Yên Trường	UBND xã Yên Trường	580	580	
XI	Huyện Thọ Xuân					Giao UBND huyện phân bổ vốn chi tiết cho công trình sau khi đã đảm bảo đủ hồ sơ, thủ tục theo quy định.
1	Đường giao thông nông thôn	Xã Xuân Sinh	UBND xã Xuân Sinh	5.300	5.300	
2	Đường giao thông nông thôn	Xã Trường Xuân	UBND xã Trường Xuân	4.600	4.600	
3	Trường Trung học cơ sở	Xã Phú Xuân	UBND xã Phú Xuân	3.200	3.200	
4	Đường giao thông nông thôn	Xã Thuận Minh	UBND xã Thuận Minh	4.200	4.200	
5	Kênh mương nội đồng	Xã Xuân Hồng	UBND xã Xuân Hồng	3.180	3.180	
XII	Huyện Quan Hóa					Giao UBND huyện phân bổ vốn chi tiết cho công trình sau khi đã đảm bảo đủ hồ sơ, thủ tục theo quy định.

Số TT	Danh mục công trình	Địa điểm đầu tư	Chủ đầu tư	Mức vốn NSTW hỗ trợ	Kế hoạch vốn năm 2020	Ghi chú
1	Đường giao thông liên xã Phú Nghiêđ đi thị trấn Hồi Xuân	Xã Phú Nghiêđ	UBND xã Phú Nghiêđ	7.500	7.500	
2	Đường đi khu kinh tế tập trung	Xã Phú Nghiêđ	UBND xã Phú Nghiêđ	3.500	3.500	
3	Mương Kênh bản Pan xã Phú Xuân	Xã Phú Xuân	UBND xã Phú Xuân	2.400	2.400	
XIII	Huyện Cẩm Thủy					Giao UBND huyện phân bổ vốn chi tiết cho công trình sau khi đã đảm bảo đủ hồ sơ, thủ tục theo quy định.
1	Cống tiêu thủy lợi	Xã Cẩm Tân	UBND xã Cẩm Tân	2.200	2.200	
XIV	Huyện Như Thanh					Giao UBND huyện phân bổ vốn chi tiết cho công trình sau khi đã đảm bảo đủ hồ sơ, thủ tục theo quy định.
1	Nhà văn hóa thôn 2, xã Xuân Phúc;	Xã Xuân Phúc	UBND xã Xuân Phúc	610	610	
2	Kiên cố hóa kênh mương thôn 3, xã Xuân Phúc	Xã Xuân Phúc	UBND xã Xuân Phúc	1.200	1.200	
3	Đường giao thông từ thôn 1 đi bản 5	Xã Cán Khê	UBND xã Cán Khê	4.715	4.715	
XV	Huyện Như Xuân					Giao UBND huyện phân bổ vốn chi tiết cho công trình sau khi đã đảm bảo đủ hồ sơ, thủ tục theo quy định.
1	Đường giao thông nông thôn (Thôn Thanh Tân đi thôn Thanh Xuân; Thôn Thanh Xuân đi thôn Luống Đồng)	Xã Hóa Quỳ	UBND xã Hóa Quỳ	5.000	5.000	
2	Đường giao thông nông thôn (Xóm Chuối - thôn Xuân Hương và tuyến Thanh Xuân - Trường bản Thanh Lương)	Xã Hóa Quỳ	UBND xã Hóa Quỳ	4.500	4.500	
3	Xây dựng Trần Thịnh Lạc	Xã Hóa Quỳ	UBND xã Hóa Quỳ	5.200	5.200	

**Phụ lục số 8: DANH MỤC VÀ MỨC VỐN BỐ TRÍ CHO CÁC CÔNG TRÌNH KHỞI CÔNG MỚI NĂM 2020 TẠI BẢN PẠO, XÃ TRUNG SON, HUYỆN QUAN HÓA;
BẢN SA NÁ, XÃ NA MÈO, HUYỆN QUAN SƠN; XÃ MƯỜNG CHANH, HUYỆN MƯỜNG LÁT**
(Kèm theo Tờ trình số : 19 /TTr-UBND ngày 03 tháng 4 năm 2020 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	Tên công trình	Địa điểm đầu tư	Chủ đầu tư	Mức vốn NSTW hỗ trợ	Kế hoạch vốn năm 2020	Ghi chú
	Tổng			21.080	21.080	
1	Hệ thống nước sinh hoạt tập trung cho 27 hộ đang sinh sống ở khu cũ bản Sa Ná	Bản Sa Ná, xã Na Mèo, huyện Quan Sơn	UBND xã Na Mèo	1.000	1.000	Giao UBND huyện phân bổ vốn chi tiết cho công trình sau khi đã đảm bảo đủ hồ sơ, thủ tục theo quy định.
2	Đường giao thông từ bản Bồng đi khu kinh tế Suối Pù Đưa xã Mường Chanh	Xã Mường Chanh, huyện Mường Lát	UBND huyện Mường Lát	18.080	18.080	- nt -
3	Xây dựng đường giao thông bản Pạo	Bản Pạo, xã Trung Sơn, huyện Quan Hóa	UBND xã Trung Sơn	2.000	2.000	- nt -

Phụ lục số 9: DANH MỤC VÀ MỨC VỐN BỎ TRÍ CHO 32 HTX KHỞI CÔNG MỚI NĂM 2020 TỪ NGUỒN DỰ PHÒNG NSTW

(Kèm theo Tờ trình số: 19 /TTr-UBND ngày 03 tháng 4 năm 2020 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	Danh mục công trình	Tên hợp tác xã	Địa điểm đầu tư	Chủ đầu tư	Mức vốn dự phòng NSTW hỗ trợ	Kế hoạch vốn năm 2020	Ghi chú
	TỔNG SỐ				64.000	64.000	- Giao Sở Tài chính cấp vốn theo phương thức ngân sách tỉnh hỗ trợ có mục tiêu cho ngân sách huyện. - Giao Văn phòng điều phối NTM căn cứ các quy định của pháp luật, hướng dẫn, đôn đốc các huyện, thành phố tổ chức thực hiện đảm bảo theo quy định.
1	Thiệu Hóa						Giao UBND huyện phân bổ vốn chi tiết cho công trình sau khi đã đảm bảo đủ hồ sơ, thủ tục theo quy định.
-	Kiên cố hóa đường giao thông nội đồng vùng sản xuất tập trung	HTX dịch vụ Nông nghiệp và điện năng Thiệu Hòa	Xã Thiệu Hòa	UBND xã Thiệu Hòa	2.000	2.000	
-	Kiên cố hóa đường giao thông và kênh mương nội đồng	HTX dịch vụ Nông nghiệp Thiệu Giang	Xã Thiệu Giang	UBND xã Thiệu Giang	2.000	2.000	
2	Ngọc Lặc						Giao UBND huyện phân bổ vốn chi tiết cho công trình sau khi đã đảm bảo đủ hồ sơ, thủ tục theo quy định.
-	Đường giao thông vùng sản xuất lâm nghiệp tập trung	HTX dịch vụ nông nghiệp và xây dựng Minh Sơn	Xã Minh Sơn	UBND xã Minh Sơn	2.000	2.000	
3	Bá Thước						Giao UBND huyện phân bổ vốn chi tiết cho công trình sau khi đã đảm bảo đủ hồ sơ, thủ tục theo quy định.
-	Xây dựng kênh mương nội đồng	HTX dịch vụ nông nghiệp Tân Tiến	Xã Kỳ Tân	UBND xã Kỳ Tân	2.000	2.000	
-	Xây dựng kênh mương nội đồng	HTX chăn nuôi Vịt Cổ Lũng	Xã Lũng Niêm	UBND xã Lũng Niêm	2.000	2.000	
-	Xây dựng đường giao thông nội đồng	HTX Nông nghiệp sạch Bảo Lộc	Xã Lương Trung	UBND xã Lương Trung	2.000	2.000	
4	Như Xuân						Giao UBND huyện phân bổ vốn chi tiết cho công trình sau khi đã đảm bảo đủ hồ sơ, thủ tục theo quy định.
-	Đường giao thông vào vùng sản từ Làng Cháo đến Làng Kha	HTX sản xuất Nông lâm nghiệp và Môi trường Thanh Trung	Xã Thanh Lâm	UBND xã Thanh Lâm	2.000	2.000	
-	Đường giao thông và tràn vào vùng sản xuất	HTX chăn nuôi Như Ngọc	Xã Thượng Ninh	UBND xã Thượng Ninh	2.000	2.000	

Số TT	Danh mục công trình	Tên hợp tác xã	Địa điểm đầu tư	Chủ đầu tư	Mức vốn dự phòng NSTW hỗ trợ	Kế hoạch vốn năm 2020	Ghi chú
5	Lang Chánh						Giao UBND huyện phân bổ vốn chi tiết cho công trình sau khi đã đảm bảo đủ hồ sơ, thủ tục theo quy định.
-	Kiên cố hóa kênh mương nội đồng	HTX Dịch vụ Nông nghiệp xã Giao Thiện	Xã Giao Thiện	UBND xã Giao Thiện	2.000	2.000	
6	Cầm Thủy						Giao UBND huyện phân bổ vốn chi tiết cho công trình sau khi đã đảm bảo đủ hồ sơ, thủ tục theo quy định.
-	Kiên cố hóa kênh mương nội đồng	HTX dịch vụ Tổng hợp Nông nghiệp Cầm Thạch	Xã Cầm Thạch	UBND xã Cầm Thạch	2.000	2.000	
-	Kiên cố hóa kênh mương nội đồng	HTX dịch vụ Tổng hợp Nông nghiệp Cầm Thành	Xã Cầm Thành	UBND xã Cầm Thành	2.000	2.000	
-	Kiên cố hóa kênh mương nội đồng	HTX dịch vụ Tổng hợp NN Cầm Quý	Xã Cầm Quý	UBND xã Cầm Quý	2.000	2.000	
7	Hà Trung						Giao UBND huyện phân bổ vốn chi tiết cho công trình sau khi đã đảm bảo đủ hồ sơ, thủ tục theo quy định.
	Kiên cố hóa đường giao thông nội đồng vùng sản xuất tập trung	HTX dịch vụ Nông nghiệp Hà Ninh	Xã Yên Sơn	UBND Xã Yên Sơn	2.000	2.000	
8	Triệu Sơn						Giao UBND huyện phân bổ vốn chi tiết cho công trình sau khi đã đảm bảo đủ hồ sơ, thủ tục theo quy định.
-	Kiên cố hóa đường giao thông và kênh mương nội đồng	HTX dịch vụ Nông nghiệp Xuân Lộc	Xã Xuân Lộc	UBND Xã Xuân Lộc	2.000	2.000	
-	Kiên cố hóa đường giao thông nội đồng	HTX dịch vụ Nông lâm nghiệp Thọ Bình	Xã Thọ Bình	UBND xã Thọ Bình	2.000	2.000	
9	Thạch Thành						Giao UBND huyện phân bổ vốn chi tiết cho công trình sau khi đã đảm bảo đủ hồ sơ, thủ tục theo quy định.
-	Đường giao thông nội đồng	HTX dịch vụ kinh doanh nông nghiệp Thành Vinh	Xã Thành Vinh	UBND Xã Thành Vinh	2.000	2.000	
-	Đường giao thông nội đồng	HTX dịch vụ kinh doanh nông nghiệp Thành Công	Xã Thành Công	UBND Xã Thành Công	2.000	2.000	
10	Thường Xuân						Giao UBND huyện phân bổ vốn chi tiết cho công trình sau khi đã đảm bảo đủ hồ sơ, thủ tục theo quy định.

Số TT	Danh mục công trình	Tên hợp tác xã	Địa điểm đầu tư	Chủ đầu tư	Mức vốn dự phòng NSTW hỗ trợ	Kế hoạch vốn năm 2020	Ghi chú
-	Đường giao thông nội đồng	HTX Nông nghiệp dịch vụ Tổng hợp Xuân Cao	Xã Xuân Cao	UBND xã Xuân Cao	2.000	2.000	
-	Đường giao thông nội đồng	HTX dịch vụ Tổng hợp Toàn Thắng	Xã Xuân Thắng	UBND xã Xuân Thắng	2.000	2.000	
11	Quan Hóa						Giao UBND huyện phân bổ vốn chi tiết cho công trình sau khi đã đảm bảo đủ hồ sơ, thủ tục theo quy định.
-	Kiên cố hóa đường giao thông vùng sản xuất tập trung nguyên liệu luồng	HTX dịch vụ Thủy Nông xã Phú Xuân	Xã Phú Xuân	UBND Xã Phú Xuân	2.000	2.000	
12	Như Thanh						Giao UBND huyện phân bổ vốn chi tiết cho công trình sau khi đã đảm bảo đủ hồ sơ, thủ tục theo quy định.
-	Đường giao thông nội đồng thôn Đồng Lâm và thôn Khả La	HTX dịch vụ Nông nghiệp Đồng Tâm	Xã Thanh Tân	UBND Xã Thanh Tân	2.000	2.000	
-	Kênh mương nội đồng thôn Đồng Tâm đi thôn Đồng Tiến	HTX dịch vụ Nông nghiệp Thanh Kỳ	Xã Thanh Kỳ	UBND xã Thanh Kỳ	2.000	2.000	
-	Kênh mương và đường giao thông nội đồng khu sản xuất	HTX dịch vụ Nông nghiệp Phụng Xuân	Xã Phụng Nghi	UBND xã Phụng Nghi	2.000	2.000	
13	Quan Sơn						Giao UBND huyện phân bổ vốn chi tiết cho công trình sau khi đã đảm bảo đủ hồ sơ, thủ tục theo quy định.
-	Đường giao thông vùng sản xuất lâm nghiệp	HTX Nông Lâm nghiệp, dịch vụ Thủy nông Tam Thanh	Xã Tam Thanh	UBND xã Tam Thanh	2.000	2.000	
14	Nông Công						Giao UBND huyện phân bổ vốn chi tiết cho công trình sau khi đã đảm bảo đủ hồ sơ, thủ tục theo quy định.
-	Kiên cố hóa kênh tưới, tiêu từ đập Đồng Khuỳnh đi thôn Tân Kỳ	HTX dịch vụ Nông nghiệp Công Liêm	Xã Công Liêm	UBND xã Công Liêm	2.000	2.000	
-	Kiên cố hóa kênh mương phục vụ sản xuất	HTX Dịch vụ Nông nghiệp và Tiểu thủ Công nghiệp Tế Nông	Xã Tế Nông	UBND xã Tế Nông	2.000	2.000	
-	Xây dựng kênh mương nội đồng	HTX dịch vụ Nông nghiệp Thăng Bình	Xã Thăng Bình	UBND xã Thăng Bình	2.000	2.000	
15	Tĩnh Gia						Giao UBND huyện phân bổ vốn chi tiết cho công trình sau khi đã đảm bảo đủ hồ sơ, thủ tục theo quy định.
-	Kiên cố hóa các tuyến kênh nội vùng sản xuất tập trung	HTX dịch vụ Nông nghiệp Các Sơn	Xã Các Sơn	UBND xã Các Sơn	2.000	2.000	

Số TT	Danh mục công trình	Tên hợp tác xã	Địa điểm đầu tư	Chủ đầu tư	Mức vốn dự phòng NSTW hỗ trợ	Kế hoạch vốn năm 2020	Ghi chú
-	Đường và mương tưới tiêu	HTX dịch vụ Tổng hợp Trường Lâm	Xã Trường Lâm	UBND xã Trường Lâm	2.000	2.000	
16	Hậu Lộc						Giao UBND huyện phân bổ vốn chi tiết cho công trình sau khi đã đảm bảo đủ hồ sơ, thủ tục theo quy định.
-	Xây dựng đường giao thông nội đồng phục vụ sản xuất nông nghiệp từ thôn Phù Lạc đến thôn Lộc Động	HTX Nông nghiệp Phong Lộc	Xã Phong Lộc	UBND xã Phong Lộc	2.000	2.000	
-	Đường giao thông nội đồng từ Cống Kênh đi Tam Phong và từ Kênh Bắc đi Bãi rác Núi Nác	HTX Nông nghiệp Triệu Lộc	Xã Triệu Lộc	UBND xã Triệu Lộc	2.000	2.000	
-	Đường giao thông nội đồng phục vụ sản xuất nông nghiệp	HTX Nông nghiệp Thuần Lộc	Xã Thuần Lộc	UBND xã Thuần Lộc	2.000	2.000	

Ghi chú: Các Hợp tác xã huy động đảm bảo nguồn vốn đối ứng tối thiểu 20% tổng mức đầu tư xây dựng công trình để thực hiện theo quy định.

**Phụ lục số10: DANH MỤC VÀ MỨC VỐN BỐ TRÍ CHO CÁC CÔNG TRÌNH KHỞI CÔNG MỚI NĂM 2020 THEO ĐỀ ÁN HỖ TRỢ THÔN, BẢN ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN
VÙNG BIÊN GIỚI TỪ NGUỒN DỰ PHÒNG NSTW**

(Kèm theo Tờ trình số : 19 /TTr-UBND ngày 03 tháng 4 năm 2020 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	Danh mục công trình	Địa điểm đầu tư	Chủ đầu tư	Mức vốn dự phòng NSTW hỗ trợ	Kế hoạch vốn năm 2020	Ghi chú
	TỔNG SỐ			68.574	68.574	- Giao Sở Tài chính cấp vốn theo phương thức ngân sách tỉnh hỗ trợ có mục tiêu cho ngân sách huyện. - Giao Văn phòng điều phối NTM căn cứ các quy định của pháp luật, hướng dẫn, đơn đốc các huyện, thành phố tổ chức thực hiện đảm bảo theo quy định.
1	Lang Chánh					Giao UBND huyện phân bổ vốn chi tiết cho công trình sau khi đã đảm bảo đủ hồ sơ, thủ tục theo quy định.
-	Kênh mương nội đồng bản Chí Lý Nậm Đanh	Xã Yên Khương	UBND Xã Yên Khương	3.474	3.474	
-	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông từ Trung tâm xã Yên Khương đi bản Xã, bản Mè	Xã Yên Khương	UBND Xã Yên Khương	3.400	3.400	
2	Thường Xuân					Giao UBND huyện phân bổ vốn chi tiết cho công trình sau khi đã đảm bảo đủ hồ sơ, thủ tục theo quy định.
-	Đường giao thông đi vào thôn Ruộng	Xã Bát Mọt	UBND Xã Bát Mọt	4.300	4.300	
3	Quan Hóa					Giao UBND huyện phân bổ vốn chi tiết cho công trình sau khi đã đảm bảo đủ hồ sơ, thủ tục theo quy định.
-	Hệ thống đường nước sinh hoạt bản San	Xã Hiền Kiệt	UBND Xã Hiền Kiệt	3.400	3.400	
-	Hệ thống đường nước sinh hoạt bản Pọng 1	Xã Hiền Kiệt	UBND Xã Hiền Kiệt	3.400	3.400	
4	Quan Sơn					Giao UBND huyện phân bổ vốn chi tiết cho công trình sau khi đã đảm bảo đủ hồ sơ, thủ tục theo quy định.
-	Đường giao thông nông thôn từ bản Na Ấu đi bản Cha Lung	Xã Tam Thanh	UBND Xã Tam Thanh	5.300	5.300	
-	Nước sinh hoạt bản Na Nghịu	Xã Sơn Điện	UBND Xã Sơn Điện	5.450	5.450	
-	Nước sinh hoạt Xuân Thành	Xã Sơn Thủy	UBND Xã Sơn Thủy	5.450	5.450	
5	Mường Lát					Giao UBND huyện phân bổ vốn chi tiết cho công trình sau khi đã đảm bảo đủ hồ sơ, thủ tục theo quy định.
-	Dự án nối tiếp đường giao thông từ ngã 3 cầu tràn bản Co Còi đi bản Ca Giáng, xã Trung Lý	Xã Trung Lý	UBND Xã Trung Lý	5.300	5.300	
-	Nâng cấp Đập, kênh mương Pá Hộc, xã Nhi Sơn	Xã Nhi Sơn	UBND Xã Nhi Sơn	5.450	5.450	
-	Đường đi khu sản xuất từ bản Na Tao đi bản Cơm, xã Pù Nhi	Xã Pù Nhi	UBND Xã Pù Nhi	3.250	3.250	
-	Đường giao thông nội vùng bản Pù Ngùa, xã Pù Nhi	Xã Pù Nhi	UBND Xã Pù Nhi	3.100	3.100	

Số TT	Danh mục công trình	Địa điểm đầu tư	Chủ đầu tư	Mức vốn dự phòng NSTW hỗ trợ	Kế hoạch vốn năm 2020	Ghi chú
-	Đường giao thông nông thôn từ Poong Khuông đi bản Tân Hương, xã Tam Chung	Xã Tam Chung	UBND Xã Tam Chung	3.300	3.300	
-	Nâng cấp Đập, kênh mương Nà Pệt, xã Tam Chung	Xã Tam Chung	UBND Xã Tam Chung	3.200	3.200	
-	Nâng cấp Đập, kênh mương Pùng, xã Quang Chiêu	Xã Quang Chiêu	UBND Xã Quang Chiêu	5.400	5.400	
-	Đường giao thông nông thôn bản Ngổ đi bản Chai, xã Mường Chanh	Xã Mường Chanh	UBND Xã Mường Chanh	5.400	5.400	

Phụ lục số 11: CHI TIẾT HỖ TRỢ KINH PHÍ MUA XI MĂNG CHO CÁC XÃ NĂM 2020
(Kèm theo Tờ trình số : 19 /TTr-UBND ngày 03 tháng 4 năm 2020 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	Tên huyện, xã	Kế hoạch vốn năm 2020	Ghi chú
	TỔNG SỐ	9.582	
I	Thiệu Hóa		Giao Sở Tài chính cấp vốn theo phương thức ngân sách tỉnh hỗ trợ có mục tiêu cho ngân sách huyện.
1	Xã Thiệu Trung	80	
2	Xã Thiệu Hợp	80	
3	Xã Thiệu Phú	80	
4	Xã Tân Châu	100	
II	Yên Định		Giao Sở Tài chính cấp vốn theo phương thức ngân sách tỉnh hỗ trợ có mục tiêu cho ngân sách huyện.
1	Xã Yên Lâm	80	
2	Xã Yên Thọ	150	
3	Xã Yên Phong	80	
4	Xã Yên Thái	200	
5	Xã Định Liên	80	
6	Xã Định Long	80	
III	Hậu Lộc		Giao Sở Tài chính cấp vốn theo phương thức ngân sách tỉnh hỗ trợ có mục tiêu cho ngân sách huyện.
1	Xã Tiến Lộc	100	
2	Xã Thành Lộc	350	
3	Xã Lộc Sơn	100	
4	Xã Minh Lộc	80	
5	Xã Xuân Lộc	100	
6	Xã Tuy Lộc	100	
IV	Thạch Thành		Giao Sở Tài chính cấp vốn theo phương thức ngân sách tỉnh hỗ trợ có mục tiêu cho ngân sách huyện.
1	Xã Thành Hưng	100	
2	Xã Thạch Bình	80	
V	Thọ Xuân		Giao Sở Tài chính cấp vốn theo phương thức ngân sách tỉnh hỗ trợ có mục tiêu cho ngân sách huyện.
1	Xã Xuân Giang	80	
VI	Ngọc Lặc		Giao Sở Tài chính cấp vốn theo phương thức ngân sách tỉnh hỗ trợ có mục tiêu cho ngân sách huyện.
1	Xã Ngọc Liên	80	
VII	Quan Hoá		Giao Sở Tài chính cấp vốn theo phương thức ngân sách tỉnh hỗ trợ có mục tiêu cho ngân sách huyện.
1	Xã Hiền Chung	176	
2	Xã Nam Xuân	50	
3	Xã Phú Nghiêm	488	

Số TT	Tên huyện, xã	Kế hoạch vốn năm 2020	Ghi chú
4	Xã Trung Thành	312	
VIII	Đông Sơn		Giao Sở Tài chính cấp vốn theo phương thức ngân sách tỉnh hỗ trợ có mục tiêu cho ngân sách huyện.
1	Xã Đông Văn	80	
2	Xã Đông Minh	100	
3	Xã Đông Tiến	100	
4	Xã Đông Hòa	100	
IX	Như Thanh		Giao Sở Tài chính cấp vốn theo phương thức ngân sách tỉnh hỗ trợ có mục tiêu cho ngân sách huyện.
1	Xã Yên Thọ	35	
X	Thường Xuân		Giao Sở Tài chính cấp vốn theo phương thức ngân sách tỉnh hỗ trợ có mục tiêu cho ngân sách huyện.
1	Xã Xuân Lộc	143	
2	Xã Xuân Lẹ	162	
3	Xã Yên Nhân	42	
XI	Hà Trung		Giao Sở Tài chính cấp vốn theo phương thức ngân sách tỉnh hỗ trợ có mục tiêu cho ngân sách huyện.
1	Xã Hà Lĩnh	80	
2	Xã Hà Ngọc	200	
3	Xã Hà Bình	100	
4	Xã Hoạt Giang	80	
XII	Triệu Sơn		Giao Sở Tài chính cấp vốn theo phương thức ngân sách tỉnh hỗ trợ có mục tiêu cho ngân sách huyện.
1	Xã Bình Sơn	200	
2	Xã Khuyến Nông	100	
3	Xã An Nông	100	
XIII	Vĩnh Lộc		Giao Sở Tài chính cấp vốn theo phương thức ngân sách tỉnh hỗ trợ có mục tiêu cho ngân sách huyện.
1	Xã Vĩnh Tiến	80	
XIV	Quan Sơn		Giao Sở Tài chính cấp vốn theo phương thức ngân sách tỉnh hỗ trợ có mục tiêu cho ngân sách huyện.
1	Xã Tam Thanh	200	
2	Xã Mường Mìn	70	
XV	Nông Cống		Giao Sở Tài chính cấp vốn theo phương thức ngân sách tỉnh hỗ trợ có mục tiêu cho ngân sách huyện.
1	Xã Tượng Văn	80	
2	Xã Tế Lợi	80	
3	Xã Minh Nghĩa	80	
4	Xã Vạn Thắng	100	
5	Xã Tế Thắng	100	

Số TT	Tên huyện, xã	Kế hoạch vốn năm 2020	Ghi chú
XVI	Nga Sơn		Giao Sở Tài chính cấp vốn theo phương thức ngân sách tỉnh hỗ trợ có mục tiêu cho ngân sách huyện.
1	Xã Nga Trường	100	
2	Xã Nga Hải	100	
3	Xã Nga Vịnh	100	
4	Xã Nga Liên	100	
5	Xã Nga Thành	80	
6	Xã Nga Thái	100	
7	Xã Nga Văn	100	
8	Xã Nga Điền	100	
9	Xã Nga Thạch	80	
XVII	Hoàng Hóa		Giao Sở Tài chính cấp vốn theo phương thức ngân sách tỉnh hỗ trợ có mục tiêu cho ngân sách huyện.
1	Xã Hoàng Đạt	500	
2	Xã Hoàng Thành	100	
3	Xã Hoàng Trạch	100	
4	Xã Hoàng Cát	100	
5	Xã Hoàng Hà	100	
6	Xã Hoàng Sơn	500	
7	Xã Hoàng Xuyên	100	
XVIII	Quảng Xương		Giao Sở Tài chính cấp vốn theo phương thức ngân sách tỉnh hỗ trợ có mục tiêu cho ngân sách huyện.
1	Xã Quảng Giao	100	
2	Xã Quảng Thái	80	
3	Xã Quảng Khê	100	
4	Xã Quảng Thạch	100	
5	Xã Quảng Yên	80	
6	Xã Quảng Văn	80	
7	Xã Quảng Bình	80	
XIX	Tĩnh Gia		Giao Sở Tài chính cấp vốn theo phương thức ngân sách tỉnh hỗ trợ có mục tiêu cho ngân sách huyện.
1	Xã Hải Bình	100	
2	Xã Nghi Sơn	131	
XX	Thị xã Bỉm Sơn		Giao Sở Tài chính cấp vốn theo phương thức ngân sách tỉnh hỗ trợ có mục tiêu cho ngân sách huyện.
1	Xã Quang Trung	100	
XXI	Thành phố Thanh Hóa		Giao Sở Tài chính cấp vốn theo phương thức ngân sách tỉnh hỗ trợ có mục tiêu cho ngân sách huyện.
1	Xã Quảng Thịnh	180	
2	Xã Quảng Tâm	180	
3	Xã Quảng Phú	100	

Số TT	Tên huyện, xã	Kế hoạch vốn năm 2020	Ghi chú
XXII	Như Xuân		Giao Sở Tài chính cấp vốn theo phương thức ngân sách tỉnh hỗ trợ có mục tiêu cho ngân sách huyện.
1	Xã Thanh Xuân	193	

Phụ lục số 12: BỐ TRÍ VỐN THƯỜNG CHO CÁC XÃ ĐẠT CHUẨN NTM NĂM 2018 VÀ NĂM 2019 TỪ NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TỈNH

(Kèm theo Tờ trình số : 19 /TTr-UBND ngày 03 tháng 4 năm 2020 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

ĐVT: Triệu đồng

Số TT	Danh sách huyện, xã	Mức thưởng từ nguồn vốn NST	Kế hoạch vốn năm 2020	Ghi chú
	TỔNG SỐ		70.375	
I	Thành phố Thanh Hóa			Giao Sở Tài chính cấp vốn theo phương thức ngân sách tỉnh hỗ trợ có mục tiêu cho ngân sách thành phố
1	Đông Lĩnh	1.000	840	
2	Đông Vinh	1.000	840	
3	Thiệu Khánh	1.000	840	
4	Hoàng Lý	1.000	840	Hỗ trợ phường Tào Xuyên do sáp nhập xã
5	Thiệu Vân	1.000	840	
6	Quảng Cát	1.000	840	
7	Hoàng Quang	1.000	840	
II	Thị xã Bỉm Sơn			Giao Sở Tài chính cấp vốn theo phương thức ngân sách tỉnh hỗ trợ có mục tiêu cho ngân sách thị xã
1	Quang Trung	1.000	840	
III	Triệu Sơn			Giao Sở Tài chính cấp vốn theo phương thức ngân sách tỉnh hỗ trợ có mục tiêu cho ngân sách thị xã
1	Dân Lực	1.000	840	
2	Dân Quyền	1.000	840	
3	Khuyến Nông	1.000	840	
4	Thọ Cường	1.000	840	
5	Dân Lý	1.000	840	
6	Thọ Thế	1.000	840	
7	Nông trường	1.000	840	
8	An Nông	1.000	840	
IV	Hoàng Hóa			Giao Sở Tài chính cấp vốn theo phương thức ngân sách tỉnh hỗ trợ có mục tiêu cho ngân sách thị xã
1	Hoàng Xuyên	1.000	840	Hỗ trợ xã Hoàng Xuyên do sáp nhập xã
2	Hoàng Khê	1.000	845	
3	Hoàng Khánh	1.000	850	Hỗ trợ xã Hoàng Xuân do sáp nhập xã
4	Hoàng Cát	1.000	850	
5	Hoàng Thanh	1.000	850	
6	Hoàng Phụ	1.000	850	
7	Hoàng Hà	1.000	850	
8	Hoàng Thái	1.000	850	
9	Hoàng Châu	1.000	850	
10	Hoàng Trường	1.000	850	
11	Hoàng Hải	1.000	850	
12	Hoàng Yên	1.000	850	

Số TT	Danh sách huyện, xã	Mức thưởng từ nguồn vốn NST	Kế hoạch vốn năm 2020	Ghi chú
V	Tĩnh Gia			Giao Sở Tài chính cấp vốn theo phương thức ngân sách tỉnh hỗ trợ có mục tiêu cho ngân sách thị xã
1	Tân Dân	1.000	850	
2	Ninh Hải	1.000	850	
3	Hải Lĩnh	1.000	850	
VI	Quan Hóa			Giao Sở Tài chính cấp vốn theo phương thức ngân sách tỉnh hỗ trợ có mục tiêu cho ngân sách thị xã
1	Phú Nghiêm	1.000	850	
VII	Cẩm Thủy			Giao Sở Tài chính cấp vốn theo phương thức ngân sách tỉnh hỗ trợ có mục tiêu cho ngân sách thị xã
1	Cẩm Sơn	1.000	850	Hỗ trợ thị trấn Phong Sơn do sáp nhập xã
VIII	Vĩnh Lộc			Giao Sở Tài chính cấp vốn theo phương thức ngân sách tỉnh hỗ trợ có mục tiêu cho ngân sách thị xã
1	Vĩnh Khang	1.000	850	Hỗ trợ xã Ninh Khang do sáp nhập xã
2	Vĩnh Hưng	1.000	850	
3	Vĩnh Long	1.000	850	
4	Vĩnh An	1.000	850	
IX	Thạch Thành			Giao Sở Tài chính cấp vốn theo phương thức ngân sách tỉnh hỗ trợ có mục tiêu cho ngân sách thị xã
1	Thạch Định	1.000	850	
2	Thành Long	1.000	850	
XI	Hà Trung			Giao Sở Tài chính cấp vốn theo phương thức ngân sách tỉnh hỗ trợ có mục tiêu cho ngân sách thị xã
1	Hà Phú	1.000	850	
2	Hà Tân	1.000	850	
XI	Ngọc Lặc	1.000		Giao Sở Tài chính cấp vốn theo phương thức ngân sách tỉnh hỗ trợ có mục tiêu cho ngân sách thị xã
1	Kiên Thọ	1.000	850	
2	Quang Trung	1.000	850	
3	Ngọc Sơn	1.000	850	
XII	Thường Xuân			Giao Sở Tài chính cấp vốn theo phương thức ngân sách tỉnh hỗ trợ có mục tiêu cho ngân sách thị xã
1	Luận Thành	1.000	850	
2	Thọ Thanh	1.000	850	
XIII	Nga Sơn			Giao Sở Tài chính cấp vốn theo phương thức ngân sách tỉnh hỗ trợ có mục tiêu cho ngân sách thị xã
1	Nga Bạch	1.000	850	
2	Nga Thanh	1.000	850	
3	Nga Tiến	1.000	850	
4	Nga Thủy	1.000	850	
5	Nga Tân	1.000	850	

Số TT	Danh sách huyện, xã	Mức thưởng từ nguồn vốn NST	Kế hoạch vốn năm 2020	Ghi chú
6	Nga Thăng	1.000	850	
7	Nga Thiện	1.000	850	
8	Nga Nhân	1.000	850	Hỗ trợ xã Nga Phượng do sáp nhập xã
9	Nga Vĩnh	1.000	850	
XIV	Như Thanh			Giao Sở Tài chính cấp vốn theo phương thức ngân sách tỉnh hỗ trợ có mục tiêu cho ngân sách thị xã
1	Yên Lạc	1.000	850	
2	Phúc Đường	1.000	850	Hỗ trợ xã Xuân Phúc do sáp nhập xã
3	Xuân Phúc	1.000	850	
XV	Thiệu Hóa			Giao Sở Tài chính cấp vốn theo phương thức ngân sách tỉnh hỗ trợ có mục tiêu cho ngân sách thị xã
1	Thiệu Vận	1.000	850	
2	Thiệu Giao	1.000	850	
3	Thiệu Ngọc	1.000	850	
4	Thiệu Toán	1.000	850	
5	Thiệu Quang	1.000	850	
XVI	Hậu Lộc			Giao Sở Tài chính cấp vốn theo phương thức ngân sách tỉnh hỗ trợ có mục tiêu cho ngân sách thị xã
1	Mỹ Lộc	1.000	850	
2	Hung Lộc	1.000	850	
3	Tuy Lộc	1.000	850	
4	Thành Lộc	1.000	850	
5	Lộc Sơn	1.000	850	
6	Xuân Lộc	1.000	850	
XVII	Thọ Xuân			Giao Sở Tài chính cấp vốn theo phương thức ngân sách tỉnh hỗ trợ có mục tiêu cho ngân sách thị xã
1	Thọ Thăng	1.000	850	Hỗ trợ xã Xuân Lập do sáp nhập xã
2	Xuân Phú	1.000	850	
3	Quảng Phú	1.000	850	
4	Xuân Thiên	1.000	850	
XVIII	Sầm Sơn			Giao Sở Tài chính cấp vốn theo phương thức ngân sách tỉnh hỗ trợ có mục tiêu cho ngân sách thị xã
1	Quảng Minh	1.000	850	
2	Quảng Hùng	1.000	850	
XIX	Nông Cống			Giao Sở Tài chính cấp vốn theo phương thức ngân sách tỉnh hỗ trợ có mục tiêu cho ngân sách thị xã
1	Tân Phúc	1.000	850	
2	Minh Khôi	1.000	850	
3	Thăng Thọ	1.000	850	

Số TT	Danh sách huyện, xã	Mức thưởng từ nguồn vốn NST	Kế hoạch vốn năm 2020	Ghi chú
XX	Như Xuân			Giao Sở Tài chính cấp vốn theo phương thức ngân sách tỉnh hỗ trợ có mục tiêu cho ngân sách thị xã
1	Cát Văn	1.000	850	
2	Xuân Bình	1.000	850	
XXI	Bá Thước			Giao Sở Tài chính cấp vốn theo phương thức ngân sách tỉnh hỗ trợ có mục tiêu cho ngân sách thị xã
1	Điền Trung	1.000	850	
XXII	Quan Sơn			Giao Sở Tài chính cấp vốn theo phương thức ngân sách tỉnh hỗ trợ có mục tiêu cho ngân sách thị xã
1	Sơn Hà	1.000	850	
XXIII	Lang Chánh			Giao Sở Tài chính cấp vốn theo phương thức ngân sách tỉnh hỗ trợ có mục tiêu cho ngân sách thị xã
1	Trí Nang	1.000	850	

Phụ lục số 13: BỐ TRÍ VỐN THƯỜNG CHO CÁC THÔN, BẢN MIỀN NÚI ĐẠT CHUẨN NTM NĂM 2018, 2019 TỪ NGUỒN VỐN NST

(Kèm theo Tờ trình số 19 /TTr-UBND ngày 03 tháng 4 năm 2020 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

ĐVT: Triệu đồng

Số TT	Đơn vị	Mức thưởng từ nguồn NST	Kế hoạch vốn năm 2020	Ghi chú
	TỔNG SỐ	20.500	20.500	Giao Sở Tài chính cấp vốn theo phương thức ngân sách tỉnh hỗ trợ có mục tiêu cho ngân sách huyện để thực hiện; UBND cấp huyện quyết định bổ sung vốn có mục tiêu cho ngân sách xã để thanh toán hạng mục đầu tư thuộc đối tượng đầu tư bằng ngân sách nhà nước; để duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chí NTM ở các thôn, bản.
A	Thôn, bản đạt chuẩn NTM năm 2018	9.400	9.400	
I	Huyện Vĩnh Lộc			
1	Xã Vĩnh Thịnh			
-	Thôn 3	100	100	
-	Thôn 5	100	100	
-	Thôn 7	100	100	
-	Thôn 8	100	100	
-	Thôn Đồng Lữ	100	100	
2	Xã Vĩnh Long			
-	Thôn Đông Môn	100	100	
-	Thôn Cầu Mư	100	100	
3	Xã Vĩnh Quang			
-	Thôn Tiến Ích 2	100	100	
-	Thôn Quan Nhân	100	100	
4	Xã Vĩnh An			
-	Thôn 1	100	100	
-	Thôn 7	100	100	
5	Xã Vĩnh Hùng			
-	Thôn Xóm Bình	100	100	
-	Thôn Xóm Nam	100	100	
-	Thôn Xóm Đông Thắng	100	100	
-	Thôn Xóm Hát	100	100	
-	Thôn Xóm Trung	100	100	
-	Thôn Xóm Mới	100	100	
-	Thôn Việt Yên	100	100	
-	Thôn Đồng Mục	100	100	
-	Thôn Sốc Sơn 1	100	100	
-	Thôn Sốc Sơn 2	100	100	
-	Thôn Sốc Sơn 3	100	100	
II	Huyện Quan Sơn			
1	Xã Tam Thanh			
-	Bản Na Ấu	100	100	
-	Bản Kham	100	100	

Số TT	Đơn vị	Mức thưởng từ nguồn NST	Kế hoạch vốn năm 2020	Ghi chú
2	Xã Trung Hạ			
-	Bản Dìn	100	100	
3	Xã Sơn Lư			
-	Bản Hẹ	100	100	Kinh phí thưởng cho bản Hẹ, xã Sơn Lư, cấp phát về thị trấn Quan Sơn do sát nhập xã
4	Xã Mường Mìn			
-	Bản Yên	100	100	
5	Xã Trung Tiến			
-	Bản Tong	100	100	
6	Xã Sơn Điện			
-	Bản Tân Sơn	100	100	
III	Huyện Thường Xuân			
1	Xã Lương Sơn			
-	Thôn Lương Thiện	100	100	
2	Xã Thọ Thanh			
-	Thôn Hai	100	100	
-	Thôn Ba	100	100	
3	Xã Luận Thành			
-	Thôn Sơn Minh	100	100	
IV	Huyện Bá Thước			
1	Xã Diên Trung			
-	Thôn Cò Lượn	100	100	
-	Thôn Trúc	100	100	
-	Thôn Muống Do	100	100	
2	Xã Lâm Xa			
-	Thôn Sán	100	100	Kinh phí thưởng cho thôn Sán, xã Lâm Xa cấp phát về thị trấn Cảnh Nang do sát nhập xã
3	Xã Lũng Niêm			
	Phó Đoàn	100	100	
4	Xã Thiết Ống			
	Thôn Trếch	100	100	
	Thôn Suội	100	100	
5	Xã Lương Trung			
	Thôn Quang Trung	100	100	
6	Xã Diên Quang			
	Thôn Lũng	100	100	
7	Xã Thành Lâm			
	Thôn Cốc	100	100	
V	Huyện Như Thanh			
1	Xã Phúc Đường			

Số TT	Đơn vị	Mức thưởng từ nguồn NST	Kế hoạch vốn năm 2020	Ghi chú
	Thôn 5	100	100	Kinh phí thưởng cho thôn 5, xã Phúc Đường cấp phát về xã Xuân Phúc do sát nhập xã
2	Xã Thanh Tân			
	Thôn Khả La	100	100	
3	Xã Xuân Khang			
	Thôn Xuân Hưng	100	100	
	Thôn Xuân Thành	100	100	
4	Xã Yên Lạc			
	Thôn Tân Tiến	100	100	
	Thôn Tân Long	100	100	
	Thôn Tân Xuân	100	100	
5	Xã Xuân Phúc			
	Thôn 3	100	100	
VI	Huyện Cẩm Thủy			
1	Xã Cẩm Thạch			
	Thôn Bùi	100	100	
2	Xã Cẩm Thành			
	Thôn Chiềng Trám	100	100	Hỗ trợ thôn Chiềng Chanh (do sáp nhập thôn)
	Thôn Cò Cánh	100	100	Hỗ trợ thôn Cánh Én (do sáp nhập thôn)
	Thôn Phăng Khánh	100	100	
3	Xã Cẩm Sơn			
	Thôn Cầu Mây	100	100	Hỗ trợ thôn Linh Thung (do sáp nhập thôn)
4	Xã Cẩm Yên			
	Thôn 104	100	100	Hỗ trợ thôn Trâm Lựt (do sáp nhập thôn)
5	Xã Cẩm Lương			
	Thôn Lương Ngọc	100	100	
VII	Huyện Thọ Xuân			
1	Xã Xuân Phú			
	Thôn Cửa Trát	100	100	
2	Xã Thọ Lâm			
	Thôn Điền Trạch	100	100	
	Thôn Quần Ngọc	100	100	
	Thôn Đẳng Lâu	100	100	
3	Xã Quảng Phú			
	Thôn 6	100	100	
	Thôn 7	100	100	
	Thôn 9	100	100	
	Thôn 13	100	100	
	Thôn 17	100	100	
VIII	Huyện Như Xuân			
1	Xã Xuân Bình			

Số TT	Đơn vị	Mức thưởng từ nguồn NST	Kế hoạch vốn năm 2020	Ghi chú
	Thôn 13	100	100	
IX	Huyện Thạch Thành			
1	Xã Thạch Cẩm			
	Thôn Cẩm Lợi 2	100	100	
	Thôn Thành Quang	100	100	
2	Xã Thành Thọ			
	Thôn Đự	100	100	
	Thôn Phú Cốc	100	100	
3	Xã Thạch Quảng			
	Thôn Làng Thố	100	100	Hỗ trợ thôn Quảng Cộng (do sáp nhập thôn)
	Thôn Bái Thố	100	100	Hỗ trợ thôn Quảng Thắng (do sáp nhập thôn)
	Thôn Quảng Be	100	100	
	Thôn Quảng Yên	100	100	
X	Huyện Quan Hóa			
1	Xã Phú Xuân			
	Bản Mí	100	100	
2	Xã Phú Thanh			
	Bản Trung Tân	100	100	
XI	Huyện Ngọc Lặc			
1	Xã Quang Trung			
	Thôn Quang Tiến	100	100	Hỗ trợ thôn Râm Duộng (do sáp nhập thôn)
	Thôn Quang Thái Bình	100	100	
2	Xã Phúc Thịnh			
	Thôn Bái	100	100	
3	Xã Đồng Thịnh			
	Thôn Mới	100	100	
	Thôn Me	100	100	
	Thôn Rênh	100	100	
	Thôn Đồi Đỏ	100	100	
	Thôn Chiềng	100	100	
4	Xã Mỹ Tân			
	Thôn Mỹ	100	100	Hỗ trợ thôn Hạ Mỹ (do sáp nhập thôn)
5	Ngọc Sơn			
	Thôn Linh Sơn	100	100	
	Thôn Hoành Sơn	100	100	
6	Xã Ngọc Trung			
	Thôn Yên Thắng	100	100	
7	Xã Thạch Lập			
	Thôn Lương Thiện	100	100	
	Thôn Lập Thắng	100	100	
8	Xã Minh Sơn			

Số TT	Đơn vị	Mức thưởng từ nguồn NST	Kế hoạch vốn năm 2020	Ghi chú
	Thôn Minh Châu 2	100	100	
9	Xã Thúc Sơn			
	Thôn Lương Sơn	100	100	
B	Thôn, bản đạt chuẩn NTM năm 2019	11.100	11.100	
I	Huyện Vĩnh Lộc			
1	Xã Vĩnh Long			
	Thôn Bèo	100	100	
	Thôn Cẩm Bảo	100	100	
	Thôn Đồi Thợ	100	100	
	Thôn Đồi Mỏ	100	100	
	Thôn Tân Lập	100	100	
2	Xã Vĩnh Hưng			
	Thôn 1	100	100	
	Thôn 2	100	100	
	Thôn 3	100	100	
	Thôn 4	100	100	
	Thôn 5	100	100	
	Thôn 6	100	100	
	Thôn 7	100	100	
	Thôn 8	100	100	
3	Xã Vĩnh An			
	Thôn 4	100	100	
	Thôn 5	100	100	
	Thôn 9	100	100	
II	Huyện Như Xuân			
1	Xã Xuân Bình			
	Thôn Hào	100	100	
	Thôn Xuân Hợp	100	100	
	Thôn Bảy	100	100	
	Thôn Mít	100	100	
	Thôn Mơ	100	100	
2	Xã Cát Văn			
	Thôn Văn Bình	100	100	
	Thôn Văn Hòa	100	100	
	Thôn Văn Thượng	100	100	
	Thôn Văn Tiến	100	100	
3	Xã Cát Tân			
	Thôn Cát Lợi	100	100	
	Thôn Cát Xuân	100	100	
4	Xã Thượng Ninh			
	Thôn Đồng Thanh	100	100	

Số TT	Đơn vị	Mức thưởng từ nguồn NST	Kế hoạch vốn năm 2020	Ghi chú
5	Xã Tân Bình			
	Thôn Đức Bình	100	100	
6	Xã Thanh Lâm			
	Thôn Làng Kèn	100	100	
7	Xã Bình Lương			
	Thôn Thắng Lộc	100	100	
	Thôn Hợp Thành	100	100	
III	Huyện Bá Thước			
1	Xã Diên Trung			
	Thôn Xạ	100	100	
	Thôn Râm Tám	100	100	
	Thôn Giát	100	100	
	Thôn Cùn Láo	100	100	
2	Xã Lâm Xa			
	Thôn Cảnh Nàng	100	100	Kinh phí thưởng cho thôn Cảnh Nàng, xã Lâm Xa cấp phát về thị trấn Cảnh Nàng do sát nhập xã
IV	Huyện Như Thanh			
1	Xã Phương Nghi			
	Thôn Bái Đa 1	100	100	
	Thôn Bái Đa 2	100	100	
	Thôn Đông Tâm	100	100	
2	Xã Xuân Khang			
	Thôn Xuân Lộc	100	100	
	Thôn Xuân Hòa	100	100	
3	Xã Xuân Thái			
	Thôn Cây Nghĩa	100	100	
V	Huyện Ngọc Lặc			
1	Xã Lộc Thịnh			
	Thôn Ngã Hón	100	100	
	Thôn Cò Chè	100	100	
2	Xã Phùng Minh			
	Thôn Minh Lãi	100	100	
3	Xã Kiên Thọ			
	Thôn Thọ Phú	100	100	
	Thôn Xuân Thành	100	100	
	Thôn Đức Thịnh	100	100	
	Thôn Thọ Liên	100	100	
	Thôn Thành Sơn	100	100	
	Thôn Thống Nhất	100	100	
	Thôn Kiên Minh	100	100	
	Thôn 11	100	100	

Số TT	Đơn vị	Mức thưởng từ nguồn NST	Kế hoạch vốn năm 2020	Ghi chú
	Thôn Thành Công	100	100	
4	Xã Ngọc Sơn			
	Thôn Điền Sơn	100	100	
	Thôn Kim Thủy	100	100	
	Thôn Minh Phong	100	100	
	Thôn Tiên Phong	100	100	
5	Xã Ngọc Trung			
	Thôn Thọ Phú	100	100	
	Thôn Trung Thành	100	100	
6	Xã Thạch Lập			
	Thôn Đô Ung	100	100	
	Thôn Minh Tiến	100	100	
7	Xã Minh Sơn			
	Thôn Minh Liên	100	100	
	Thôn Minh Hòa	100	100	
8	Xã Minh Tiến			
	Thôn Minh Cơ	100	100	
	Thôn Hương Tiến	100	100	
9	Xã Cao Ngọc			
	Thôn Vìn Cộn	100	100	
VI	Huyện Quan Sơn			
1	Xã Sơn Hà			
	Bản Nà Oí	100	100	
	Bản Xum	100	100	
	Bản Lầu	100	100	
	Bản Nà Sáng	100	100	
2	Xã Trung Thượng			
	Bản Bách	100	100	
3	Xã Trung Hạ			
	Bản Lợi	100	100	
	Bản Bá	100	100	
4	Xã Mường Mìn			
	Bản Chiềng	100	100	
5	Xã Trung Tiến			
	Bản Lâm	100	100	
6	Xã Trung Xuân			
	Bản Phú Nam	100	100	
7	Xã Tam Thanh			
	Bản Ngảm	100	100	
	Bản Phe	100	100	
8	Xã Sơn Lư			

Số TT	Đơn vị	Mức thưởng từ nguồn NST	Kế hoạch vốn năm 2020	Ghi chú
	Bản Păng	100	100	Kinh phí thưởng cho bản Păng, xã Sơn Lư cấp phát về thị trấn Quan Sơn do sát nhập xã
9	Xã Na Mèo			
	Bản Na Mèo	100	100	
10	Xã Sơn Điện			
	Bản Ban	100	100	
VII	Huyện Hà Trung			
1	Xã Hà Tiến			
	Thôn Cẩm Sơn	100	100	
	Thôn Hương Đạm	100	100	
	Thôn Bồng Sơn	100	100	
	Thôn Yên Phú	100	100	
	Thôn Đồng Bồng	100	100	
VIII	Huyện Thường Xuân			
1	Xã Luận Thành			
	Thôn Tiến Hưng 1	100	100	
2	Xã Thọ Thanh			
	Thôn Thanh Long	100	100	
	Thôn Thanh Cao	100	100	
3	Xã Xuân Cẩm			
	Thôn Xuân Quang	100	100	Kinh phí thưởng cho thôn Xuân Quang, xã Xuân Cẩm cấp phát về thị trấn Thường Xuân do sát nhập xã
4	Xã Tân Thành			
	Thôn Thành Thượng	100	100	
5	Xã Xuân Cao			
	Thôn Vinh Quang	100	100	
	Thôn Quyết Thắng 1	100	100	
6	Xã Vạn Xuân			
	Thôn Bù Dồn	100	100	
	Thôn Cang Khèn	100	100	
7	Xã Bái Mọt			
	Thôn Vịn	100	100	
8	Xã Yên Nhân			
	Thôn Chiềng	100	100	
IX	Huyện Lang Chánh			
1	Xã Trí Nang			
	Bản Năng Cát	100	100	
	Thôn Giàng Vín	100	100	
2	Xã Tân Phúc			
	Thôn Tân Phong	100	100	
X	Huyện Quan Hóa			

Số TT	Đơn vị	Mức thưởng từ nguồn NST	Kế hoạch vốn năm 2020	Ghi chú
1	Xã Hồi Xuân Bản Ban	100	100	
2	Xã Phú Xuân Bản Mỏ	100	100	
3	Xã Phú Sơn Bản Tái Giác	100	100	
4	Xã Thành Sơn Bản Sơn Thành	100	100	
5	Xã Trung Sơn Bản Tả Bán	100	100	
6	Xã Nam Động Bản Chiềng	100	100	
7	Xã Thiên Phú Bản Chong	100	100	
8	Xã Hiền Kiệt Bản Chiềng Hìn	100	100	
XI	Huyện Mường Lát			
L	Xã Pù Nhi Bản Hạ Sơn	100	100	